

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ CHẤN HƯNG, PHÁT  
TRIỂN VĂN HÓA, XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM  
GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

**Hà Nội, tháng 8 năm 2023**

## Mục lục

<b>Phần thứ I.....</b>	<b>12</b>
<b>THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>12</b>
<b>1. Tên Chương trình.....</b>	<b>12</b>
<b>2. Cơ quan chủ trì Chương trình.....</b>	<b>12</b>
<b>3. Đối tượng thụ hưởng của Chương trình.....</b>	<b>12</b>
<b>4. Địa điểm thực hiện Chương trình.....</b>	<b>12</b>
<b>5. Tổng vốn thực hiện Chương trình.....</b>	<b>12</b>
<b>6. Thời gian thực hiện.....</b>	<b>13</b>
<b>7. Cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình.....</b>	<b>13</b>
<b>Phần thứ II.....</b>	<b>14</b>
<b>NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>14</b>
<b>I. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ.....</b>	<b>14</b>
<b>1. Chương trình nhằm triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng và Quốc hội về phát triển chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam.....</b>	<b>15</b>
<b>2. Chương trình nhằm cụ thể hóa các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển văn hóa của đất nước.....</b>	<b>17</b>
<b>2.1. Triển khai cụ thể chiến lược phát triển văn hóa và các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực liên quan.....</b>	<b>17</b>
<b>2.2. Thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.....</b>	<b>19</b>
<b>a) Thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia.....</b>	<b>19</b>

b) Thực hiện quy hoạch các vùng kinh tế - xã hội.....	20
<b>3. Chương trình nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo vệ, phát triển văn hóa bền vững .....</b>	<b>21</b>
<b>4. Chương trình nhằm nâng cao, tiếp nối các nhiệm vụ về phát triển văn hóa tại các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, chương trình, đề án, dự án giai đoạn trước và đang triển khai.....</b>	<b>22</b>
<b>4.1. Một số kết quả, thành tựu nổi bật.....</b>	<b>22</b>
a) Các chương trình giai đoạn trước .....	22
b) Các chương trình, đề án đang triển khai.....	23
<b>4.2. Hạn chế, nguyên nhân .....</b>	<b>31</b>
<b>4.3. Định hướng kế thừa, phát huy .....</b>	<b>33</b>
<b>5. Giải quyết các vấn đề thực tiễn cấp bách của văn hóa trong thời kỳ mới .....</b>	<b>33</b>
<b>5.1. Đánh giá thực trạng kết quả đạt được thời gian qua.....</b>	<b>33</b>
<b>5.2. Những hạn chế, thách thức.....</b>	<b>41</b>
<b>5.3. Những vấn đề cấp bách cần được giải quyết trong Chương trình.....</b>	<b>48</b>
<b>II. CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>51</b>
<b>1. Văn bản chỉ đạo của Đảng.....</b>	<b>51</b>
1.1. Các văn bản chỉ đạo quan trọng đối với lĩnh vực văn hóa.....	51
1.2. Các văn bản chỉ đạo liên quan đến việc phát triển văn hóa và con người Việt Nam.....	52
<b>2. Văn bản quy phạm pháp luật.....</b>	<b>53</b>
2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật (VPQPPL) trong lĩnh vực văn hóa.....	53
2.2. Các VPQPPL trong các lĩnh vực khác có liên quan đến phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam.....	54

<b>3. Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.....</b>	<b>55</b>
<b>3.1. Các Chiến lược trong lĩnh vực văn hóa .....</b>	<b>55</b>
<b>3.2. Các Chiến lược trong lĩnh vực khác liên quan đến phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam.....</b>	<b>55</b>
<b>4. Các Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội .....</b>	<b>57</b>
<b>5. Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án .....</b>	<b>58</b>
<b>III. QUAN ĐIỂM.....</b>	<b>58</b>
<b>1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực, nguồn lực nội sinh quan trọng của phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đầu tư cho văn hóa, xây dựng con người là đầu tư cơ bản cho phát triển, động lực, nguồn lực để thực hiện khát vọng phát triển dân tộc.....</b>	<b>58</b>
<b>2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam. Quán triệt vai trò và tầm quan trọng của văn hóa, phát triển văn hóa ngang hàng với chính trị, kinh tế và xã hội.....</b>	<b>60</b>
<b>4. Đảm bảo đầu tư phát triển toàn diện, hài hòa giữa các lĩnh vực hoạt động văn hóa; giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các giá trị hiện đại, dân tộc với quốc tế, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên lĩnh vực văn hóa .....</b>	<b>62</b>
<b>6. Phát triển văn hóa phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và theo từng giai đoạn, xuyên suốt các cấp, các ngành, từ Trung ương đến địa phương, trong toàn bộ các lĩnh vực, các khía cạnh của văn hóa, trong đầu tư, phát triển và hưởng thụ văn hóa.....</b>	<b>64</b>
<b>1. Mục tiêu tổng quát.....</b>	<b>65</b>
<b>2. Mục tiêu cụ thể.....</b>	<b>66</b>

2.1. Mục tiêu cụ thể đến 2030 .....	66
2.2. Mục tiêu cụ thể đến 2035 .....	67
<b>V. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, YÊU CẦU THỰC HIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH .....</b>	<b>68</b>
1. Phạm vi .....	68
2. Đối tượng .....	68
3. Yêu cầu .....	69
<b>VI. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình ..</b>	<b>71</b>
1. Dự kiến nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình.....	71
2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn NSTW .....	72
3. Cơ chế phân bổ vốn NSTW .....	72
4. Cơ chế hỗ trợ vốn NSTW cho các địa phương.....	73
5.1. Vốn ngân sách địa phương .....	74
5.2. Nguồn vốn khác .....	74
<b>VII. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn và tiến độ thực hiện.....</b>	<b>75</b>
<b>VIII. Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện .....</b>	<b>76</b>
1. Chi phí quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình.....	76
2. Chi phí duy tu bảo dưỡng các công trình.....	76
3. Chi phí vận hành sau khi Chương trình kết thúc.....	77
<b>IX. Đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội của Chương trình.....</b>	<b>77</b>
1. Về kinh tế.....	77
2. Về xã hội .....	78
3. Về văn hoá.....	79

4. Về môi trường .....	79
5. Về quốc phòng, an ninh.....	80
<b>X. NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>81</b>
<b>1. Phát triển nhân cách văn hóa con người Việt Nam.....</b>	<b>81</b>
<b>1.1. Xây dựng hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới .....</b>	<b>82</b>
<b>1.2. Thúc đẩy quyền, nghĩa vụ, văn hóa sống và làm việc theo pháp luật...83</b>	
<b>1.3. Phát triển thể chất và kỹ năng xã hội để phát triển con người toàn diện .....</b>	<b>84</b>
<b>1.4. Phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới.....</b>	<b>84</b>
<b>1.5. Tăng cường năng lực về hoạch định chính sách, xây dựng, thực thi pháp luật về văn hóa.....</b>	<b>85</b>
<b>2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả.....</b>	<b>85</b>
<b>2.1. Phát triển hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hóa nghệ thuật chất lượng cao, hướng đến đẳng cấp quốc tế .....</b>	<b>89</b>
<b>2.2. Nâng cao năng lực cơ sở hạ tầng và giáo dục văn hóa nghệ thuật trong hệ thống thiết chế bảo tàng .....</b>	<b>89</b>
<b>2.3. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, nâng cao năng lực vận hành của các thiết chế văn hóa cơ sở .....</b>	<b>90</b>
<b>2.4. Thúc đẩy vai trò của trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực văn hóa, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tuân thủ pháp luật .....</b>	<b>90</b>
<b>2.5. Xây dựng đời sống văn hóa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống để phát triển sinh kế của các cộng đồng dân tộc thiểu số và miền núi .....</b>	<b>91</b>

2.6. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân hướng tới phát triển bền vững, bao trùm.....	91
2.7. Hỗ trợ phát triển văn hóa đợc gắn với các thiết chế thư viện.....	92
2.8. Phát triển hệ thống không gian văn hóa sáng tạo công cộng nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, giáo dục thẩm mỹ của người dân, đặc biệt là giới trẻ .....	93
2.9. Xây dựng, phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa trong các cơ sở giáo dục, đào tạo .....	93
3. Nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền và giáo dục văn hóa .....	94
3.1. Đa dạng hóa các hình thức, phương thức và nội dung tuyên truyền, giáo dục về văn hóa.....	94
3.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật, di sản văn hóa trong hệ thống giáo dục phổ thông.....	95
3.3. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở, đặc biệt là các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số .....	96
3.4. Phát huy vai trò của cơ quan truyền thông, báo chí nhằm quảng bá, lan tỏa giá trị văn hóa tốt đẹp, phản bác, đấu tranh với các thông tin sai trái, thù địch, xấu đợc.....	96
4. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc.....	97
4.1. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh .....	100
4.2. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.....	100
4.3. Bảo tồn, phát huy giá trị di sản tư liệu, cổ vật, bảo vật quốc gia .....	101
4.4. Nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả của hệ thống bảo tàng lịch sử .....	102

4.5. Tăng cường trợ giúp pháp lý về bảo vệ và phát huy di sản văn hóa ..	102
5. Thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật .....	103
5.1. Hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật .....	104
5.2. Phát triển hoạt động phê bình, lý luận, giám định, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật .....	105
5.3. Hỗ trợ cơ sở vật chất hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển văn học, nghệ thuật.....	105
5.4. Đầu tư có trọng điểm các công trình, tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao của Việt Nam.....	106
5.5. Hỗ trợ quảng bá, phổ biến tác phẩm, thành tựu văn học nghệ thuật có chất lượng cao đến đông đảo nhân dân .....	106
6. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.....	107
6.1. Hình thành các trung tâm công nghiệp văn hóa.....	109
6.2. Nâng cao hiệu quả bảo hộ bản quyền tác giả trong việc phát triển công nghiệp văn hóa .....	109
6.3. Phát triển doanh nghiệp công nghiệp văn hóa và thị trường sản phẩm công nghiệp văn hóa có năng lực cạnh tranh cao .....	110
7. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực văn hóa.....	111
7.1. Quản lý văn hóa trên môi trường số, xây dựng chính phủ số .....	114
7.2. Số hóa dữ liệu, xây dựng, bảo vệ cơ sở dữ liệu văn hóa quốc gia trên môi trường số .....	115
7.3. Ứng dụng khoa học công nghệ và thông tin trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa .....	116
7.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các ngành công nghiệp văn hóa.....	117



<b>7.5. Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên không gian số, thúc đẩy thị trường văn hóa trên môi trường số .....</b>	<b>117</b>
<b>7.6. Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, nghiên cứu cơ bản để phát triển văn hóa .....</b>	<b>117</b>
<b>8. Phát triển nguồn nhân lực văn hóa.....</b>	<b>118</b>
<b>8.1. Phát triển nguồn nhân lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa .....</b>	<b>121</b>
<b>8.2. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa .....</b>	<b>121</b>
<b>8.3. Tạo môi trường để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội, tài năng lĩnh vực văn hóa nghệ thuật được sáng tạo, cống hiến, rèn luyện phát triển tài năng .....</b>	<b>123</b>
<b>8.4. Phát triển nguồn nhân lực các ngành công nghiệp văn hóa .....</b>	<b>123</b>
<b>8.5. Nâng cao năng lực các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.....</b>	<b>123</b>
<b>9. Hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới.....</b>	<b>125</b>
<b>9.1. Phát huy vai trò các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài.....</b>	<b>126</b>
<b>9.2. Quảng bá văn hóa Việt Nam tại các sự kiện quốc tế lớn tại nước ngoài .....</b>	<b>126</b>
<b>9.3. Tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam.....</b>	<b>126</b>
<b>9.4. Giới thiệu, truyền thông tinh hoa văn hóa Việt nam ra nước ngoài theo các hình thức khác nhau .....</b>	<b>127</b>
<b>9.5. Tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế về văn hóa nghệ thuật và hỗ trợ phát triển sáng tạo nghệ thuật thông qua giao lưu văn hóa.....</b>	<b>127</b>
<b>9.6. Phát triển văn hóa trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài ...</b>	<b>128</b>

<b>XI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....</b>	<b>128</b>
1. Nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đồng thời phổ biến, truyền thông nâng cao nhận thức về Chương trình .....	128
2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để phát huy hiệu quả các hoạt động văn hóa nghệ thuật và thúc đẩy sự sáng tạo để phát triển ngành văn hóa, các thiết chế văn hóa cơ sở phát huy hiệu quả nhằm kích lệ khát vọng sáng tạo và tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân.....	129
3. Tập trung nguồn lực và có cơ chế huy động nguồn lực thực hiện Chương trình .....	130
4. Xây dựng cơ chế, phân cấp, phân quyền cụ thể trong triển khai Chương trình .....	132
5. Tổ chức bộ máy thực hiện Chương trình.....	132
6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát Chương trình .....	132
<b>XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>132</b>
1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.....	132
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư.....	135
3. Bộ Tài chính .....	135
4. Các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan .....	136
4.1. Bộ Công an .....	137
4.2. Bộ Công Thương.....	137
4.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo.....	137
4.4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội .....	138
4.5. Bộ Ngoại giao .....	138

<b>4.6. Bộ Quốc phòng.....</b>	<b>138</b>
<b>4.7. Bộ Thông tin và Truyền thông .....</b>	<b>138</b>
<b>4.8. Bộ Tư pháp.....</b>	<b>138</b>
<b>4.9. Bộ Xây dựng.....</b>	<b>139</b>
<b>4.10. Bộ Y tế .....</b>	<b>139</b>
<b>4.11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.....</b>	<b>139</b>
<b>5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương .....</b>	<b>139</b>
<b>6. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội .....</b>	<b>141</b>
<b>XIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>141</b>

## Phần thứ I

### THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH

#### 1. Tên Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### 2. Cơ quan chủ trì Chương trình

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

#### 3. Đối tượng thụ hưởng của Chương trình

Đối tượng thụ hưởng của Chương trình là nhân dân, kiều bào, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các di sản văn hóa, thiết chế văn hóa trên địa bàn cả nước và tại một số quốc gia.

#### 4. Địa điểm thực hiện Chương trình

Chương trình được thực hiện trên địa bàn cả nước, bao gồm tất cả các xã, phường, thị trấn, tất cả các huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tại một số quốc gia.

#### 5. Tổng vốn thực hiện Chương trình

Tổng các nguồn lực huy động để thực hiện Chương trình dự kiến khoảng khoảng 180.000 tỷ đồng, trong đó:

5.1. *Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030* được bố trí tối thiểu khoảng 108.000 tỷ đồng (chiếm %), bao gồm:

a) Vốn đầu tư phát triển: 81.000 tỷ đồng;

b) Vốn sự nghiệp: 27.000 tỷ đồng.

Trong quá trình điều hành, Chính phủ sẽ tiếp tục cân đối ngân sách Trung ương ưu tiên hỗ trợ thêm để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của Chương trình.

5.2. *Vốn ngân sách địa phương*: khoảng 36.000 tỷ đồng (chiếm %);

5.3. *Vốn huy động hợp pháp khác*: dự kiến khoảng 36.000 tỷ đồng (chiếm %).

## **6. Thời gian thực hiện**

Thời gian thực hiện Chương trình trong 10 năm, từ năm 2026 đến năm 2035, chia làm 02 giai đoạn: Giai đoạn 2026-2030 và Giai đoạn 2031-2035.

## **7. Cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình**

Hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở và toàn xã hội, trong đó chủ thể là nhân dân, lực lượng văn nghệ sỹ, người thực hành văn hóa tại các cộng đồng địa phương.

## **Phần thứ II**

### **NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ**

Việc xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia góp phần đưa các Nghị quyết, định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam của Đảng vào cuộc sống, đáp ứng đúng và kịp thời yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển bền vững đất nước ta trong thời kỳ mới, góp phần khơi dậy khát vọng phát triển, khuếch trương hào khí dân tộc và làm cho văn hóa không chỉ thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội Việt Nam mà còn là nguồn lực nội sinh quan trọng, nguồn vốn trực tiếp góp phần thúc đẩy quá trình phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế sâu rộng

Xây dựng và triển khai thành công Chương trình mục tiêu quốc gia tạo ra sự chuyển biến căn bản, to lớn trong sự nghiệp phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam, đóng góp quan trọng vào việc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa trong tình hình mới. Đặc biệt là trong bối cảnh các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng trở nên phức tạp hơn và quan trọng hơn, trong đó, vấn đề chủ quyền văn hóa, an ninh văn hóa, an ninh con người đang được đặt ra vô cùng cấp bách và cần thiết. Trong phạm vi hẹp hơn, việc xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia sẽ góp phần tạo ra bước phát triển mới cho sự nghiệp khoa học liên ngành nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam, góp phần xây dựng luận cứ khoa học vững chắc, đáng tin cậy cho sự nghiệp phát triển bền vững văn hóa, con người Việt Nam, giải quyết những vấn đề phức tạp và cấp thiết đang đặt ra trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đồng thời, với kinh nghiệm thực tiễn trong triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, chương trình mục tiêu trong giai đoạn trước (2012-2015, 2016-2020,...) cũng như căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển văn hóa, con người trong giai đoạn tới, việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia có ý nghĩa quan trọng, là một trong những nhân tố tạo động lực để khơi dậy, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, xây dựng một nền văn hóa vì hạnh phúc của nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng mong muốn.

## **1. Chương trình nhằm triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng và Quốc hội về phát triển chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam**

1.1. *Đề cương về văn hóa* ra đời năm 1943, do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo, thể hiện tầm nhìn, tư duy chiến lược của Đảng ta về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Trên cơ sở nhận thức rõ ý nghĩa quan trọng, tính chất đúng đắn của những luận điểm, nguyên tắc, đường lối của bản Đề cương, Đảng ta đã nhất quán quan điểm: phát triển con người phải được đặt vào vị trí trung tâm và là mục tiêu của quá trình phát triển văn hóa. Nền văn hóa mà chúng ta đang xây dựng là nền văn hóa của nhân dân, nhân dân vừa là chủ thể sáng tạo, trao truyền, đồng thời cũng là chủ thể thụ hưởng những giá trị của nền văn hóa ấy. Một mặt, văn hóa phải hướng mọi sáng tạo, mọi hoạt động phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân; mặt khác, cần phải vun đắp cho những tài năng văn hóa nghệ thuật, để có những tác giả với những tác phẩm mang giá trị “đỉnh cao”; kiên quyết chống lại mọi sự xâm lăng về văn hóa, bài trừ các hình thức văn hóa lai căng, mê tín, dị đoan, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, tăng cường sức đề kháng, miễn nhiễm với những luận điệu xuyên tạc lịch sử, xuyên tạc sự nghiệp cách mạng và truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

Đặc biệt, Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII ra *Nghị quyết số 03-NQ/TW*, ngày 16/7/1998, về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã thể hiện tư duy lý luận văn hóa một cách toàn diện và sâu sắc trong giai đoạn cách mạng mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Đảng ta tiếp tục ban hành *Nghị quyết 33-NQ/TW* ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển nền văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, trong đó đưa ra các định hướng, nhiệm vụ cụ thể với tinh thần tiếp tục đổi mới, đó là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế, nâng cao

chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa và chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Tại *Kết luận số 76-KL/TW* về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp quyết tâm thực hiện có hiệu quả, tạo chuyển biến sâu sắc, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết trên. Theo đó, sự nghiệp phát triển văn hóa, con người Việt Nam phải đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Tập trung xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; Phải coi văn hóa ngang hàng với kinh tế, quan tâm xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế; Tăng cường các nguồn lực cho phát triển văn hoá, tương xứng với tăng trưởng kinh tế; Coi trọng hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, những người làm công tác văn hoá, nghệ thuật; Tập trung phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; Khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới...

Bên cạnh phát huy sức mạnh nội lực trong nước cần thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại và phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước.

1.2. *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* của Đảng tiếp tục nhấn mạnh định hướng phát triển văn hóa và đất nước ta giai đoạn 2021-2030 là “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa”.

Ngày 24/11/2021, tại *Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021* (nhân dịp kỷ niệm 75 năm Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ I), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định “Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng vai trò của văn hóa và hết sức quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn. Đảng ta xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của



xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta. Nói sâu sắc, ngắn gọn như Bác Hồ là: "Văn hóa soi đường cho quốc dân đi"! Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội; kế thừa những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc đồng thời tiếp thu có chọn lọc những thành tựu, tinh hoa văn hóa của thế giới, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao."

Tại *Nghị quyết số 572/NQ-UBTVQH15* ngày 18/8/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 15 về hoạt động chất vấn tại phiên họp thứ 14 tiếp tục giao cho Chính phủ xây dựng Chương trình hoặc Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2022-2030 trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Ngày 20/10/2022, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành *Kết luận số 42-KL/TW* về kinh tế xã hội năm 2022-2023, trong đó, tại mục 2.7 đã nêu: "triển khai Chương trình quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2022-2030".

Tại *Hội thảo Văn hóa năm 2022* về "Thể chế, chính sách và nguồn lực phát triển văn hóa", Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, tại báo cáo tổng kết Hội thảo, đã nêu cụ thể 9 nhóm chính sách và 7 nhiệm vụ cụ thể cần làm ngay, trong đó có nhiệm vụ cần sớm xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa.

## **2. Chương trình nhằm cụ thể hóa các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển văn hóa của đất nước**

### **2.1. Triển khai cụ thể chiến lược phát triển văn hóa và các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực liên quan**

Để cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Quốc hội, Chính phủ đã xây dựng và ban hành nhiều Chiến lược cụ thể liên quan đến các ngành văn hóa xã hội. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030* trong nhiệm vụ số 6 "Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;

không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân” cũng đã chỉ rõ nhiệm vụ “phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.”

*Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*<sup>1</sup> tiếp tục chỉ rõ mục tiêu để phát triển văn hóa trong giai đoạn tới là:

“a) Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những tác động to lớn với kinh tế, xã hội và con người của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng...

b) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, các đối tượng chính sách và yếu thế; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Hoàn thiện cơ chế thị trường trong lĩnh vực văn hóa gắn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa có tiềm năng, lợi thế.

d) Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, huy động nguồn lực để phát triển văn hóa, con người”. Trong đó, mục tiêu cụ thể của Chiến lược đã chỉ rõ “Phấn đấu tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm”.

Để ngân sách đầu tư cho phát triển văn hóa, con người Việt Nam phát huy tối đa hiệu quả, “Chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045” đề xuất các nhiệm vụ nhằm đảm bảo: (i) cụ thể hóa định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam của Đảng, chiến lược phát triển văn hóa theo từng nhiệm vụ, hoạt động gắn với chỉ tiêu kết quả đặt ra, (ii) không trùng với các đối tượng đầu tư, chi ngân sách thuộc các Chương trình khác đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí vốn, (iii) đồng thời có bổ sung đưa vào Chương trình một số nhiệm vụ mới để phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam nhưng chưa được phê duyệt tại bất kỳ Chương trình, Đề án, Dự án nào hiện nay.

---

<sup>1</sup> Được phê duyệt theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021

Chương trình được triển khai sẽ góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp trong xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước và địa phương. Chương trình cung cấp tầm nhìn, xác định các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện mục tiêu chấn hưng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam một cách khoa học, toàn diện, làm cơ sở cho việc hoạch định và triển khai các nhiệm vụ một cách hợp lý, có hệ thống với những bước đi phù hợp, đảm bảo sự kết hợp thống nhất, phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ban, ngành, các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, tránh chồng chéo, trùng lặp; là tiền đề để các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương tiếp tục đầu tư, xây dựng và thực hiện các kế hoạch cụ thể để phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

## **2.2. Thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

### **a) Thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia**

*Quy hoạch Tổng thể quốc gia* thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Quốc hội ban hành tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023. Quy hoạch đã xác định quan điểm, mục tiêu và định hướng phát không gian kinh tế - xã hội của đất nước và hạ tầng kinh tế- xã hội trong thời kỳ quy hoạch, trong đó có định hướng không gian phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia. Quy hoạch nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia như sau:

- Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia gắn với việc hình thành, phát triển các không gian văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân, phát triển văn hóa thật sự là nền tảng tinh thần của xã hội.

- Xây dựng các cơ sở văn hóa quốc gia trở thành những thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của đất nước.

- Xây dựng, nâng cấp các bảo tàng quốc gia theo hướng đồng bộ, hiện đại.

- Cải tạo, nâng cấp các thư viện cấp quốc gia, thư viện công cộng cấp tỉnh, thư viện chuyên ngành, thư viện đại học...

- Xây dựng, nâng cấp các cơ sở nghệ thuật biểu diễn quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo

hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện nghệ thuật quốc gia và quốc tế.

- Đầu tư phát triển, tôn tạo, bảo tồn các di sản văn hóa, nhất là các di sản được UNESCO công nhận.

Danh mục các chương trình, dự án quan trọng của quốc gia đầu tư cho văn hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được ghi rõ trong Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 của Chính phủ về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là xây dựng, nâng cấp các bảo tàng cấp quốc gia; xây dựng, nâng cấp các cơ sở nghệ thuật biểu diễn cấp quốc gia.

Các công trình văn hóa thuộc danh mục trên dự kiến sẽ được đầu tư và hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030.

### **b) Thực hiện quy hoạch các vùng kinh tế - xã hội**

Đến năm 2023, Bộ Chính trị đã ban hành *06 Nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của 06 vùng* đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là Trung du- miền núi Bắc bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Căn cứ các Nghị Quyết của Bộ Chính trị trên đây, Chính phủ đã xây dựng và triển khai Nghị quyết ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của 6 vùng kinh tế- xã hội. Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch 6 vùng kinh tế xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chính phủ đều có nhiệm vụ giải pháp phát triển văn hóa: dự kiến tập trung vào một số nhiệm vụ quan trọng là triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; tiếp tục thực hiện đầy đủ các cam kết với UNESCO đối với các di sản văn hóa được công nhận; bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa; giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số; kiện toàn, đổi mới hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa nhằm xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, tạo ra các không gian văn hóa đa dạng phục vụ người dân giải trí, hưởng thụ, sáng tạo và làm chủ.

### **3. Chương trình nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo vệ, phát triển văn hóa bền vững**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và đẩy mạnh hội nhập quốc tế, phát triển văn hóa và con người ở Việt Nam cần đảm bảo sự hài hòa giữa các mục tiêu, điều kiện của riêng quốc gia và khuôn khổ chung được xác lập trên phạm vi toàn cầu. Năm 2015, Liên Hợp Quốc đã ban hành *Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*, trong đó đặt ra 17 mục tiêu lớn nhằm đưa nhân loại đạt được hòa bình, thịnh vượng và xóa bỏ đói nghèo vào năm 2030. Tại Việt Nam, vào năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã thông qua Quyết định số 622/QĐ-TTg về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Tiếp đó, vào năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 136/NQ-CP về phát triển bền vững. Trong toàn bộ các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc, cũng như trong các kế hoạch hành động quốc gia của Việt Nam, văn hóa luôn được khẳng định là một nhân tố quan trọng, có ý nghĩa tích cực trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Văn hóa đóng góp to lớn vào việc tạo công ăn việc làm, đảm bảo công bằng xã hội, và làm phong phú đời sống tinh thần của người dân...

Bên cạnh Chương trình Nghị sự 2030 mang tính bao trùm, Việt Nam cũng phê chuẩn nhiều Công ước và văn kiện quốc tế khác liên quan trực tiếp đến văn hóa do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) khởi xướng gồm *Công ước năm 1970* về các biện pháp ngăn cấm xuất nhập khẩu và chuyển giao trái phép quyền sở hữu tài sản văn hóa, *Công ước năm 1972* về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, *Công ước năm 2003* về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, *Công ước năm 2005* về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa. Với việc phê chuẩn các công ước và tuyên bố chung này, Việt Nam thể hiện cam kết lâu dài đối với việc đưa các mục tiêu phát triển của cộng đồng quốc tế trở thành một phần của chiến lược phát triển quốc gia, trong đó nhấn mạnh sự cần thiết của việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, thúc đẩy đa dạng văn hóa, đảm bảo quyền tham gia văn hóa của người dân...

Tại *Hội nghị MONDIACULT 2022*, Hội nghị văn hóa quốc tế lớn nhất trong 40 năm qua, tổ chức tại thành phố Mexico với sự tham gia của UNESCO và 151 quốc gia, đã ra Tuyên bố chung lịch sử, trong đó các quốc gia lần đầu tiên khẳng định rằng văn hóa là một “hàng hóa công cộng toàn cầu”. Các quốc gia kêu gọi văn hóa cần được xem xét như một mục tiêu trụ cột cụ thể riêng

trong các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc tiếp theo. Tuyên bố chung này xác định một danh sách các quyền văn hóa cần được xem xét, quy định trong các chính sách công của mỗi quốc gia, từ quyền xã hội và kinh tế của các nghệ sĩ, đến quyền tự do nghệ thuật, quyền của các cộng đồng địa phương được bảo tồn và truyền dạy văn hóa truyền thống, cũng như trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên.

#### **4. Chương trình nhằm nâng cao, tiếp nối các nhiệm vụ về phát triển văn hóa tại các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, chương trình, đề án, dự án giai đoạn trước và đang triển khai**

##### **4.1. Một số kết quả, thành tựu nổi bật**

###### **a) Các chương trình giai đoạn trước**

- *Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020* đã kết thúc<sup>2</sup>. Chương trình hỗ trợ tu bổ, tôn tạo tổng thể di tích quốc gia đặc biệt, một số di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu; Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể đã và sẽ được UNESCO ghi danh trong giai đoạn 2016-2020; hỗ trợ phục dựng, bảo tồn lễ hội tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số; Bảo tồn làng, bản, buôn truyền thống để khai thác phát triển du lịch văn hóa; hỗ trợ trang thiết bị Trung tâm văn hóa cấp tỉnh, huyện, hỗ trợ trang thiết bị cho điểm vui chơi giải trí cho trẻ em, cấp ấn phẩm cho các xã đặc biệt khó khăn, hỗ trợ trang thiết bị cho đoàn nghệ thuật biểu diễn.

Theo Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 dự kiến tổng kinh phí thực hiện Chương trình là 10.620 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 13.267 tỷ đồng), trong đó Ngân sách Trung ương: Vốn đầu tư phát triển là 2.217 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 4.864 tỷ đồng); Vốn sự nghiệp là 503 tỷ đồng. Trên thực tế<sup>3</sup>, Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020 đã bố trí thực hiện các dự án với tổng kinh phí là 2.373 tỷ đồng trong đó 1.920 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 453 tỷ đồng vốn sự nghiệp. Đây là nguồn kinh phí đầu tư hiệu quả góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân, gìn giữ văn hóa truyền thống tốt đẹp, tuy nhiên mức đầu tư hỗ trợ từ Chương trình chỉ mới đáp ứng được một phần nhỏ so với nhu cầu thực tế.

<sup>2</sup> Báo cáo tổng kết Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020 tại Phụ lục kèm theo

<sup>3</sup> Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3342/BKHĐT-LĐVX ngày 02/6/2021

## **b) Các chương trình, đề án đang triển khai**

Các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Quốc hội, Chính phủ phê duyệt chủ trương với tổng nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ cho cả giai đoạn 2021-2025 là 192.586 tỷ đồng. Tuy nhiên, nguồn kinh phí đầu tư cho lĩnh vực văn hoá trong các chương trình này còn hạn chế, tập trung giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa bỏ khoảng cách giữa các vùng, miền... chưa hướng tới phát triển văn hóa, tạo ra các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật có chất lượng cao:

*- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030:*

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nội dung Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch có liên quan đến ngành văn hóa.

Dự án 6 thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia đề ra mục tiêu: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người.

Đối tượng của dự án bao gồm: các tỉnh, thành phố, huyện có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Bản sắc văn hóa, di sản của các dân tộc thiểu số; Đồng bào các dân tộc thiểu số; nghệ nhân người dân tộc thiểu số; Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; Văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số; Lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung nhiệm vụ thực hiện bao gồm: (1) Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người; (2) Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; (3) Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác,

xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch; (4) Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận; (5) Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; (6) Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết và các giá trị khác văn hóa khác); (7) Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng); (8) Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư; (9) Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống; (10) Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu; (11) Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số; (12) Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; (13) Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số; (14) Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (15) Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; (16) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (17) Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; (18) Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (19) Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.



Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 6: 5.984,059 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 3.233,528 tỷ đồng (vốn đầu tư: 1.828,9 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 1.404,628 tỷ đồng); Ngân sách địa phương: 2.224,776 tỷ đồng; Vốn huy động hợp pháp khác: 525,755 tỷ đồng.

*- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, mục tiêu của Chương trình đến năm 2025: Cấp xã: Có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; Cấp huyện: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.<sup>4</sup>

Nội dung liên quan đến văn hóa trong Chương trình này là: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch. Tuy nhiên, nguồn kinh

---

<sup>4</sup> Căn cứ báo cáo Hội nghị toàn quốc hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp năm 2023 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp cùng UBND TP.Hải Phòng tổ chức ngày 17/02/2023, cả nước, đến hết năm 2022, đã có 18 đơn vị cấp tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 05 tỉnh (Đồng Nai, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Có 255 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (chiếm 39,6%) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Có 73,08% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (958 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 111 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu); bình quân cả nước đạt 16,9 tiêu chí/xã.

phí của chương trình<sup>5</sup> được phân bổ trực tiếp về địa phương để bố trí triển khai các dự án trên địa bàn xã, các địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện các dự án để đáp ứng mục tiêu xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nên tập trung các công trình phúc lợi khác như y tế, trường học, thủy lợi, giao thông... kinh phí đầu tư cho công trình văn hóa thường không được quan tâm đầu tư.

Về công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương và huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2022 năm 2023 và giai đoạn 2021-2025, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phân bổ và giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2022, năm 2023. Theo đó, kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương giao giai đoạn 2021-2025 của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới (Đợt 1: 27.000 tỷ đồng, Đợt 2: 3.000 tỷ đồng) và 2.050 tỷ đồng vốn nước ngoài bổ sung cho Chương trình để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn<sup>6</sup>.

Ngay cả việc tăng cường đầu tư thiết chế văn hóa cơ sở cho tuyến xã, thôn bản ở cả hai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn cũng không bao phủ hết cho các địa bàn. Đối với các địa phương không thuộc địa bàn của hai Chương trình này thì việc đầu tư thiết chế văn hóa cơ sở hoàn toàn phụ thuộc vào ngân sách địa phương hoặc hỗ trợ của Trung ương. Trên thực tế, kinh phí dành cho hoạt động đầu tư và duy trì hoạt động của các địa phương này vô cùng ít ỏi, khó có khả năng lan tỏa được tinh thần phấn khởi yêu nước của nhân dân thông qua công tác tuyên truyền ở tuyến cơ sở.

*- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg, ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, mục tiêu tổng quát của Chương trình là thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã

---

<sup>5</sup> Dự kiến nguồn vốn Ngân sách Nhà nước bố trí cho Chương trình tối thiểu là 196.332 tỷ đồng, trong đó Vốn ngân sách Trung ương là 39.632 tỷ đồng (Vốn đầu tư phát triển: 30.000 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 9.632 tỷ đồng); Vốn ngân sách địa phương là 156.700 tỷ đồng

<sup>6</sup> do Bộ Y tế chủ trì, thực hiện tại 16 tỉnh của cả nước.

hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Mục tiêu cụ thể là đến năm 2025: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1,0 - 1,5%/năm; Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3,0%/năm; 30% huyện nghèo, 30% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4 - 5%/năm.

Về lĩnh vực văn hóa, Dự án 1 của Chương trình có nhiệm vụ hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, trong đó có đầu tư các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao. Cụ thể là đầu tư xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho người dân của xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Dự án 1 là: 22.110 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 16.940 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 15.400 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 1.540 tỷ đồng); Ngân sách địa phương: 2.920 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.800 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 1.120 tỷ đồng); Vốn huy động hợp pháp khác: 2.250 tỷ đồng.

*- Chương trình tổng thể về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023-2025*

Chương trình được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 515/QĐ-TTg phê duyệt ngày 15/5/2023. Phạm vi của Chương trình tổng thể phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023-2025 được thực hiện trên phạm vi cả nước và tại một số quốc gia có mối quan hệ văn hoá lâu dài với Việt Nam. Chương trình tập trung vào các hoạt động thuộc các lĩnh vực cụ thể, gồm: di sản văn hóa; văn hóa cơ sở; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; điện ảnh ...

Chương trình có nhiệm vụ giải pháp sau: Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về văn hóa, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đồng thời phổ biến, truyền thông nâng cao nhận thức về Chương trình; Bảo tồn, phát huy bền vững các giá trị văn hóa của dân tộc; Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa; Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần, năng lực thẩm mỹ của nhân dân; Phát

triển đội ngũ văn nghệ sỹ, trí thức và nguồn nhân lực quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa; Phát triển các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật của Việt Nam có giá trị đỉnh cao về nghệ thuật và tư tưởng; Quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa và con người Việt Nam ra thế giới.

Nguồn kinh phí thực hiện<sup>7</sup> bao gồm: Nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan; Huy động từ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- *Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021, đến thời điểm hiện nay chưa giải ngân.

- *Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030*

Căn cứ nội dung Quyết định 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030, mục tiêu chung của Chương trình nhằm: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa trên nền tảng công nghệ số thống nhất, phục vụ công tác lưu trữ, quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, quảng bá di sản, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững; bảo đảm tích hợp được vào khung kiến trúc Chính phủ điện tử và Hệ tri thức Việt số hóa.

Mục tiêu cụ thể là đến năm 2030, 100% các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu được UNESCO ghi danh và 100% các di tích quốc gia đặc biệt được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số; 100% các bảo vật quốc gia, các di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số; ưu tiên số hóa theo nhu cầu sử dụng của xã hội các di tích quốc gia và các hiện vật, nhóm hiện vật tại các bảo tàng, ban quản lý di tích; 100% người làm công tác chuyên môn trong ngành di sản văn hóa được đào tạo, đào tạo lại, cập nhật các kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số.

Nhiệm vụ giải pháp chính sau đây: Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các quy định pháp luật; Xây dựng nền tảng kỹ thuật số và các bộ tiêu chuẩn chung

---

<sup>7</sup> Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang tổng hợp kinh phí của các bộ, ngành, địa phương để thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

về lưu trữ; Xây dựng, tạo lập dữ liệu số về di sản văn hóa; Quản lý, vận hành và khai thác kho cơ sở dữ liệu số quốc gia về di sản văn hóa; Bảo đảm an toàn, an ninh mạng; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; và Đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Kinh phí thực hiện Chương trình gồm: Ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; trong đó, Ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình được bố trí theo 02 giai đoạn: Giai đoạn 2021-2025: Bố trí chung trong kinh phí thực hiện Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025, được phê duyệt tại Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Giai đoạn 2026-2030: Bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

*- Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*

Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" đặt ra mục tiêu chủ yếu đến năm 2025 của Chương trình là:

+ Phần đầu 100% thư viện công lập có vai trò quan trọng được Nhà nước ưu tiên đầu tư cùng với Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thiện và phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, triển khai liên thông, chia sẻ tài nguyên và sản phẩm thông tin thư viện theo chức năng, nhiệm vụ, văn bản hợp tác.

+ 100% thư viện có vai trò quan trọng, thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thư viện đại học và thư viện chuyên ngành ở trung ương có trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ trực tuyến, tích hợp với thành phần dữ liệu mở của Hệ tri thức Việt số hóa; 80% thư viện chuyên ngành và thư viện đại học khác, 60% thư viện cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác có trang thông tin điện tử có khả năng cung cấp dịch vụ trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập (trừ các dịch vụ thuộc phạm vi bí mật nhà nước và dịch vụ độc hạn chế).

+ 70% tài liệu cổ, quý hiếm và bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học do các thư viện có vai trò quan trọng thu thập và quản lý

được số hóa; 70% tài liệu nội sinh, các công trình nghiên cứu khoa học do các thư viện chuyên ngành, thư viện đại học thu thập và quản lý được số hóa.

+ 100% người làm công tác thư viện được đào tạo và đào tạo lại, cập nhật các kiến thức, kỹ năng vận hành thư viện hiện đại.

+ 60% số thư viện trong cả nước trở lên được kiểm tra, quản lý thông qua hệ thống quản lý thông tin của cơ quan quản lý.

Để thực hiện mục tiêu trên đây, Chương trình tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Nâng cao nhận thức, tăng cường tuyên truyền; Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật; Hoàn thiện và phát triển hạ tầng số của ngành thư viện; Phát triển dữ liệu số ngành thư viện; Xây dựng và phát triển nền tảng số; Bảo đảm an toàn, an ninh mạng; Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Kinh phí thực hiện chương trình<sup>8</sup> gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, trong đó: Ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách, trong đó tăng cường lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được phê duyệt. Huy động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng trong và ngoài nước cùng tham gia đầu tư, tài trợ kinh phí để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và thực hiện chuyển đổi số ngành thư viện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

*- Đề án Đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030*

Ngày 8/7/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1341/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Mục tiêu chung của đề án nhằm phát hiện, đào tạo học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội để trở thành những nghệ sĩ tài năng trong biểu diễn, sáng tác, giảng dạy; tham gia biểu diễn, dự thi các chương trình, cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp trong nước và quốc tế; phát triển tài năng trẻ văn hóa nghệ thuật có trình độ chuyên môn sâu, có đức, có tài, có khả năng sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa nghệ thuật chất lượng cao mang

---

<sup>8</sup> Cho đến tháng 7/2023, tổng kinh phí được bố trí cho Chương trình chuyển đổi số hóa ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là: 02 tỷ đồng từ ngân sách sự nghiệp cấp cho Bộ VH-TDL (trong đó năm 2022 được bố trí 01 tỷ, năm 2023 được bố trí 01 tỷ)

tầm quốc gia và quốc tế; trở thành lực lượng văn nghệ sĩ nòng cốt, chủ đạo trong hoạt động văn hóa nghệ thuật của đất nước.

Mục tiêu cụ thể của đề án: hằng năm có từ 4 - 5 tài năng thuộc mỗi lĩnh vực, ngành đào tạo được cử tham dự và đoạt giải thưởng các cuộc thi, hội diễn, triển lãm nghệ thuật trong nước và quốc tế hoặc được Hội đồng chuyên môn đánh giá cao, được công chúng đón nhận. Hằng năm trung bình cử khoảng 5 tài năng thuộc mỗi lĩnh vực, ngành đào tạo đi thực tập ngắn hạn tại các cơ sở đào tạo, đơn vị nghệ thuật có uy tín ở nước ngoài<sup>9</sup>. Từ năm 2021 trở đi, lựa chọn được ít nhất 7 tài năng tốt nghiệp xuất sắc các lĩnh vực để cử đi đào tạo trình độ cao hơn ở trong nước và nước ngoài theo các chương trình, dự án, đề án đã được phê duyệt. Phân đầu đến năm 2025, tuyển sinh và đào tạo được khoảng 1.800 sinh viên đại học; trên 200 sinh viên cao đẳng và khoảng 1.500 học sinh trung cấp theo học các lớp tài năng thuộc các lĩnh vực, ngành đào tạo của Đề án.

Về trình độ đào tạo<sup>10</sup>, đề án đưa ra lĩnh vực Mỹ thuật, Sân khấu, Điện ảnh và ngành Sáng tác văn học: trình độ đại học; lĩnh vực Âm nhạc: trình độ đại học và trung cấp; Lĩnh vực Múa: trình độ cao đẳng và trung cấp; Lĩnh vực Xiếc: trình độ trung cấp. Thời gian thực tập ngắn hạn (nếu có) dành cho học sinh, sinh viên theo học chương trình đào tạo tài năng tại các cơ sở đào tạo, đơn vị nghệ thuật ở nước ngoài không quá 06 tháng.

Kinh phí thực hiện đề án<sup>11</sup>: Từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, trên cơ sở dự toán của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các nguồn tài trợ, huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

## **4.2. Hạn chế, nguyên nhân**

Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, chương trình, đề án, dự án giai đoạn trước và đang triển khai có một số hạn chế, bất cập là:

---

<sup>9</sup> Trong giai đoạn 2017-2022, đã có 494 học sinh trúng tuyển trên tổng số 1.773 tổng số chỉ tiêu được giao. Nguồn: Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

<sup>10</sup> Chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm, ở trình độ đại học là khoảng 185 chỉ tiêu cho: Âm nhạc, Mỹ thuật, Sân khấu, Điện ảnh và ngành Sáng tác văn học; Trình độ cao đẳng là khoảng 20 chỉ tiêu cho Múa. Trình độ trung cấp là khoảng 150 chỉ tiêu ở các lĩnh vực Âm nhạc, Múa, Xiếc. Căn cứ tình hình cụ thể về chất lượng nguồn tuyển sinh hằng năm, tiêu chuẩn và năng lực của cơ sở đào tạo, có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm từ 10% - 15%, bảo đảm tổng chỉ tiêu đào tạo không vượt quá số lượng quy định của Đề án. Thời gian tuyển sinh: Bắt đầu từ năm 2017.

<sup>11</sup> Phụ lục kinh phí thực hiện đề án

- Phạm vi thực hiện chương trình chưa mang tính tổng thể, chưa bao quát hết các lĩnh vực, đối tượng. Một số nội dung của các chương trình có sự chồng chéo về nhiệm vụ và đối tượng đầu tư. Ví dụ các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, chương trình mục tiêu văn hóa, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình giảm nghèo bền vững... có cùng nhiệm vụ đầu tư thiết chế văn hóa cơ sở.

- Các chương trình này chưa thực sự chú trọng, hướng đến mục tiêu sáng tạo văn hóa, xây dựng các công trình, tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị và mang tính thời đại, phát triển nhân cách văn hóa của con người Việt Nam trong thời kỳ mới, khai thác khía cạnh kinh tế trong văn hóa cũng như phát triển công nghiệp văn hóa... mặc dù Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nội dung nhiệm vụ khá bao quát nhưng cũng chỉ dừng ở các hoạt động văn hóa cơ sở, chưa hướng đến việc quảng bá giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào hay xuất khẩu các sản phẩm văn hóa đặc sắc, tiêu biểu ra nước ngoài.

- Việc quản lý thực hiện các chương trình phát triển văn hóa chưa có sự phân cấp rõ ràng. Cơ chế quản lý của mỗi Chương trình MTQG lại có sự khác biệt trong cơ chế quản lý tài chính dẫn đến những vướng mắc trong quá trình thực thi, kéo dài thời gian chuẩn bị, xây dựng khung chính sách và hướng dẫn thực hiện. Một số chương trình mục tiêu quốc gia ví dụ Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều bộ ngành, địa phương tham gia, trong đó việc đầu tư văn hóa được thể hiện ở nhiều dự án nhiệm vụ khác nhau. Điều này khiến cho việc quản lý, triển khai, giám sát nội dung đầu tư cho văn hóa trong chương trình gặp nhiều khó khăn.

- Việc xác định nhu cầu đầu tư và các mức chi đầu tư cho cùng nhiệm vụ, dự án của các bộ ngành, địa phương trong một chương trình chưa được quy định thống nhất. Điều này có thể dẫn đến việc sử dụng nguồn lực thiếu hiệu quả.

Nguyên nhân hạn chế bất cập chủ yếu là do ngành văn hóa chưa có chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa mang tính tổng thể, trong đó thể hiện sự đầu tư đồng bộ, bám sát nhiệm vụ chiến lược, quy hoạch được phê duyệt.



### **4.3. Định hướng kế thừa, phát huy**

Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, chương trình, đề án, dự án giai đoạn trước và đang triển khai cần tiếp tục được kế thừa và phát huy theo hướng:

- Tiếp tục kế thừa thành quả đạt được của giai đoạn trước, xây dựng và triển khai chương trình MTQG giai đoạn mới nhằm tạo sự phát triển bền vững.

- Xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa mang tính tổng thể, bao gồm phạm vi, đối tượng các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án đang thực hiện (dự kiến kết thúc vào 2025 hoặc chưa xác định được nguồn vốn cho giai đoạn 2026-2030), nhằm tránh sự chồng chéo, thiếu đồng bộ, đảm bảo hiệu quả về sử dụng nguồn vốn đầu tư.

- Giai đoạn 2026-2030, điều chỉnh nội dung đầu tư văn hóa của chương trình MTQG hiện đang thực hiện sang chương trình MTQG chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm đảm bảo tính thống nhất trong mục tiêu thực hiện nhiệm vụ chấn hưng và phát triển văn hóa trong giai đoạn tới.

## **5. Giải quyết các vấn đề thực tiễn cấp bách của văn hóa trong thời kỳ mới**

### **5.1. Đánh giá thực trạng kết quả đạt được thời gian qua**

Thành tựu quan trọng nhất của lĩnh vực văn hóa trong thời kỳ Đổi mới nói chung và nhất là trong những năm gần đây là cơ bản đảm bảo được khá vững chắc tinh thần đồng thuận cao của toàn thể dân tộc Việt Nam dựa trên việc phát huy tinh thần yêu nước, ý thức đại đoàn kết dân tộc và những giá trị văn hóa cốt lõi của dân tộc Việt Nam, đó còn là niềm tin của quảng đại quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ. Mặc cho biết bao nhiêu thử thách cam go, sự đồng thuận của toàn dân tộc vẫn bền vững. Nỗ lực to lớn của toàn dân trong cuộc đấu tranh chống đại dịch Covid-19 vừa qua là minh chứng rõ ràng nhất. Có được thành tựu văn hóa chính trị này là kết quả của sự chung sức, cố gắng liên tục của toàn bộ hệ thống chính trị, của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó có đóng góp trực tiếp của lĩnh vực văn hóa. Đây cũng là thành tựu quan trọng nhất cần được tiếp tục vun bồi, phát huy trong thời gian tới.

Thành tựu quan trọng thứ hai là đời sống văn hóa của đất nước đã có những sự khởi sắc và chuyển biến mạnh mẽ theo hướng tích cực theo đúng đường lối văn hóa của Đảng: tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hiện đại hóa, chủ động hội

nhập mà không hòa tan. Minh chứng rõ nhất là nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đã được UNESCO trân trọng ghi danh, góp phần đáng kể vào việc quảng bá hình ảnh, uy tín của đất nước và con người Việt Nam ra thế giới; công nghiệp văn hóa đã bước đầu phát triển với những kết quả đầy hứa hẹn; đã xuất hiện một số tác phẩm, công trình văn hóa, nghệ thuật có giá trị đặc sắc được đánh giá cao ở trong và ngoài nước; một số xu hướng lối sống lành mạnh, hiện đại đã lan tỏa mạnh trong giới trẻ; xu hướng đô thị thông minh, thành phố sáng tạo bắt đầu xuất hiện và sẽ trở thành xu hướng đô thị hóa chủ đạo; một số xu hướng đổi mới đời sống nông thôn gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới đã xuất hiện và lan tỏa ...

Thành tựu quan trọng thứ ba là trong lĩnh vực lãnh đạo và quản lý văn hóa. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng công tác lãnh đạo và quản lý văn hóa không ngừng được đổi mới, nhờ đó đã đạt được những thành tựu cụ thể đáng được ghi nhận như trong lĩnh vực xây dựng thể chế, quản lý và bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, đảm bảo phúc lợi văn hóa cho các tầng lớp nhân dân ở các khu vực thành thị và nông thôn, kể cả vùng sâu vùng xa.

Trong giai đoạn 2010-2020, Chính phủ đã ban hành và triển khai một số quyết định phê duyệt chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án có liên quan đến phát triển văn hóa đất nước. Đó là các chiến lược, quy hoạch, chương trình và đề án phát triển ngành, lĩnh vực; nâng cấp, xây mới một số công trình văn hóa; phát triển văn hóa vùng; phát triển mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập.

Các chiến lược, quy hoạch, chương trình và đề án phát triển ngành văn hóa đã góp phần hiện thực hóa và cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa trong thực tiễn. Có nhiều quan điểm mới đã được đưa vào thực hiện, trong đó, có quan điểm coi đầu tư phát triển văn hóa là nhằm xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; tính chất nền văn hóa xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây cũng là lần đầu tiên, nước ta thực hiện xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai các chính sách phát triển ngành văn hóa một cách có hệ thống, đồng bộ và bài bản từ Trung ương xuống địa phương và giữa các bộ ban ngành có liên quan. Ngoài chiến lược phát triển ngành văn hóa, Chính phủ có các quy hoạch, chương trình, đề án mục tiêu cụ thể đối với những lĩnh vực chủ yếu của ngành và theo từng vùng lãnh thổ trong đó xác định rõ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển cho từng lĩnh vực, khu vực hoạt động văn hóa.

Nhiều chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu phát triển văn hóa của đất nước được đặt ra trong giai đoạn phát triển đến năm 2020 đã đạt được. Điều này cho thấy các chiến lược, quy hoạch, chương trình và các đề án phát triển ngành văn hóa đã làm tốt vai trò định hướng phát triển và có sự đóng góp nhất định đối với sự phát triển của đất nước.

Chính phủ và các bộ, ban ngành, địa phương đã xây dựng và từng bước hoàn thiện thể chế; phát triển được hệ thống đồng bộ mạng lưới cơ sở bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc, bảo tàng, điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, triển lãm, thư viện, thiết chế văn hóa cơ sở, nhà hát, rạp chiếu phim, cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành văn hóa nghệ thuật, trụ sở cơ quan ngành văn hóa; kiện toàn và củng cố mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong ngành văn hóa. Các chương trình mục tiêu quốc gia triển khai trong giai đoạn 2010-2020 như Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã góp phần rút ngắn khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ văn hóa của nhân dân giữa các vùng lãnh thổ.

#### a) Về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển văn hóa

Thường xuyên nắm bắt dư luận xã hội để có những giải pháp định hướng đúng đắn, kịp thời, phát huy mặt tích cực, mặt đồng thuận, hạn chế những tác động tiêu cực, trái chiều. Tiến hành công tác tuyên truyền và cách thức tuyên văn hóa thông qua các tác phẩm điện ảnh, sân khấu, biểu diễn nghệ thuật, dân ca, ca vũ, báo chí, xuất bản phẩm, tuyên truyền cổ động, triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh... nhằm lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội. Chủ động nắm bắt tư tưởng, tâm trạng, thái độ của đội ngũ cán bộ, nhân viên, văn nghệ sĩ trước những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm của đất nước hay của chính lĩnh vực văn hóa, văn nghệ; hạn chế mặt bất đồng, tiêu cực, tăng tính đồng thuận, đồng tình, tích cực.

Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa cho mọi đối tượng sáng tác và thụ hưởng dưới các hình thức đa dạng từ hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng... đến các hình thức sản phẩm văn hóa nghệ thuật như tiểu phẩm sân khấu, phim ngắn, âm nhạc...

Các cơ quan được Đảng, Nhà nước giao làm công tác chỉ đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ (Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng lý luận Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và ở địa phương là ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành

ủy, huyện ủy, thị ủy...) có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời có những biện pháp chấn chỉnh, định hướng cho đội ngũ văn nghệ sĩ, các nhà khoa học nghiên cứu, sáng tác những tác phẩm phê phán các biểu hiện sai lệch chuẩn mực đạo đức và thông tin kịp thời về những vấn đề phức tạp để đất nước ngày càng phát triển an toàn, bền vững.

#### b) Về xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở

Tính đến thời điểm tháng 6 năm 2022, cả nước có 66 thiết chế văn hóa cấp tỉnh (Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Trung tâm Thông tin Triển lãm...); 674/704 quận, huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc Nhà Văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 96%; 8.217/10.599 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, đạt tỷ lệ 76,8% trong đó có 5.625/8.158 đạt chuẩn (tỷ lệ 68,9%); 77.380/98.455 làng, thôn, bản, ấp... có Nhà Văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 79%, trong đó có 44.836/77.380 đạt chuẩn (tỷ lệ 58%). Cơ sở vật chất kỹ thuật của các thiết chế cơ bản đáp ứng được nhu cầu luyện tập, biểu diễn và tổ chức hoạt động văn hóa cơ sở; góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần nhân dân ở cơ sở, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thúc đẩy vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Về lĩnh vực phát triển thư viện: Cả nước đã xây dựng được mạng lưới thư viện công cộng, thư viện chuyên ngành, thư viện cơ sở giáo dục, thư viện lực lượng vũ trang từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động gắn phát triển văn hóa đọc với học đường, phục vụ các đối tượng đặc thù khác nhau... Các chỉ số về hoạt động thư viện đã có sự tăng trưởng so với giai đoạn trước. Quá trình chuyển đổi số ngành thư viện đang được đẩy mạnh để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và nhu cầu của bạn đọc.

#### c) Về công tác bảo vệ và phát huy di sản văn hóa

Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát triển. Công tác xã hội hoá hoạt động bảo tồn di tích cũng đã huy động được nhiều nguồn lực xã hội. Tính đến năm 2022, cả nước có 32 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, trong đó có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; 15 di sản văn hóa phi vật thể (với 13 di sản văn hóa thuộc danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; 2 di sản văn hoá nằm trong danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp); 9 di sản tư liệu thế giới. Có hơn 40 nghìn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được kiểm kê. Trong đó, số di tích xếp hạng có 123 di tích quốc gia đặc biệt; 3.602 di tích quốc gia; hơn 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố; 238 bảo vật quốc

gia,... Trên địa bàn cả nước, có 194 bảo tàng, trong đó có 128 bảo tàng công lập và 66 bảo tàng ngoài công lập đang lưu giữ hơn 3 triệu hiện vật, phản ánh toàn diện về đất nước và con người Việt Nam trong tiến trình lịch sử. Các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và các bảo tàng là những sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật đồng thời là môi trường thực hành văn hóa, tham quan, học tập của nhân dân; là điểm đến hấp dẫn của khách du lịch quốc tế.

#### d) Về mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm

Đến năm 2022, cả nước có một số bảo tàng chuyên ngành về mỹ thuật như Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng mỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế. Bên cạnh hệ thống cơ sở bảo tàng, nhà trưng bày, có nhiều bộ sưu tập tư nhân, đặc biệt là ở khu vực thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh. Các bộ sưu tập tư nhân về mỹ thuật bao gồm cả lĩnh vực mỹ thuật cổ truyền và mỹ thuật hiện đại. Nhiều tỉnh, thành phố đã được đầu tư xây dựng và nâng cấp quy mô các nhà triển lãm văn học nghệ thuật như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Nghệ An, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Về công trình mỹ thuật tượng đài, tranh hoành tráng, so với giai đoạn trước đã có sự phát triển rõ rệt. Nếu như trước đây, tượng đài ở các tỉnh, thành phố trong nước chủ yếu được xây dựng bằng chất liệu bê tông có kích thước nhỏ; ít nhân vật; thiếu tính hoành tráng, bền vững thì tượng đài được sáng tác trong khoảng 15 năm trở lại đây phần lớn đã được sử dụng bằng chất liệu bền vững và có quy mô khá lớn. Cả nước đã xây dựng được hàng trăm công trình tượng đài, tranh hoành tráng<sup>12</sup>. Các công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã xây dựng chủ yếu là loại tượng kỷ niệm chiến thắng, tưởng niệm chiến tranh, tượng đài danh nhân, lãnh tụ; có giá trị về nội dung tư tưởng, ca ngợi truyền thống cách mạng.

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động triển lãm, thi, liên hoan, giao lưu mỹ thuật, nhiếp ảnh với các quy mô, hình thức khác nhau do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân tổ chức đã tạo nên một diện mạo phong phú, đa dạng và phong trào sôi nổi trong hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh; góp phần làm phong phú đời sống tinh thần và nâng cao mức hưởng thụ nghệ thuật cho nhân dân.

---

<sup>12</sup> Những địa phương có số lượng tượng đài, tranh hoành tráng xây dựng, nâng cấp nhiều trong giai đoạn vừa qua là thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, các tỉnh Phú Thọ, Nam Định, Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Long An, Bình Phước, Đồng Nai, Tiền Giang, An Giang, Bình Dương, Gia Lai, Kon Tum, Bến Tre...

#### e) Về nghệ thuật biểu diễn

Cả nước có 130 nhà hát, đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, trong đó, có 12 đơn vị nghệ thuật Trung ương, 18 đơn vị nghệ thuật do các Bộ ngành khác quản lý. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn từng bước được đổi mới, đáp ứng được một phần nhu cầu thưởng thức nghệ thuật ngày càng cao của nhân dân, có một số chương trình giới thiệu được nhiều giá trị văn hoá truyền thống của Việt Nam đến với thế giới; nghệ thuật biểu diễn truyền thống đang từng bước được bảo tồn ở nhiều vùng miền. Nghệ thuật biểu diễn hiện đại bước đầu có dấu ấn từ sự nỗ lực của các cá nhân, tập thể có tố chất xuất sắc và luôn khát khao mang nghệ thuật Việt Nam đến với công chúng quốc tế. Đây là những hoạt động cần tiếp tục đầu tư khuyến khích phát triển để tạo ra các giá trị nghệ thuật mới, các sản phẩm văn hóa có chất lượng cao hơn, có sức cạnh tranh và phổ biến ra thị trường khu vực và quốc tế.

#### g) Về điện ảnh

Điện ảnh nước nhà có những bước tiến đáng kể, hiện đã và đang tiệm cận với quy mô của một ngành công nghiệp văn hóa. Trung bình mỗi năm số lượng phim điện ảnh Việt Nam được sản xuất và cấp phép phổ biến từ 35 đến 40 phim; từ 20 đến 45 phim tài liệu, khoa học và từ 10 đến 20 phim hoạt hình. Số lượng các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào hoạt động sản xuất, phát hành và phổ biến phim tăng dần theo từng năm. Tính đến năm 2020 cả nước có 561 đơn vị sản xuất phim, 05 cơ sở phát hành và phổ biến phim trong nước; 07 cơ sở phát hành và phổ biến phim có vốn nước ngoài. Công tác quảng bá điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài được mở rộng hơn trước thông qua việc gửi phim tham gia các Tuần phim, Liên hoan phim quốc tế ... Tại các địa phương, việc đầu tư phương tiện, trang thiết bị và xây dựng chế độ khuyến khích các đội chiếu bóng lưu động đi phục vụ ở khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo bước đầu đạt được hiệu quả tích cực. Tính đến tháng 12/2020, cả nước có 228 đội chiếu phim lưu động, trung bình mỗi năm phục vụ được gần 25 nghìn buổi chiếu với khoảng gần 6 triệu lượt người xem.

#### h) Về nghiên cứu và đào tạo nhân lực ngành văn hóa

Cả nước đã xây dựng được nhiều cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành âm nhạc, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, bảo tàng, mỹ thuật, thư viện, quản lý văn hóa,... Mô hình tổ chức đào tạo lĩnh vực văn hóa nghệ thuật trong nước được hình thành theo hướng chuyên nghiệp, bài bản hơn và đã xác định được

mô hình đào tạo phù hợp, phát huy được hiệu quả trong đào tạo tài năng nghệ thuật. Chương trình, giáo trình đào tạo ngày càng được hoàn thiện... Các tài năng trẻ được phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, phát huy năng lực sáng tạo, tạo nên nguồn nhân lực chất lượng, đã và đang khẳng định được vị thế, chỗ đứng của nghệ thuật nước nhà trong khu vực và trên thế giới. Chính sách đối với giảng viên, nhà giáo tham gia đào tạo các ngành nghệ thuật đặc thù đã phân nào được quan tâm. Nhà nước đã có chính sách thiết thực hỗ trợ miễn giảm học phí, bồi dưỡng nghề và hỗ trợ trang thiết bị cho học sinh, sinh viên học các ngành nghệ thuật trong các trường văn hóa - nghệ thuật.

Chất lượng nghiên cứu khoa học từng bước được nâng cao, nội dung ngày càng phong phú, đa dạng kết quả nghiên cứu góp phần vào giải quyết được một số vấn đề mang tính cấp bách về quản lý được đặt ra trong các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch, trong đó nhiều nội dung nghiên cứu được bổ sung vào giáo trình giảng dạy của các trường đại học, cao đẳng, góp phần nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan, đơn vị. Các dự án xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam đã bổ sung thêm đối tượng tiêu chuẩn hóa như mỹ thuật, âm nhạc...; Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác đào tạo nhân lực, phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế... ngày càng được mở rộng.

#### i) Về hợp tác quốc tế về văn hóa

Công tác quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra nước ngoài được triển khai hiệu quả, có chất lượng. Các hoạt động văn hóa đối ngoại với quy mô, hình thức đa dạng, phong phú được tổ chức trong và ngoài nước, trên khắp các châu lục; quảng bá được các giá trị văn hóa của Việt Nam ra thế giới; tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; góp phần xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, biến văn hóa thành sức mạnh nội sinh của toàn dân tộc; tăng cường tình đoàn kết giữa người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế; làm cho thế giới hiểu biết hơn về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam, tạo lòng tin và sự yêu mến đối với Việt Nam.

Nhìn chung, các chính sách phát triển văn hóa trên đã được thực hiện bám sát với thực tiễn phát triển của các lĩnh vực văn hóa, thực trạng phát triển văn hóa của ngành, địa phương nên đã mang lại những kết quả tích cực: nhận thức của cán bộ và nhân dân về việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc được nâng cao; nhiều cơ sở văn hóa đã được hoàn thành đầu tư xây dựng mới, nâng cấp phát huy hiệu quả hoạt động trong thực tiễn; phong trào Toàn dân đoàn kết

xây dựng đời sống văn hóa ngày càng thu hút sự hưởng ứng tham gia và tạo được sự lan tỏa tích cực trong các tầng lớp nhân dân; việc đầu tư phát triển văn hóa đã góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa nghệ thuật cho nhân dân, công chúng khán giả, phát triển môi trường học tập và hoạt động giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Công tác xây dựng môi trường văn hóa và bảo vệ môi trường ở các cơ sở văn hóa đã được chú ý hơn. Chính sách và giải pháp về thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ nhằm phát triển ngành văn hóa ngày càng được triển khai đồng bộ, đem lại hiệu quả nhất định về mặt kinh tế, xã hội. Những chính sách đầu tư công cho lĩnh vực văn hóa, đặt hàng dịch vụ công, xã hội hóa, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập, cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ tại các cơ sở văn hóa... đã tạo ra những bước phát triển tích cực của ngành văn hóa trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Về phân bố không gian phát triển văn hóa, trong giai đoạn vừa qua, ngoài 2 địa bàn tập trung cơ sở văn hóa quốc gia lớn nhất cả nước là thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, một số tỉnh, thành phố đóng vai trò trung tâm vùng đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở văn hóa như các bảo tàng, rạp chiếu phim, nhà hát, thư viện, trung tâm văn hóa nghệ thuật đa năng, nhà sáng tác văn học nghệ thuật... và thực hiện tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa thế giới được UNESCO ghi danh, các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia.

Việc xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả, tích cực. Công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đạt được những kết quả tích cực trong việc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của tác giả, chủ sở hữu, góp phần động viên, khích lệ, tạo động lực cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật. Công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa có bước khởi sắc. Hoạt động xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây tác hại đến văn hóa, lối sống được chú trọng. Nhiều tấm gương sáng trong phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được biểu



duyệt, lan tỏa vào đời sống xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa nói riêng, xây dựng và phát triển đất nước nói chung.

## **5.2. Những hạn chế, thách thức**

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc đầu tư xây dựng và phát triển văn hóa thời kỳ trước cũng bộc lộ một số mặt hạn chế. Một số chỉ tiêu quan trọng đề ra trong các chiến lược, quy hoạch, chương trình của ngành đề ra chưa đạt được. Việc triển khai đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa quốc gia (cấp vùng - liên vùng, liên tỉnh) còn chậm. Nhiều công trình thuộc mạng lưới cơ sở văn hóa quốc gia quan trọng như cơ sở bảo tàng, cơ sở điện ảnh, cơ sở nghệ thuật biểu diễn, cơ sở mỹ thuật, triển lãm, cơ sở nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực... chưa được nâng cấp, xây dựng mới đúng thời hạn khiến hiệu quả kinh tế và xã hội chưa cao.

Việc triển khai các quy hoạch, chương trình, đề án phát triển ngành trong cả nước, giữa các vùng, tỉnh, thành phố chưa có sự liên kết đồng bộ và chặt chẽ nên dẫn đến việc sử dụng nguồn tài nguyên, bố trí quỹ đất, nguồn vốn thực hiện còn gặp nhiều bất cập. Diện tích bố trí cho các công trình công cộng thiết chế văn hóa chưa được tính toán đầy đủ các tiêu chí phát triển bền vững trong tương lai, phần lớn sử dụng, tận dụng những công trình hiện có. Một số công trình văn hóa được xây dựng chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng, công năng sử dụng. Hạ tầng kỹ thuật của một số khu vực xây dựng cơ sở văn hóa còn bất cập, chưa đồng bộ. Mặc dù việc đầu tư cơ sở văn hóa được mở rộng hơn, tuy nhiên số lượng và quy mô cơ sở văn hóa quốc gia vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Nhiều công trình văn hóa đã và đang bị xuống cấp hoặc chưa được xây dựng, cách hoạt động văn hóa nghệ thuật .

Đời sống văn hoá tinh thần ở một số nơi còn nghèo nàn, đơn điệu. Mức hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền còn khoảng cách lớn. Môi trường văn hoá có nơi còn diễn biến phức tạp, xuất hiện những biểu hiện tiêu cực, xuống cấp về đạo đức, lối sống. Quản lý Nhà nước về văn hoá, nghệ thuật có mặt còn hạn chế.

Bộ máy Nhà nước ở một số nơi còn chồng chéo, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế còn nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao; chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan còn chồng chéo, chưa được phân định rõ. Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế còn khó khăn, vướng mắc, chưa

đồng bộ. Hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập còn công kênh, phân tán, chông chéo, hiệu quả chưa cao; quản trị nội bộ nhiều cơ quan, đơn vị yếu kém, chất lượng, hiệu quả dịch vụ thấp; việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm. Xã hội hóa lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công chưa đáp ứng yêu cầu.

Những kết quả và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ mạnh để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội trong tình hình mới. Đã có dấu hiệu chững lại trong phát triển, thiếu các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật chất lượng cao, tầm cỡ, có tác động ở quy mô lớn... phản ánh được tầm vóc của sự nghiệp đổi mới, có tác dụng tích cực đối với việc xây dựng đất nước, xây dựng con người.

Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng nặng về chức năng giải trí. Phát triển các lĩnh vực văn hóa chưa đồng bộ, còn phiến diện, nặng về hình thức, chưa đi vào chiều sâu, thực chất.

Môi trường văn hóa vẫn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực. Sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các miền còn lớn. Đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo còn không ít khó khăn.

Nhận thức, ý thức pháp luật của người dân về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan chưa đầy đủ, một số cá nhân, tổ chức lợi dụng kẽ hở của pháp luật để thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Có vấn đề phát sinh gắn với thực thi bản quyền trên môi trường số, là thách thức lớn cho tác giả, chủ sở hữu quyền, doanh nghiệp cũng như cơ quan quản lý, thực thi. Vẫn còn tình trạng nhầm lẫn trong bảo hộ một số đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan với đối tượng quyền sở hữu công nghiệp.

#### a) Về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về văn hóa

Trong khi tập trung vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa của nhiều cấp, nhiều ngành, trong một bộ phận lãnh đạo chưa đúng trọng tâm; chưa nhận thấy rõ mối quan hệ gắn bó giữa kinh tế, văn hóa và chính trị; chưa quan tâm gắn phát triển kinh tế, phát triển các ngành, các lĩnh vực đi đôi với xây dựng và phát triển văn hóa; chưa coi phát triển văn hóa là trách nhiệm của toàn xã hội.

b) Về xây dựng cơ chế, chính sách và công tác tổ chức thực hiện cơ chế chính sách để phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam

Hệ thống pháp luật về văn hóa chủ yếu điều chỉnh hoạt động quản lý văn hoá, chưa chú trọng đến việc huy động các nguồn lực, chính sách khuyến khích để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển văn hoá. Đơn cử như: Hệ thống pháp luật về di sản văn hoá chủ yếu điều chỉnh hoạt động bảo vệ di sản văn hóa, nội dung phát huy giá trị di sản văn hóa còn chưa tương xứng với yêu cầu thực tế, trong điều kiện các thành phần kinh tế rất quan tâm đến việc phát huy các giá trị di sản văn hóa, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Nghệ thuật biểu diễn là lĩnh vực quan trọng, tương đối nhạy cảm trong xã hội, hoạt động trong lĩnh vực này có ảnh hưởng đến định hướng hành vi của xã hội đặc biệt là giới trẻ, tuy nhiên hiện nay chưa có Luật điều chỉnh lĩnh vực này; tương tự với hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm cũng chưa ban hành văn bản điều chỉnh dưới hình thức Luật hay Pháp lệnh. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật được chú trọng nhưng chưa phổ cập được tới người dân và các cấp cơ sở.

c) Về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Nhiều di sản văn hóa quý báu của dân tộc có nguy cơ bị xuống cấp, mai một, thậm chí bị tiêu vong. Nguồn vốn đầu tư hàng năm cho bảo quản, tu bổ, phục hồi các Di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia nhìn chung còn rất thấp so với nhu cầu nên các di tích vẫn nằm trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Các di sản văn hóa phi vật thể sau khi được UNESCO ghi danh chưa phát huy được giá trị, chưa thực hiện các nội dung cam kết với UNESCO về bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại do nguồn kinh phí để triển khai các hoạt động như giới thiệu, quảng bá, truyền dạy, chế độ đãi ngộ với các nghệ nhân còn hạn hẹp. Hệ thống các bảo tàng công lập quốc gia, bảo tàng chuyên ngành theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhưng chưa được đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, không gian trưng bày, nội dung trưng bày bảo tàng nghèo nàn, thiếu kho bảo quản hiện vật và các phương tiện kỹ thuật chuyên dụng, Bảo vật quốc gia chưa được bảo vệ, bảo quản theo chế độ đặc biệt để được phát huy tốt nhất giá trị đến với công chúng (theo quy định của Luật Di sản văn hóa) thay vì cất vào kho do sợ mất an toàn không bảo quản được và không thu hút đối tượng và mục tiêu của các Chương trình đã được phê duyệt; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia chưa được quan tâm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa như mong muốn; Hoạt động quản lý Nhà nước về di

sản tư liệu cũng mới được giao chính thức về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nên việc kiểm kê, lập hồ sơ khoa học ghi vào các Danh mục quốc gia, khu vực, thế giới để bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu có nhiều việc cần triển khai nhưng chưa có hành lang pháp lý cụ thể để được cấp kinh phí và hoạt động.

#### d) Về thiết chế văn hóa cơ sở

Nhiều địa phương chưa quan tâm đúng mức về quy hoạch quỹ đất để xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở. Ở một số nơi, thiết chế văn hóa cấp tỉnh chưa có trụ sở hoạt động đúng chức năng; cấp huyện, xã tại khu vực vùng sâu, vùng xa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và hải đảo còn thiếu thiết chế văn hóa, thể thao. Việc xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng và khai thác, sử dụng hiệu quả thiết chế văn hóa, thể thao các cấp chưa được quan tâm đúng mức. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của thiết chế văn hóa các cấp tại nhiều địa phương đã xuống cấp trầm trọng, không có các phòng chức năng để tập luyện, biểu diễn và tổ chức các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; quy mô và thiết kế không phù hợp; còn nhiều thiết chế văn hóa, thể thao không đạt chuẩn theo quy định; trang thiết bị và phương tiện chuyên dùng<sup>13</sup> để tổ chức hoạt động văn hóa còn thiếu, không đồng bộ, hư hỏng, lạc hậu hoặc đã hết khấu hao. Đội ngũ cán bộ quản lý và tổ chức các hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao các cấp vừa thiếu, vừa yếu, nhất là ở cấp xã và thôn, bản.

#### đ) Về thư viện

Lĩnh vực hoạt động thư viện và văn hóa đọc phát triển không đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ công nghệ số. Trong mạng lưới thư viện Việt Nam, các thư viện phát triển không đồng đều giữa các loại hình cũng như trong cùng một hệ thống. Trong đó, hệ thống thư viện công cộng còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt thư viện tại vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Mô hình phát triển văn hóa đọc còn tự phát, chưa bền vững, văn hóa đọc đặt trước thách thức của văn hóa nghe nhìn, mạng xã hội và những thành tựu trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế chuyển đổi số.

#### e) Về mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm

Hầu hết các địa phương chưa có Nhà/Trung tâm Triển lãm nghệ thuật chuyên dụng. Một số Trung tâm Triển lãm được sử dụng kết hợp công năng như

---

<sup>13</sup> Các thiết bị và phương tiện chuyên dùng như âm thanh, ánh sáng, trang phục, đạo cụ, xe ô tô tuyên truyền lưu động ...

là Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh với cơ sở vật chất, kỹ thuật còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng với nhu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của xã hội. Việc bảo quản, trùng tu, nâng cấp chất lượng các tác phẩm nghệ thuật công cộng do Nhà nước đầu tư còn chưa được quan tâm đúng mức.

Thị trường mỹ thuật, đặc biệt là mỹ thuật kỹ thuật số, chưa có các quy định hỗ trợ phát triển thị trường này. Mỹ thuật Việt Nam còn nhiều bất cập về tính chuyên nghiệp và tìm tòi sáng tạo để có những tác phẩm có nội dung tư tưởng và chất lượng cao đối với những vấn đề lịch sử của đất nước, chưa có nhiều khám phá về ngôn ngữ tạo hình và chất liệu, về khai thác đề tài, về thẩm mỹ và sức biểu cảm. Sáng tác nghệ thuật tuy phong phú về hình thức, bút pháp nhưng còn thiếu vắng những tác phẩm có chiều sâu tư tưởng. Một bộ phận gallery, nghệ sĩ theo khuynh hướng thương mại hóa đã dẫn đến việc sáng tác, giới thiệu, quảng bá tác phẩm theo thị hiếu dễ dãi, kém chất lượng nghệ thuật.

Lý luận, phê bình mỹ thuật còn ít có những công trình thể hiện được vai trò định hướng trong đời sống mỹ thuật, chưa thực sự tạo nên tinh thần đối thoại và tranh luận khoa học để tác động tích cực đến sáng tác mỹ thuật.

Quản lý lĩnh vực mỹ thuật hiệu quả chưa cao. Nghị quyết của Đảng về văn học nghệ thuật đã được ban hành nhưng còn chậm được thể chế hóa thành các chính sách cụ thể, đi vào đời sống mỹ thuật. Cơ sở dữ liệu, hồ sơ thông tin về tác giả, tác phẩm và các hoạt động mỹ thuật còn thiếu và chưa được xây dựng khoa học, do đó chưa góp phần vào công việc nghiên cứu, sáng tác, giảng dạy và học tập về mỹ thuật.

#### g) Về nghệ thuật biểu diễn

Cơ sở và nguồn lực để phát huy, sáng tạo và trình diễn nghệ thuật còn hạn hẹp, thiếu phong phú, chưa phát huy được tiềm năng kinh tế và sứ mệnh chính trị của lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn. Hiện chưa có cơ chế đặc thù để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nghệ thuật biểu diễn theo mô hình công nghiệp văn hóa nhằm phát huy sức mạnh mềm của lĩnh vực này, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Các sản phẩm nghệ thuật biểu diễn của Việt Nam còn chưa được quan tâm đầu tư, thiếu đa dạng, chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu về hội nhập quốc tế.

Các đoàn nghệ thuật truyền thống chuyên nghiệp chưa được hỗ trợ đầy đủ, khó có khả năng tổ chức thực hiện bảo tồn, phục dựng, dàn dựng và biểu diễn

nghệ thuật chuyên nghiệp, càng không có khả năng cạnh tranh với các sản phẩm nghệ thuật biểu diễn hiện đại khác.

#### h) Về điện ảnh

Ngành điện ảnh nước nhà chưa phát huy được tiềm năng cũng như khai thác được khía cạnh kinh tế của bộ môn nghệ thuật này, hiện chưa có đủ các yếu tố và cơ chế để trở thành ngành công nghiệp điện ảnh hiện đại, có chỗ đứng trong khu vực do còn thiếu cả về nguồn lực đầu tư lẫn các chính sách hỗ trợ phát triển ngành. Hệ thống thiết bị kỹ thuật tiên kỳ, dịch vụ kỹ thuật hậu kỳ tại Việt Nam còn thiếu và lạc hậu nhân lực làm phim chưa sẵn sàng về trình độ kỹ thuật và ngôn ngữ.

#### i) Về các ngành công nghiệp văn hóa

Nhận thức của các cấp, các ngành, người dân về vai trò và tầm quan trọng của các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam tuy đã được nâng lên nhưng còn chưa đầy đủ; thiếu hệ thống cơ chế, chính sách để khuyến khích sáng tạo và sự tham gia của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong các hoạt động sáng tạo; thiếu sự hỗ trợ, đầu tư, kết nối của Nhà nước để thúc đẩy sự phát triển toàn diện của các ngành công nghiệp văn hóa.

k) Về đào tạo văn hóa nghệ thuật và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa

Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học còn nhiều hạn chế. Một số chính sách về đầu tư kinh phí cho đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật còn chưa hợp lý, chưa đúng tầm, đúng mức, chưa phù hợp với yêu cầu mới. Các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật có quy mô đào tạo thấp, nguồn tuyển sinh hạn hẹp, chưa thu hút tuyển chọn được năng khiếu, tài năng... Hoạt động khoa học công nghệ của các đơn vị chuyên ngành còn chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách của Nhà nước và hoạt động này chưa huy động được nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân ngoài công lập. Việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học chưa nhiều, hiệu quả ứng dụng chưa cao để tạo nên được các yếu tố hình thành thị trường khoa học công nghệ, nghiên cứu ra các sản phẩm, hàng hóa có khả năng thương mại hóa.

#### l) Về hợp tác quốc tế về văn hóa

Việc triển khai công tác văn hóa đối ngoại của nhiều cơ quan, địa phương gặp nhiều khó khăn. Nguồn nhân lực còn hạn chế, không có nguồn kinh phí riêng đủ cho các hoạt động văn hóa đối ngoại, thiếu những công cụ, chính sách đặc thù cho văn hóa đối ngoại. Công tác giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài chưa mạnh; tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại còn hạn chế. Hoạt động văn hóa đối ngoại chưa có đột phá lớn và sáng tạo đạt đẳng cấp quốc tế. Công tác nghiên cứu và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại chưa thực sự trở thành hoạt động thường xuyên, đồng đều. Chưa tạo được cơ chế để thu hút, huy động được các nguồn lực cho văn hóa đối ngoại. Đến nay chỉ có 02 trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài (Lào và Pháp), chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của công tác văn hóa đối ngoại. Do vậy, cần thành lập thêm các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài ở những địa bàn trọng điểm để phát huy quan hệ giữa Việt Nam và các nước, tổ chức quốc tế, phục vụ kiều bào, khẳng định vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

#### n) Về sự xâm lấn sản phẩm văn hóa độc hại bên ngoài

Thời gian qua, các giá trị tinh hoa văn hoá từng bước đã phát triển về nhiều mặt, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tinh thần lành mạnh, đa dạng của nhân dân, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc được chú trọng bảo tồn và phát huy, các giá trị mới đang hình thành và phát triển. Hợp tác văn hoá với nước ngoài ngày càng mở rộng, nhiều sản phẩm văn hoá có giá trị của thế giới được tiếp thu, góp phần làm phong phú đời sống văn hoá của nhân dân.

Tuy vậy, vẫn còn nhiều sản phẩm văn hoá độc hại từ bên ngoài đã xâm nhập vào nước ta bằng nhiều con đường, tác động rất xấu đến tư tưởng, đạo đức, lối sống, tâm lý, hành vi của một bộ phận nhân dân, nhất là thanh thiếu niên; làm huỷ hoại, xói mòn nền tảng và những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Lối sống thực dụng, vụ lợi, vị kỷ, thích hưởng lạc, sa đọa; cái xấu, cái ác, phi nhân tính có dấu hiệu tăng lên rõ rệt. Môi trường đạo đức và văn hoá lành mạnh bị đe dọa nghiêm trọng, có nguy cơ dẫn tới khủng hoảng tinh thần, mất phương hướng lựa chọn các giá trị, lối sống và niềm tin của một bộ phận công chúng. Tình trạng đó đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến trật tự, an toàn, an ninh xã hội, dẫn tới khuynh hướng tự diễn biến về chính trị, tư tưởng, tác hại lâu dài đến các thế hệ mai sau.

Nhìn chung, thực trạng trên có nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan, song trước hết là do một số tổ chức đảng, cơ quan Nhà nước, đoàn thể các

cấp... chưa nhận thấy rõ tác hại nghiêm trọng, nguy hiểm gây huỷ hoại đạo đức xã hội của các sản phẩm văn hoá độc hại xâm nhập từ bên ngoài vào nước ta; đồng thời do sự yếu kém, lúng túng, bị động, buông lỏng trong quản lý xã hội, quản lý văn hoá; sự bất cập của cơ chế quản lý trước những đặc điểm mới của quá trình hội nhập quốc tế nhanh chóng. Để thực hiện mục tiêu xây dựng văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, xây dựng nhân cách, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, bảo vệ và phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, tạo môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, ngành văn hóa với vai trò tiên phong cần tích cực chỉ đạo, tăng cường các biện pháp quản lý Nhà nước, tuyên truyền vận động toàn thể xã hội tham gia vào cuộc đấu tranh chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hoá độc hại gây huỷ hoại đạo đức xã hội, nâng cao sức mạnh nội sinh của văn hóa Việt Nam để bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp trước sự xâm lấn văn hóa từ bên ngoài này.

### **5.3. Những vấn đề cấp bách cần được giải quyết trong Chương trình**

Thời gian vừa qua, văn hóa nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Vị trí, vai trò của văn hóa từng bước được xác định đúng đắn và được quan tâm đầu tư đúng mức. Tại hội nghị giữa nhiệm kỳ của Ban chấp hành TW Đảng, Tổng bí thư đã nêu rõ, trong khó khăn, các lĩnh vực văn hóa – xã hội vẫn được quan tâm, chăm lo đầu tư và thu được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên thực tế triển khai các quan điểm của Đảng về phát triển văn hóa bộc lộ tồn tại, hạn chế của hoạt động văn hóa .

Hạn chế về nhận thức, không nhận thức đầy đủ và không đưa đường lối, chính sách văn hóa của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn hoạt động của các ngành, các địa phương: Vai trò của văn hoá chưa được xác định đúng tâm, các cấp, các ngành chưa nhận thức một cách sâu sắc và quan tâm đến đầu tư cho văn hóa đúng mức, đầy đủ tương xứng với kinh tế và chính trị; quan điểm, chính sách phát triển văn hóa của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời; môi trường văn hóa, đời sống văn hóa còn hạn chế; các thiết chế văn hóa và di sản văn hóa trên cả nước tiếp tục bị xuống cấp, mai một; hoạt động văn hóa, nghệ thuật không theo kịp tốc độ phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ số, kinh tế số, công dân số hiện nay.

Hoạt động văn hoá ngày càng gắn kết chặt chẽ hơn với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Tuy nhiên, những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh



vực văn hóa còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ mạnh để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Khi đất nước thực thi chính sách “Đổi mới” nền kinh tế Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mọi hoạt động sáng tạo, sản xuất, phổ biến, tiếp nhận các sản phẩm văn hóa nghệ thuật ở nước ta đều phải đáp ứng được hai yêu cầu (i) phải khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần để xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp. (ii) phải khai thác văn hóa như một động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa không chỉ có chức năng bồi đắp về tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ cho xã hội mà còn là động lực, là nguyên nhân, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Hạn chế về thể chế phát triển văn hóa do chính sách, chế độ, quy định nhà nước về văn hóa còn chưa bao quát hết và kịp thời những nội dung, hiện tượng, dự báo vấn đề cần điều chỉnh. Việc triển khai thực hiện còn hạn chế, một phần do thể chế chưa hợp lý, khoa học, một mặt do hạn chế về năng lực của tổ chức, bộ máy thực thi nhiệm vụ.

Đội ngũ nhân lực bị đứt gãy thế hệ, thiếu hụt nghiêm trọng cán bộ chuyên nghiệp, trẻ, xứng tầm với nhiệm vụ, bao gồm cả đội ngũ cán bộ quản lý cho tới cán bộ chuyên môn, sáng tác, biểu diễn. Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ phải đối mặt với thị trường, trả lời các câu hỏi của đời sống, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hóa ngày càng đa dạng, sinh động của các tầng lớp xã hội khác nhau. Nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật của nhân dân tác động mạnh mẽ đến quá trình sáng tạo, sản xuất, quảng bá các sản phẩm này. Đây vừa là thời cơ để đội ngũ văn nghệ sĩ, những doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực này phát huy tài năng, sức sáng tạo, đáp ứng nhu cầu của công chúng, đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức trước sự biến đổi thường xuyên của nhu cầu văn hóa, nghệ thuật của công chúng.

Hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật của người nghệ sĩ phải bám sát vào đời sống thực tiễn, đối diện thường xuyên với thị trường văn hóa, vừa phải chú ý đến hiệu quả tư tưởng, thẩm mỹ, nghệ thuật, vừa phải chú ý cả về hiệu quả kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hoạt động này đến nay chưa thực sự được vận hành đồng bộ trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều sáng tác đã không còn đi theo những giá trị văn hóa chuẩn mực truyền thống mà càng ngày càng pha trộn các giá trị văn hóa ngoại lai có tác động không đúng tới giá trị của cái đẹp trong văn hóa Việt Nam. Nhiều người hoạt động văn hóa nghệ thuật chạy theo xu hướng thương mại hóa, chạy theo thị hiếu thấp kém, tạo ra các sản

phẩm văn hóa kém chất lượng làm cho chức năng giáo dục tư tưởng và thẩm mỹ của văn học, nghệ thuật bị suy giảm. Xuất hiện ngày càng nhiều các sản phẩm dễ dãi, thiếu giá trị nghệ thuật, thậm chí cổ xúy cho những xu hướng lệch lạc, ảnh hưởng tới định hướng thẩm mỹ của người dân, đặc biệt là giới trẻ.

Thiếu những sản phẩm văn hóa có giá trị đặc sắc, có tầm vóc xứng đáng với những thành tựu lịch sử của dân tộc trong thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI; chưa tạo được nền tảng vững chắc cho những phát triển đột phá về công nghiệp văn hóa để góp phần chuẩn bị hành trang văn hóa cho dân tộc Việt Nam hội nhập để tỏa sáng. Việc tuyên truyền, quảng bá các tác phẩm văn hóa ngày càng trở nên đa dạng. Quần chúng nhân dân được tiếp cận các sản phẩm văn hóa không chỉ thông qua các phương thức truyền thống (như đi tới rạp xem phim, tới triển lãm xem tranh ...) mà còn được tiếp cận nhanh chóng thông qua môi trường mạng. Thông tin trên môi trường mạng tạo ra sự ưu việt vượt trội về tốc độ và phạm vi, không biên giới cũng tạo ra những thách thức to lớn đối với việc quản lý văn hóa, trong việc chọn lọc tác phẩm có giá trị, ngăn chặn sản phẩm độc hại, truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy, phản động chống phá thành tựu cách mạng, tác động không nhỏ tới an ninh văn hóa. Mặt khác, hạn chế về nguồn lực chưa cho phép chúng ta truyền bá các tác phẩm văn hóa nghệ thuật có giá trị nghệ thuật cao của Việt Nam ra nước ngoài cũng hạn chế sự hiểu biết của thế giới về con người, đất nước Việt Nam, tạo kẽ hở cho các lực lượng chống phá cách mạng tuyên truyền, quảng bá sai lệch về giá trị văn hóa truyền thống, bôi nhọ giá trị lịch sử của dân tộc. Vấn nạn này ngày càng trở nên vô cùng cấp bách.

Cũng xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ về giá trị văn hóa, đặc biệt là giá trị di sản văn hóa, nhiều di tích lịch sử - văn hóa đã bị xâm phạm hoặc trùng tu, sửa chữa dưới hình thức xã hội hóa tùy tiện, không giữ được các giá trị ban đầu. Các thành quả cho đầu tư tôn tạo các di tích thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006-2010 và 2012-2015 dần bị mai một do nguồn kinh phí duy trì, bảo tồn không đảm bảo.

Đầu tư ít, manh mún, không thể đa dạng hóa nguồn lực và phương thức đầu tư, khiến cho mọi hoạt động của lĩnh vực văn hóa đều gặp khó khăn gay gắt, hiệu quả không cao. Đầu tư tổng thể cho văn hóa được thực hiện chủ yếu thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa. Sau khi chương trình này kết thúc vào năm 2015, hiện nguồn lực đầu tư cho văn hóa chủ yếu được thực hiện thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn ở cấp Trung ương và địa phương và từ kinh phí nguồn sự nghiệp hàng năm còn hạn chế (cụ thể, giai đoạn 2017-2021

chi chưa đến 1% trong tổng chi ngân sách Nhà nước) nên không đủ để tiếp tục duy trì hoạt động, khai thác vận hành, cải tạo các thiết chế văn hóa, bảo tồn, nâng cấp các di tích lịch sử - văn hóa đang tiếp tục bị xuống cấp cũng như bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học... Một số Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình được Quốc hội, Chính phủ phê duyệt thời gian qua có hướng tới mục tiêu an sinh xã hội nhưng chưa tạo được động lực, nguồn lực để xây dựng, phát triển văn hóa một cách hiệu quả tổng thể, không hướng tới các sản phẩm văn hóa có giá trị nghệ thuật cao. Chính vì vậy, nhiều mục tiêu ngành văn hóa đặt ra trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 trước đây cho đến nay vẫn chưa đạt được.

## **II. CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Văn bản chỉ đạo của Đảng**

#### **1.1. Các văn bản chỉ đạo quan trọng đối với lĩnh vực văn hóa**

- Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nghị quyết số 23/NQ-TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới.

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

- Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới.

- Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hoá toàn quốc ngày 24/11/2021.

- Kết luận số 42-KL/TW ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế xã hội năm 2022-2023.

## **1.2. Các văn bản chỉ đạo liên quan đến việc phát triển văn hóa và con người Việt Nam**

- Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 12/3/2003 của Ban chấp hành Trung ương về công tác dân tộc.

- Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về “Hội nhập quốc tế”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”.

- Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/04/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## **2. Văn bản quy phạm pháp luật**

### **2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật (VPQPPL) trong lĩnh vực văn hóa**

- Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009

- Luật Xuất bản năm 2012

- Luật Quảng cáo năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2018

- Luật Thư viện năm 2019

- Luật Điện ảnh năm 2022

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Di sản văn hóa.

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

- Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh.

- Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/09/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam.

- Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ quy định về hoạt động triển lãm.

- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

- Nghị định số 131/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh.

## **2.2. Các VPQPPL trong các lĩnh vực khác có liên quan đến phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam**

- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022

- Luật Thể dục Thể thao năm 2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2018

- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 được sửa đổi, bổ sung năm 2018

- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015

- Luật Quy hoạch năm 2017 được sửa đổi, bổ sung năm 2018

- Luật Giáo dục năm 2019

- Luật Đầu tư công năm 2019

- Luật Đầu tư năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2022

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thể dục thể thao.

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

### **3. Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

#### **3.1. Các Chiến lược trong lĩnh vực văn hóa**

- Quyết định 210/QĐ-TTg ngày 28/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.

- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2030.

- Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2030.

- Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030.

#### **3.2. Các Chiến lược trong lĩnh vực khác liên quan đến phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam**

- Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020.

- Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 08/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bóng đá Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030".

- Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 07/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Quyết định 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

- Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030.

- Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

- Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021- 2030

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050



- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Quyết định 493/QĐ-TTg năm 2022 ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030

- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

- Quyết định số 896/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/7/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050

- Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 6/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược “Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

#### **4. Các Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội**

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quy hoạch 05 vùng còn lại dự kiến được phê duyệt trong năm 2023.

- Quy hoạch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được hoàn thành phê duyệt trong năm 2023-2024.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn 2045 được phê duyệt trong năm 2023-2024.

## **5. Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án**

- Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006-2010, Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015, Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2016-2020.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Chương trình tổng thể về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023-2025.

- Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

- Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đề án Đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030.

- Đề án Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025.

- Chương trình Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030.

## **III. QUAN ĐIỂM**

**1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực, nguồn lực nội sinh quan trọng của phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đầu tư cho văn hóa, xây dựng con người là đầu tư cơ bản cho phát triển, động lực, nguồn lực để thực hiện khát vọng phát triển dân tộc**

Tháng 7/1998, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đề ra Nghị quyết “Về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (Nghị quyết 03-NQ/TW). Đó là nền văn hóa với

vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với những vấn đề nảy sinh trong xu thế toàn cầu hóa và nền kinh tế thị trường. Đây là quan điểm quan trọng, cơ bản và chiến lược không chỉ đối với công tác lãnh đạo Đảng, Nhà nước mà cả công tác quản lý văn hóa, có ý nghĩa với mỗi cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33/NQ-TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết 33-NQ/TW) đã nhấn mạnh: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước; Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa; Sự nghiệp phát triển văn hóa, con người Việt Nam phải đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng; Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế...”.

Đến tháng 01/2021, tại Đại hội XIII của Đảng, một trong những vấn đề trọng tâm, nổi bật là Đảng ta đã xác định lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước ta phát triển. Để thực hiện khát vọng và tầm nhìn phát triển đất nước của Đảng và nhân dân ta trong thời đại mới, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nền văn hóa và con người Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã cụ thể hóa phương hướng, nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế”; “phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người”. Chú ý “đổi

mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị Nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Trong những năm tới, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi và khó khăn đan xen đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải đoàn kết một lòng, đổi mới, sáng tạo, có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn để tiếp tục đẩy mạnh, toàn diện công cuộc đổi mới. Đó là những mặt cơ bản thuộc giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tạo nên nguồn lực nội sinh của dân tộc.

## **2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam. Quán triệt vai trò và tầm quan trọng của văn hóa, phát triển văn hóa ngang hàng với chính trị, kinh tế và xã hội**

Tại Đại hội XIII của Đảng đã tiếp tục nhấn mạnh quan điểm phải coi trọng phát triển văn hóa ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội theo hướng: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội...; Khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước; Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá; Tăng đầu tư của Nhà nước và xã hội cho phát triển sự nghiệp văn hóa; Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; Hoàn thiện và bổ sung các cơ chế chính sách để đẩy mạnh xã hội hóa văn hóa đúng định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế.

Tránh tư tưởng “duy kinh tế”, chỉ tập trung cho kinh tế mà ít quan tâm đến văn hóa. Đòi hỏi một tư duy mới về quản lý văn hóa, theo đó, quản lý văn hóa cần hướng tới sự chủ động hỗ trợ hoạt động văn hóa - nghệ thuật, tiếp cận gần hơn quy luật thị trường trong sản xuất, phân phối, tiêu dùng và hưởng thụ văn hóa. Theo đó, Nhà nước chỉ điều tiết thị trường văn hóa thông qua định hướng về nội dung, tư tưởng theo đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng; quản lý, điều chỉnh thị trường bằng pháp luật qua các công cụ kinh tế vĩ mô, bảo đảm cân đối cơ bản ở những lĩnh vực quan trọng đối với đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Quan tâm tới các dịch vụ văn hóa công ít có lợi nhuận, những tầng lớp xã hội chịu thiệt thòi... nhằm bảo đảm sự bình đẳng trong sáng tạo và hưởng thụ văn hóa.

Quan điểm văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội, xây dựng thị trường văn hóa đi đôi với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh để văn hóa thực sự là hệ điều tiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội là những tư tưởng mới cần được cụ thể hóa với tầm nhìn mang tính chiến lược dài hạn sẽ có ý nghĩa quan trọng, giúp đất nước ta có cách tiếp cận cập nhật và phù hợp hơn với điều kiện và hoàn cảnh mới.

Quán triệt sâu sắc đường lối văn hóa của Đảng, chủ trương, chính sách của Quốc hội, Nhà nước và Chính phủ về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam, đặc biệt là những chủ trương đã được khẳng định tại Đại hội XIII của Đảng và được Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ III, đó là: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu phát triển, vừa là nguồn lực nội sinh quan trọng của sự nghiệp phát triển bền vững đất nước; văn hóa là hồn cốt của dân tộc, văn hóa còn thì dân tộc còn; phải đặt văn hóa ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội; văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi; đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển; mục tiêu là phải xây dựng cho được nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, qua đó khơi dậy được tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và khát vọng phát triển của toàn dân tộc ... Phải quán triệt sâu sắc để nâng cao nhận thức của tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, để tất cả cùng vào cuộc chung tay, đồng lòng đưa đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách của Quốc hội, Nhà nước và Chính phủ vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tác động tích cực, làm cho yếu tố văn hóa thấm thấu sâu và nhuần nhuyễn vào chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển của tất cả các lĩnh vực, các ngành, các cấp, các địa phương. Đây chính là tiền đề quan trọng nhất để tháo gỡ các nút thắt, khai thông các điểm nghẽn, mở đường cho sự nghiệp phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam.

Kiến toàn cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa ở tất cả các cấp, các địa phương theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa, đủ năng lực lãnh đạo, dẫn dắt, quản trị sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam. Cán bộ là gốc của mọi công việc, quyết định sự thành bại của Chương trình nói riêng và toàn bộ sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người nói chung. Đây phải được coi là khâu then chốt nhất.

Tăng cường công tác xây dựng đảng, tăng cường sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của các Đảng đoàn, tổ chức Đảng các cấp trong lĩnh vực văn hóa, coi tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên vừa là hạt nhân lãnh đạo, vừa là những người đi

tiên phong, gương mẫu trong việc đổi mới, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam.

**3. Chương trình lấy con người là trung tâm, phải tạo ra được bước đột phá trong xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, xây dựng tư tưởng, đạo đức và lối sống lành mạnh, văn minh, góp phần giữ vững trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường hòa bình, ổn định cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước**

Nghị quyết Đại hội XIII đã nêu rõ chủ trương: “Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm phát triển bền vững; phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân”. Nghị quyết Đại hội cũng tiếp tục khẳng định các giá trị, nội dung cốt lõi của bài học “lấy dân làm gốc”, đó là: Phải luôn quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”. Quan điểm về nguồn lực con người, đề cao nhân tố con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển là tư tưởng nhất quán của Đảng.

**4. Đảm bảo đầu tư phát triển toàn diện, hài hòa giữa các lĩnh vực hoạt động văn hóa; giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các giá trị hiện đại, dân tộc với quốc tế, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên lĩnh vực văn hóa**

Cần xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp để huy động các nguồn lực đầu tư vượt trội cho phát triển ngành, đưa các sáng tạo trong phát triển khoa học - công nghệ và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia. Đây là yếu tố quan trọng, chính yếu để thúc đẩy đổi mới mô hình phát triển văn hóa, gìn giữ văn hóa truyền thống dân tộc song song với phát huy, xây dựng nền văn hóa hiện đại. Đây cũng là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế ở nước ta.

Đại hội XIII của Đảng đặc biệt nhấn mạnh phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam hiện nay, trước hết, cần đặc biệt quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, bởi đây là cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa quốc gia.

“Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể. Nghiên cứu và giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp do cha ông để lại”.

### **5. Phát triển văn hóa phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khu vực tư nhân là động lực quan trọng phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam**

Tập trung mọi nguồn lực, nâng mức đầu tư của Nhà nước tương ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội đầu tư tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hàng năm cho văn hóa để đảm bảo tính chất định hướng, dẫn dắt; xây dựng các công trình văn hóa trọng điểm, đảm bảo công bằng xã hội trong thụ hưởng giá trị văn hóa giữa các vùng miền, khu vực, các tầng lớp dân cư, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo. Tôn trọng quy luật, phát huy ưu điểm, lợi thế, hạn chế những mặt trái, tiêu cực của cơ chế kinh tế thị trường, của quá trình toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới (4.0). Tạo cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực vật chất và tinh thần của xã hội tham gia và phát triển văn hóa, xây dựng con người, nhất là đầu tư vào bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế để công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Vai trò của văn hóa Việt Nam nói chung, nhất là sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa nói riêng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng trở nên quan trọng trong bối cảnh các nguồn lực của nền kinh tế cho phát triển đất nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần suy giảm và không còn là lợi thế cạnh tranh với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Các ngành công nghiệp văn hóa của nước ta đặt trong bối cảnh tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã được xác định là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, các khâu sáng tạo, sản xuất, phân phối, phổ biến và tiêu dùng. Trong đó con người là nhân tố then chốt, là chủ thể của tất cả các khâu hoạt động trong công nghiệp văn hóa, quyết định sự thành bại của các chính sách, chiến lược phát triển công nghiệp văn hoá, cần được các cấp, các ngành quan tâm chú trọng hàng đầu. Cùng với đó, Nhà nước phải tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút tối đa nguồn

lực từ các doanh nghiệp và xã hội để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, trong đó dựa trên yếu tố sáng tạo, thành tựu khoa học công nghệ và bản quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, khai thác tối đa yếu tố kinh tế của các giá trị văn hóa dân tộc, nghệ thuật, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và phù hợp với các quy luật cơ bản của kinh tế thị trường, xu thế hội nhập của thế giới để công nghiệp văn hoá dần trở thành nguồn lực lớn để xây dựng và phát triển đất nước trong quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế

Phát triển công nghiệp văn hóa phải theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ưu tiên phát triển các ngành có nhiều lợi thế, tiềm năng của Việt Nam thông qua việc gia tăng sản xuất sản phẩm, dịch vụ văn hóa đa dạng, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa của người dân trong nước và xuất khẩu. Các ngành công nghiệp văn hoá có lợi thế cạnh tranh, mang lại nhiều giá trị kinh tế sẽ giúp tái cơ cấu mô hình tăng trưởng, tạo ra và xác lập được các thương hiệu quốc gia cho những sản phẩm - dịch vụ văn hóa, tạo thêm công ăn việc làm ổn định, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Từ đó trực tiếp đóng góp cho tăng trưởng nền kinh tế, thúc đẩy xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh đất nước chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

**6. Phát triển văn hóa phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và theo từng giai đoạn, xuyên suốt các cấp, các ngành, từ Trung ương đến địa phương, trong toàn bộ các lĩnh vực, các khía cạnh của văn hóa, trong đầu tư, phát triển và hưởng thụ văn hóa**

Phát triển văn hóa đảm bảo có kế hoạch, lộ trình phù hợp và song hành với các điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội; có tính khả thi, có mục tiêu, kết quả cụ thể, có phân cấp, phân quyền hợp lý từ Trung ương đến địa phương.

Phát triển văn hóa không dàn trải, dàn hàng ngang các vùng miền, các lĩnh vực của văn hóa mà phát triển có trọng tâm, trọng điểm, đa dạng hóa nguồn lực, đặc biệt coi trọng hiệu quả đầu tư, xác định rõ hướng đi, theo đúng các Nghị quyết phát triển vùng của Đảng và thế mạnh của địa phương, tập trung sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đảm bảo có kết quả.

Văn hóa được các quốc gia trên thế giới thống nhất xem là một hàng hóa công cộng toàn cầu. Văn hóa đang được xem xét như một mục tiêu trụ cột cụ thể riêng trong các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Tiếp cận,



hưởng thụ, tham gia, thực hành, sáng tạo văn hóa là các quyền cơ bản của người dân được Nhà nước đảm bảo và tạo điều kiện, được quy định trong Hiến pháp.

#### IV. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

##### 1. Mục tiêu tổng quát

a) *Huy động, tập trung nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa, tương xứng với vai trò, vị trí của ngành văn hóa trong điều kiện phát triển chung của đất nước, hướng tới mục tiêu đầu tư cho văn hóa chính là đầu tư lâu dài cho tương lai.* Phân đầu tăng đầu tư cho phát triển văn hóa ở cả Trung ương và địa phương (tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm).

b) *Tạo nên bước chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện trong chấn hưng, phát triển văn hóa và xây dựng con người, hoàn thiện nhân cách, bản sắc và bản lĩnh Việt Nam trong bối cảnh đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những biến đổi về kinh tế - xã hội và môi trường.*

c) *Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh gắn với xây dựng và hoàn thiện nhân cách con người; xây dựng và triển khai thực hiện các hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới. Đẩy mạnh công tác giáo dục văn hóa trong xã hội. Khắc phục sự phân hóa trong thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, miền; các tầng lớp dân cư.*

d) *Xây dựng và hoàn thiện thể chế và thiết chế cho hoạt động văn hóa từ trung ương đến cơ sở. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, chất lượng, hiệu quả. Ưu tiên xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm tầm cỡ quốc gia và khu vực hướng tới kỷ niệm những sự kiện lớn của đất nước từ nay đến 2030 và 2045.*

đ) *Nâng cao chất lượng công tác giáo dục- đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp văn hóa. Chú trọng xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành và có cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng, đãi ngộ tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Ưu tiên xây dựng lực lượng chủ đạo, nòng cốt trong lĩnh vực văn hóa để phát triển dòng chủ lưu, có vai trò định hướng, dẫn dắt sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*

e) *Đẩy mạnh việc tiếp thu những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào trong lĩnh vực hoạt động văn hóa, văn nghệ. Nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý trên lĩnh vực chấn hưng, phát triển văn hóa và xây dựng con người. Chú*

trọng xây dựng và phát triển các lĩnh vực và các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ thanh, thiếu niên, nhi đồng.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Mục tiêu cụ thể đến 2030**

a) 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 03 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao.

b) Ít nhất 95% di tích quốc gia đặc biệt và khoảng 70% di tích quốc gia được tu bổ, tôn tạo; khoảng 70% số di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được xây dựng đề án, chương trình bảo vệ và phát huy giá trị. Có ít nhất 05 di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh theo các Công ước của UNESCO.

c) Bảo đảm ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình của quốc gia và địa phương;

d) Bảo đảm khoảng 85% các địa phương, cơ quan, đơn vị đạt được các danh hiệu văn hóa trong Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các phong trào thi đua, cuộc vận động về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Kế thừa và phát huy tinh hoa của văn hóa gia đình truyền thống, để xây dựng văn hóa gia đình hiện đại, văn minh.

đ) Hằng năm có từ 10 - 15 công trình nghiên cứu lý luận phê bình văn hóa, nghệ thuật chất lượng được công bố; có 02 tác giả đạt giải thưởng văn học ASEAN và khoảng 20 - 30 tác phẩm, công trình văn hóa, văn học nghệ thuật về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước. Xây dựng Chương trình sáng tác, nghiên cứu về văn hóa - nghệ thuật Việt Nam trong 100 năm (1930 - 2030) dưới sự lãnh đạo của Đảng.

e) Phân đấu tin học hóa 100% các đơn vị thực hiện hoạt động văn hóa, nhất là các đơn vị quản lý nhà nước về văn hóa - nghệ thuật, thực hành, trình diễn văn hóa nghệ thuật.

g) Phân đầu giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp văn hóa, nhất là các ngành điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, quảng cáo đóng góp 7% GDP; mức tăng trưởng giá trị gia tăng hàng năm trung bình đạt 7%. Phân đầu có từ 01 đến 03 thành phố sáng tạo thuộc mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO ở các lĩnh vực thiết kế, ẩm thực, thủ công và nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thông nghe nhìn, điện ảnh, văn học, âm nhạc.

h) Phân đầu tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hàng năm.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể đến 2035**

- 100% thư viện trong mạng lưới thư viện đáp ứng điều kiện thành lập và bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Thư viện.

- Hoàn thiện Thư viện số quốc gia, xây dựng thư viện thông minh, mở rộng kết nối, tích hợp dữ liệu với các thư viện trong mạng lưới thư viện Việt Nam và quốc tế. 100% thư viện cấp tỉnh, huyện có khả năng kết nối, tích hợp, liên thông dữ liệu với Thư viện Quốc gia, sẵn sàng chia sẻ với thư viện có vai trò quan trọng, thư viện đại học, thư viện chuyên ngành.

- 80% tài liệu cổ, quý hiếm và bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học được số hóa, bảo quản và phát huy giá trị; 80% tài liệu nội sinh, các công trình nghiên cứu khoa học do các thư viện chuyên ngành, thư viện đại học thu thập và quản lý được số hóa.

- 100% công chức, viên chức lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, văn nghệ sĩ thuộc các đơn vị nghệ thuật công lập được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn, bao gồm cả ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, ngoại ngữ.

- 100% các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật được trang bị đầy đủ, đồng bộ cơ sở vật chất, nhạc cụ, trang thiết bị thiết yếu phục vụ nhu cầu đào tạo.

- Có 05 trường đại học trọng điểm và 02 Viện nghiên cứu được tập trung đầu tư trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm quốc gia trong các lĩnh vực: Âm nhạc, Mỹ thuật, Sân khấu - Điện ảnh và Văn hóa, ngang tầm với các nước tiên tiến trọng khu vực và thế giới.

- 04-06 cán bộ được cử đi thực tập, làm việc ngắn hạn hoặc dài hạn tại các tổ chức quốc tế chuyên ngành về văn hóa, thể thao và du lịch (UNESCO, WIPO, ICCROM,...)

## **V. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, YÊU CẦU THỰC HIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Phạm vi**

- Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước và tại một số quốc gia có mối quan hệ văn hoá lâu dài với Việt Nam. Trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình để đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm theo nhóm mục tiêu đã được xác định.

- Chương trình tập trung vào các hoạt động thuộc các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật cụ thể gồm: di sản văn hóa; văn hóa cơ sở; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; điện ảnh; thư viện; giáo dục văn hóa; đào tạo; văn hóa dân tộc; văn hóa đối ngoại; công nghiệp văn hóa,...

Chương trình không bao gồm các hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí vốn cho hoạt động thường xuyên của các cơ quan quản lý Nhà nước, cho các Chương trình, Đề án, nhiệm vụ khác.

### **2. Đối tượng**

- Nhân dân tại các vùng miền của Tổ quốc.

- Kiều bào ở nước ngoài.

- Các di sản văn hóa thế giới, di tích quốc gia đặc biệt và di tích cấp quốc gia.

- Các di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO, di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và một số di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu thuộc loại hình tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; Các di sản tư liệu được ghi danh vào Danh sách quốc gia, khu vực và thế giới; các bảo tàng trong hệ thống bảo tàng công lập; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Các thiết chế văn hóa, không gian văn hóa sáng tạo; không gian văn hóa công cộng, không gian văn hóa cộng đồng; đội tuyên truyền lưu động; các đồn Biên phòng; các cơ sở, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em.

- Đội ngũ văn nghệ sỹ, đội ngũ trí thức, nhân lực quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, đội ngũ công chúng, đặc biệt là công chúng trẻ.

- Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

### 3. Yêu cầu

- *Tập trung huy động các nguồn lực* tạo ra động lực tổng thể và chuyển biến đột phá cho phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam, thông qua việc lựa chọn những nhiệm vụ cấp bách, quan trọng, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ mà các Nghị quyết của Đảng đã đề ra đối với ngành văn hóa nói riêng và cả xã hội nói chung, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Ưu tiên đầu tư các nhiệm vụ có khả năng tạo ra nguồn thu, các tác phẩm văn hóa nghệ thuật có giá trị nghệ thuật cao, có đột phá trong sáng tạo, đặc biệt là các tác phẩm khai thác, phát huy các giá trị văn hóa dân gian truyền thống. Không đưa vào Chương trình các nhiệm vụ đã được cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước (kinh phí chi thường xuyên hàng năm), các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bố trí ngân sách từ các Chương trình mục tiêu quốc gia khác và các Đề án khác đang triển khai.

+ Đảm bảo ngân sách cho xây dựng, phục dựng, trình diễn của các đoàn nghệ thuật truyền thống, chuyên nghiệp,

+ Đầu tư sáng tác và phổ biến phát hành các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật (văn học, mỹ thuật, điện ảnh) có giá trị cao mang tính thời đại, ca ngợi thành tựu cách mạng, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Khai thác tốt hơn khía cạnh kinh tế của văn hóa* làm cho các yếu tố văn hóa thấm sâu vào tất cả các lĩnh vực hoạt động sáng tạo của con người, là đòn bẩy để Nhà nước kích thích thu hút, huy động được thêm nhiều nguồn lực của xã hội gồm nguồn lực vật chất và nguồn lực con người tham gia vào thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của ngành văn hóa trên phạm vi toàn quốc. Nhân tố văn hóa phải trở thành nội dung quan trọng của hệ thống chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

- Đảm bảo việc thực hiện Chương trình đạt hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, ưu tiên tăng cường nguồn lực từ ngân sách Trung ương cho Chương trình, đồng thời bổ sung một số nội dung công việc được hỗ trợ từ

Chương trình, điều chỉnh tăng định mức chi hỗ trợ ngân sách Trung ương từ Chương trình cho một số nhiệm vụ, nội dung công việc trọng điểm đã được xác định.

- *Tạo được sự chuyển biến về nhận thức, mang lại ý nghĩa quan trọng* để các Bộ, ngành và địa phương cùng ngành văn hóa xem xét, nhìn nhận sâu sắc các vấn đề văn hóa, vai trò, vị trí, về sự cần thiết phải quan tâm đầu tư cho văn hóa một cách đồng bộ, toàn diện *đạt mức 2% tổng chi ngân sách hàng năm cho văn hóa* theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước. Từ đó, tiếp tục cùng ngành văn hóa tạo sự liên kết đầu tư để phát triển cho văn hóa, bảo tồn và phát huy, gìn giữ bản sắc truyền thống văn hoá dân tộc đang dần bị mai một và xói mòn; giảm dần khoảng cách chênh lệch hưởng thụ văn hoá của nhân dân giữa các vùng, miền; đảm bảo cơ cấu phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, an sinh xã hội bền vững, đạt được mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Việt Nam.

- *Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, trách nhiệm phối hợp của các Bộ, ngành và các cấp ở địa phương trong quản lý và điều hành thực hiện Chương trình.* Đây mạnh tính chủ động cho chính quyền cơ sở, nâng cao hiệu quả trong triển khai thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ, đầu tư thuộc Chương trình thông qua các quy định, các cơ chế đặc thù và phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công, ngân sách Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- *Thống nhất, công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành, thực hiện Chương trình;* đảm bảo quản lý và sử dụng nguồn lực tập trung, tiết kiệm, hiệu quả, đầu tư có trọng điểm, không để thất thoát, lãng phí; tăng cường kiểm tra giám sát và phát huy vai trò chủ thể và nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng, của người dân hưởng lợi đối với quá trình quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

- Phát triển các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật để thực hiện các nhiệm vụ chính trị, cách mạng, đồng thời phát triển, khai thác hiệu quả yếu tố kinh tế của các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, để văn hóa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cấp quốc gia hướng tới tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa các cấp tại địa phương, đảm bảo tính đồng bộ.

Tăng cường vai trò dẫn dắt của ngân sách Nhà nước trong đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, đồng thời xây dựng giải pháp để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa

- Coi trọng, tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý thuộc khu vực Nhà nước, đồng thời có giải pháp hỗ trợ phù hợp đối với doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân thuộc khu vực tư nhân để trở thành động lực quan trọng trong phát triển văn hóa

## **VI. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình**

### **1. Dự kiến nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình**

1.1. Căn cứ xác định nhu cầu vốn NSTW hỗ trợ thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030

a) Căn cứ trên mục tiêu “phần đầu tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm” theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030

b) Căn cứ định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2021-2030 tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030.

c) Căn cứ đề xuất của các Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nhu cầu nguồn vốn NSTW hỗ trợ trong tổng nguồn lực dự kiến huy động thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030;

d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định Nhà nước thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2026-2030;

e) Sau khi đã rà soát sự trùng lặp nội dung, đối tượng hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 với các Chương trình, Đề án đầu tư cho lĩnh vực văn hóa.

1.2. Dự kiến Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 được bố trí tối thiểu khoảng 108.000 tỷ đồng, bao gồm:

a) Vốn đầu tư phát triển: 81.000 tỷ đồng, trong đó:

b) Vốn sự nghiệp: 27.000 tỷ đồng.

### 1.3. Các mục tiêu và nhiệm vụ được bố trí vốn ngân sách thực hiện

Nhà nước đảm bảo kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu cơ bản, xây dựng chính sách, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phát huy giá trị của các loại hình nghệ thuật truyền thống, đặc sắc, tiêu biểu của các vùng, miền, các nhà hát, đoàn nghệ thuật truyền thống chuyên nghiệp, hoạt động phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đầu tư trang thiết bị, máy móc cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chính trị; lập và thực hiện quy hoạch di tích; đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa công cộng, bảo tàng, thư viện ...;

Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động phát triển văn hóa khác có khả năng khai thác khía cạnh kinh tế của sản phẩm văn hóa.

### 1.4. Dự kiến cơ cấu huy động nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030

a) Vốn ngân sách Trung ương (NSTW): dự kiến khoảng 108.000 tỷ đồng (chiếm 60%).

b) Vốn ngân sách địa phương: dự kiến khoảng 36.000 tỷ đồng (chiếm 20%).

c) Nguồn vốn khác: dự kiến khoảng 36.000 tỷ đồng (chiếm 20%)

Như vậy, tổng nguồn lực huy động thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 dự kiến khoảng 180.000 tỷ đồng.

## 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn NSTW

Căn cứ tổng kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2026-2030 được Quốc hội phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030, để hướng dẫn các địa phương thực hiện.

## 3. Cơ chế phân bổ vốn NSTW

a) Tiếp tục thực hiện cơ chế phân bổ vốn NSTW theo hướng: Trung ương hỗ trợ cho địa phương tổng mức vốn. Căn cứ các quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ được Thủ tướng Chính phủ ban hành, giao Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ chi tiết, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động với các Chương trình MTQG khác. Tổng vốn



NSTW phân bổ trong 5 năm (2026-2030) phải đảm bảo bố trí đủ theo định mức cụ thể do Trung ương quy định.

b) Đối với vốn hỗ trợ thực hiện các Chương trình, Đề án, trọng tâm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện trong giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn cả nước; thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết, phát sinh trong quá trình thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương trong giai đoạn 2026-2030: Sau khi các Chương trình, Đề án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp và đề xuất phương án phân bổ cụ thể.

#### **4. Cơ chế hỗ trợ vốn NSTW cho các địa phương**

- Nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch và phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

- Bố trí vốn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung dự án của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ chế hỗ trợ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện Chương trình theo nguyên tắc: Ngân sách trung ương không hỗ trợ các tỉnh có điều tiết về ngân sách trung ương<sup>14</sup> ; Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ các tỉnh nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó: Ưu tiên hỗ trợ các tỉnh miền núi, Tây Nguyên, các tỉnh còn lại nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương từ 60% trở lên.

#### **5. Khả năng huy động các nguồn lực khác để thực hiện**

---

<sup>14</sup> trừ tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Ngãi

## 5.1. Vốn ngân sách địa phương

a) Dự kiến vốn ngân sách địa phương: Vốn đối ứng của các địa phương từ các nguồn:

- Thuế do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của các luật thuế; Lệ phí do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của pháp luật; Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện; trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện, sau khi trừ phân được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật; Các khoản nộp ngân sách nhà nước từ hoạt động kinh tế của Nhà nước.

- Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước quản lý, từ nguồn thu xổ số kiến thiết, Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam, cho cơ quan nhà nước ở địa phương, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

b) Quy định về tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương: Sau khi chủ trương đầu tư và tổng mức vốn NSNN (*bao gồm vốn NSTW và NSDP*) được Quốc hội phê duyệt, Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và các địa phương nghiên cứu, đề xuất quy định về tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu, nội dung của Chương trình, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

## 5.2. Nguồn vốn khác

- Nguồn thu từ các doanh nghiệp, tiền thu công đức, phí thăm quan khi thực hiện các dự án tu bổ tôn tạo di tích.

- Vận động các nhà tài trợ quốc tế, các Tổ chức phi chính phủ hỗ trợ nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện các nội dung liên quan đến những vấn đề cấp thiết của Chương trình, các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại.

- Huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư (tiền mặt, ngày công, hiến đất, đóng góp vật liệu xây dựng...) trong các dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa.

## VII. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn và tiến độ thực hiện

Dự kiến kế hoạch bố trí vốn và tiến độ thực hiện giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

**Bảng 1: Kế hoạch bố trí và tiến độ nguồn vốn giai đoạn 2026-2030**

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Năm	Tổng cộng	NSTW	Địa phương	Nguồn vốn khác
<b>Giai đoạn 2026-2030</b>		<b>180.000</b>	<b>108.000</b>	<b>36.000</b>	<b>36.000</b>
1	Năm 2026	27.000	16.200	5.400	5.400
2	Năm 2027	36.000	21.600	7.200	7.200
3	Năm 2028	36.000	21.600	7.200	7.200
4	Năm 2029	45.000	27.000	9.000	9.000
5	Năm 2030	36.000	21.600	7.200	7.200

**Bảng 2: Kế hoạch bố trí và tiến độ nguồn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Thời gian thực hiện	Kế hoạch bố trí tổng vốn NSTW theo từng năm		Kế hoạch bố trí vốn NSTW theo nguồn vốn	
	Vốn (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Vốn ĐTPT (tỷ đồng)	Vốn sự nghiệp (tỷ đồng)
<b>Giai đoạn 2026-2030</b>	<b>108.000</b>	<b>100</b>	<b>81.000</b>	<b>27.000</b>
Năm 2026	16.200	15	12.150	4.050
Năm 2027	21.600	20	16.200	5.400
Năm 2028	21.600	20	16.200	5.400
Năm 2029	27.000	25	20.250	6.750
Năm 2030	21.600	20	16.200	5.400

## **VIII. Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện**

### **1. Chi phí quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình**

Để hỗ trợ hoạt động của bộ máy, cũng như thực hiện công tác quản lý chỉ đạo thực hiện Chương trình các cấp được hiệu quả, nhất là đối với các địa phương khó khăn, phụ thuộc vào hỗ trợ từ NSTW, dự kiến một số nội dung chi cơ bản phục vụ quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình như sau:

- Chi quản lý chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các Dự án của Chương trình theo nhiệm vụ được phân công; chi hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp ở địa phương;

- Chi tổ chức hội nghị, hội thảo (hội nghị về lập kế hoạch, triển khai thực hiện; hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình, tham quan mô hình, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương và các hoạt động, dự án thành phần thuộc Chương trình; hội thảo khoa học trong nước, hoạt động chuyên môn có tính chất nghiên cứu khoa học; hội nghị, hội thảo quốc tế);

- Chi nghiên cứu cơ chế, chính sách và xây dựng các mô hình thí điểm phục vụ nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hướng dẫn các nội dung dự án của Chương trình;

- Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Ban Chỉ đạo và cán bộ kiêm nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc triển khai Chương trình ở các cấp.

- Chi phí kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp.

- Chi vật tư văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, trang thiết bị, mua sắm, sửa chữa phương tiện (máy tính, máy in, camera...) và các khoản phát sinh chi đột xuất theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp ở địa phương được trích khoảng 1,5% nguồn ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cụ thể kinh phí cho Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương. Căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cân đối hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho cơ quan chỉ đạo Chương trình.

### **2. Chi phí duy tu bảo dưỡng các công trình**

Trong giai đoạn 2026-2030, đề xuất mức kinh phí hỗ trợ cho các dự án thực hiện các hoạt động duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình hạ tầng sau khi

hoàn thành. Chi phí cụ thể thực hiện theo quy định hiện hành trên cơ sở áp dụng mức khoán chung khoảng 3% vốn đầu tư xây dựng cơ bản cũng như huy động thêm các nguồn vốn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để duy tu, bảo dưỡng vận hành các công trình cụ thể trên địa bàn.

### **3. Chi phí vận hành sau khi Chương trình kết thúc**

Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đề xuất bố trí vốn vận hành sau khi Chương trình kết thúc theo hướng:

- Đối với các công trình, dự án đầu tư theo hình thức xã hội hoá, hoạt động theo hình thức có thu phí dịch vụ thì đơn vị, tổ chức được giao quản lý, vận hành chủ động bố trí từ nguồn thu để thực hiện theo quy định

- Đối với những công trình giao cộng đồng và các tổ chức chính trị - xã hội quản lý, vận hành thì các tổ chức chính trị - xã hội vận động cộng đồng và người dân tự nguyện đóng góp để thực hiện.

- Đối với các công trình do chính quyền các cấp quản lý và vận hành, đề nghị bố trí từ vốn ngân sách hàng năm bố trí thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và các quỹ bảo trì để thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **IX. Đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội của Chương trình**

### **1. Về kinh tế**

- Việc tập trung đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích thông qua chương trình, ngoài việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy được những giá trị văn hoá do cha ông để lại phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân, giáo dục lịch sử, truyền thống yêu nước cho các thế hệ thì việc triển khai thực hiện dự án tu bổ, tôn tạo di tích mang lại lợi ích thiết thực cho các cộng đồng dân cư trên địa bàn cả nước, đặc biệt, tạo ra các sản phẩm du lịch, thúc đẩy phát triển du lịch và kinh tế của địa phương.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả tổng thể của khu vực văn hóa, bao gồm từ hệ thống chính sách, cơ sở hạ tầng cho tới các hoạt động văn hóa, từ đó đóng góp tích cực hơn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

- Văn hóa và kinh tế có mối quan hệ mật thiết, tương tác biện chứng với nhau. Kinh tế phát triển sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển và ngược lại. Vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế không chỉ dừng lại ở vị thế của những nguồn lực tinh thần, tham gia điều tiết, định hướng, thúc đẩy phát triển kinh tế, mà văn hóa

còn thúc đẩy trực tiếp sự phát triển kinh tế, đóng góp trực tiếp cho nền kinh tế quốc dân tăng thêm sản phẩm và tổng thu nhập. Các nội dung nhiệm vụ trong phát triển công nghiệp văn hóa chính là lựa chọn cho hướng phát triển này, với mục đích tăng trưởng kinh tế đóng góp cho GDP. Dù ra đời muộn hơn nhiều ngành khác nhưng ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam cũng đã có những đóng góp nhất định đối với nền kinh tế quốc dân, như điện ảnh, mỹ thuật và quảng cáo, phần mềm kỹ thuật số và trò chơi điện tử, du lịch văn hóa... đã có những bước phát triển đáng kể và dự đoán sẽ phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai.

## **2. Về xã hội**

- Chương trình góp phần thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ và tham gia văn hóa của các cộng đồng dân cư ở các vùng, miền và thuộc các thành phần xã hội khác nhau, từ đó giúp cải thiện và nâng cao chất lượng sống tổng thể cho người dân.

- Cải thiện chất lượng và hiệu quả giáo dục về văn hóa - nghệ thuật nói riêng và hệ thống giáo dục quốc dân nói chung thông qua việc tăng cường và thúc đẩy cơ chế phối hợp, chia sẻ nguồn lực giữa hai lĩnh vực văn hóa và giáo dục, thúc đẩy và tăng cường năng lực sáng tạo, đổi mới của các bên liên quan.

- Chương trình được triển khai sẽ góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp trong xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước và địa phương. Việc triển khai các nhiệm vụ, các dự án thuộc chương trình là tiền đề để các ban, bộ, ngành, địa phương tiếp tục xây dựng và thực hiện các kế hoạch cụ thể để phát triển văn hóa, con người.

- Chương trình góp phần kiện toàn hệ thống thể chế và thiết chế văn hóa, tạo khuôn khổ pháp lý và hạ tầng vật chất để tổ chức các hoạt động văn hóa, thúc đẩy sự tham gia sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của mọi tầng lớp nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, hướng tới xây dựng xã hội hạnh phúc.

- Góp phần cải thiện sinh kế, nâng cao chất lượng môi trường làm việc cho người dân, đặc biệt là lực lượng lao động trong khu vực văn hóa.

- Góp phần thúc đẩy và củng cố hòa nhập xã hội của người dân, đặc biệt là các nhóm thiểu số, nhóm thiệt thòi.

- Cung cấp các giải pháp hài hòa và lành mạnh cho việc giải quyết các xung đột xã hội.

### 3. Về văn hoá

- Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò và vị thế của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước; làm cho các yếu tố văn hóa hiện diện rộng rãi hơn trong đời sống của người dân.

- Cải thiện và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng văn hóa, góp phần đảm bảo quyền tiếp cận và tham gia văn hóa của người dân.

- Nâng cao và làm phong phú thêm đời sống tinh thần, đáp ứng tốt hơn nhu cầu giải trí và sáng tạo thẩm mỹ của người dân.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia nói chung nhờ vào việc bồi đắp và phát huy năng lực sáng tạo, tư duy thẩm mỹ.

- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống như một nguồn lực cho phát triển kinh tế bền vững và hội nhập quốc tế tích cực. Tạo điều kiện lan tỏa và thẩm thấu có chọn lọc các giá trị hiện đại, tinh thần và triết lý toàn cầu vào hệ thống giá trị văn hóa quốc gia, hệ giá trị con người Việt Nam.

Chương trình vừa chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa chú trọng phát triển những lĩnh vực văn hóa mới như công nghiệp văn hóa, giao lưu hội nhập quốc tế về văn hóa, đảm bảo sự hài hòa giữa dân tộc và quốc tế, giữa giữ gìn bản sắc và hiện đại hóa nền văn hóa dân tộc. Đây chính là một trong các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.

- Tạo chuyển biến trong môi trường văn hóa, giáo dục văn hóa góp phần thúc đẩy sự hình thành hệ sinh thái văn hóa bền vững, lành mạnh; Tạo chuyển biến và góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, tích cực cho người dân.

- Tăng cường sự hiện diện, giao lưu và nâng cao vị thế văn hóa quốc gia Việt Nam trên phạm vi quốc tế.

### 4. Về môi trường

- Chương trình đã xác định vấn đề bảo vệ môi trường đối với cả thành thị và nông thôn là một nội dung ưu tiên trong toàn bộ giai đoạn 2026-2035, góp phần thực hiện hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vấn đề môi trường được đặt là trọng tâm, trở thành một trong các nội dung tuyên truyền, giáo dục văn hóa giữ gìn và bảo vệ môi trường của người dân. Chương trình góp phần tạo mô hình cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp, phong trào khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu,... mang màu sắc văn hóa truyền thống và cả không gian văn hóa sáng

tao, môi trường sống văn minh, sạch đẹp hơn và sinh thái phù hợp với từng khu vực của các cấp tỉnh, huyện xã. Đồng thời, bổ sung nội dung thực hiện tiêu chí về trồng cây xanh trong khu vực các thiết chế văn hóa, góp phần hoàn thành mục tiêu của Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”<sup>15</sup>.

- Ngoài ra, Chương trình cũng xây dựng các mô hình, định hướng, tập trung vào các nội dung, tiêu chí nhằm phát triển văn hóa theo hướng sinh thái, an toàn, thân thiện với môi trường giảm thiểu phát sinh chất thải ngay từ nguồn, tiếp cận các mô hình kinh tế sinh thái.

- Các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, mục tiêu cụ thể về Chiến lược quốc gia về xử lý chất thải rắn đến 2025 và tầm nhìn đến 2050<sup>16</sup> được triển khai trong từng nhiệm vụ, nội dung dự án của giai đoạn thực hiện chương trình.

## **5. Về quốc phòng, an ninh**

Việc triển khai thực hiện Chương trình sẽ góp phần hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, thiết thực góp phần đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, tăng cường đối ngoại và củng cố an ninh quốc phòng.

Việc triển khai Chương trình trong giai đoạn tới nhằm nâng cao và làm phong phú thêm đời sống tinh thần, đáp ứng tốt hơn nhu cầu giải trí và sáng tạo thẩm mỹ của người dân từ đó sẽ tiếp tục góp phần tích cực vào việc giảm và đẩy lùi, tránh xa các tệ nạn xã hội giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự xã hội.

Địa bàn đầu tư của Chương trình là địa bàn cả nước. Việc thực hiện Chương trình, sẽ góp phần rất quan trọng xây dựng được thế trận lòng dân bền vững, thực hiện mục tiêu ổn định an ninh, quốc phòng. Trong bối cảnh mới của thế giới: sự phát triển bùng nổ của công nghiệp văn hóa và công nghiệp sáng tạo mang lại nhiều cơ hội nghề nghiệp và nguồn thu nhập lớn; hầu hết các quốc gia đều có chiến lược phát triển sức mạnh mềm quốc gia để biến văn hóa thành một hợp phần quan trọng nhất của năng lực cạnh tranh quốc gia; thế giới càng toàn cầu hóa, hội nhập sâu thì ý thức về bản sắc văn hóa dân tộc càng mạnh mẽ; nhiều quốc gia đã và sử dụng sức mạnh mềm văn hóa để xâm lấn toàn cầu.... Trong bối cảnh đó, Việt Nam nếu chậm trễ thì sẽ trở thành thuộc địa văn hóa

<sup>15</sup> đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>16</sup> tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ



của ngoại bang, bị xói mòn bản sắc dân tộc, bị hòa tan về văn hóa, tinh thần. Đó chính là nguy cơ “tự diễn biến, tự chuyển hóa” về văn hóa.

Về tình hình thực tiễn trong nước: nhờ được sự quan tâm mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước, sự cố gắng, nỗ lực của nhân dân, trước hết của đội ngũ những người trực tiếp “làm” văn hóa mà sự nghiệp phát triển văn hóa và xây dựng con người ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, yêu cầu của sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững đất nước đang đặt ra cấp bách nhiều “bài toán” phức tạp, cần có lời giải ngay, ở những tầm mức mới. Đây chính là những “nút thắt”, những “điểm nghẽn” mà nếu không giải quyết được thì không thể tạo ra được bước chuyển biến to lớn nhằm chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người như tinh thần của Đại hội Đảng lần thứ XIII yêu cầu.

Việc xây dựng và triển khai Chương trình này sẽ mang lại nhiều hiệu quả xét trên nhiều phương diện, nhất là phương diện an ninh quốc gia về văn hóa và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế của Việt Nam trong tình hình mới.

## **X. NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

Để chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam, từ đó tạo sự đột phá cho phát triển văn hóa bền vững, lâu dài theo đúng các mục tiêu, phạm vi Chương trình đặt ra, trong giai đoạn 2026-2030 tầm nhìn 2045, Chương trình cần cụ thể hóa triển khai 09 nhóm dự án theo hướng bám sát 09 nhóm nội dung nhiệm vụ văn hóa trọng điểm trong Chương trình. Gồm:

### **1. Phát triển nhân cách văn hóa con người Việt Nam**

#### **a) Mục tiêu**

- Hoàn thành 100% việc xây dựng và ban hành các Bộ tiêu chí khung, Bộ tiêu chí cụ thể, phù hợp với đặc điểm địa phương về môi trường văn hóa trong: gia đình; nhà trường; cộng đồng dân cư; các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể; lực lượng vũ trang; doanh nghiệp, tổ chức xã hội, nhằm hình thành các chuẩn mực về văn hóa đạo đức, hành vi ứng xử.

- 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, tổ chức xã hội các cấp ban hành quy chế hoặc nội quy giao tiếp, ứng xử trong môi trường làm việc.

- 80% ở vùng đồng bằng gia đình giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa, tiêu biểu, hạnh phúc; 60% gia đình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi, hải đảo, biên giới giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa, tiêu biểu, hạnh phúc.

- Phần đầu 100% các gia đình được cung cấp thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu thương, truyền thống dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình; đặc biệt quan tâm hộ gia đình chính sách, hộ nghèo và cận nghèo, gia đình dân tộc thiểu số.

- Phần đầu 100% các gia đình được tuyên truyền, giáo dục về truyền thống dân tộc, truyền thống văn hóa, truyền thống gia đình và tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị tốt đẹp của gia đình hiện đại.

- Phần đầu 100% các địa phương đưa nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới vào hương ước, quy ước của dòng họ, cộng đồng, làng xã.

- Phần đầu 100% các địa phương có mô hình về truyền thông, giáo dục xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cơ sở

- Phần đầu 100% nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được giáo dục, tư vấn về hôn nhân gia đình, kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc

- Phần đầu hàng năm 90% vụ việc bạo lực gia đình được giải quyết theo quy định pháp luật; 100% người bị bạo lực gia đình được hỗ trợ cung cấp các dịch vụ thiết yếu; 100% địa phương có mô hình can thiệp, phòng ngừa và ứng phó bạo lực gia đình nhằm giảm tác hại của bạo lực gia đình, đặc biệt với phụ nữ, người yếu thế và trẻ em.

- 90% các lĩnh vực của văn hóa được luật hóa với các chính sách lớn về văn hóa, tăng cường năng lực thực thi pháp luật.

## **b) Nội dung nhiệm vụ cụ thể**

### **1.1. Xây dựng hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới**

- Xây dựng và triển khai các chuẩn mực/hệ giá trị đạo đức con người Việt Nam (tại các môi trường văn hóa gồm không gian mạng, tham gia giao thông, trong gia đình, trong nhà trường, trong cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, ngoài xã hội, nơi công cộng...). Ban hành và triển khai hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

- Xây dựng và triển khai chuẩn mực giao tiếp ứng xử cho con người Việt Nam (tại các môi trường văn hóa gồm không gian mạng, tham gia giao thông, trong gia đình, trong nhà trường, trong cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, ngoài xã hội, nơi công cộng...), biểu dương gương tốt, kịp thời phê phán các hành vi sai trái, tiêu cực.

- Đẩy mạnh việc trao truyền và thực hành các giá trị đạo đức và văn hóa truyền thống của con người Việt Nam (thông qua sinh hoạt, truyền thống gia đình, các hoạt động cộng đồng,...).

- Xây dựng và triển khai các chuẩn mực/hệ giá trị đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên Việt Nam.

- Tăng cường tích hợp các nội dung giáo dục giá trị văn hóa, nghệ thuật dân gian; các loại hình nghệ thuật đặc sắc tiêu biểu trong các môn học và hoạt động giáo dục trong các chương trình giáo dục.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong các cơ sở giáo dục, đào tạo trong công tác xây dựng văn hóa học đường; đạo đức lối sống, kỹ năng sống, học tập suốt đời. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác văn hóa ứng xử giữa con người với con người, con người với tự nhiên tạo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

## **1.2. Thúc đẩy quyền, nghĩa vụ, văn hóa sống và làm việc theo pháp luật**

- Nâng cao nhận thức và thực hành pháp luật cho con người Việt Nam. Phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi người, mỗi chủ thể văn hóa, phối hợp và có giải pháp đồng bộ đấu tranh loại trừ các quan điểm sai trái, các khuynh hướng sáng tác phản tiến bộ, nhân văn, tha hóa con người trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật; loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, nội dung trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến xây dựng con người.

- Tăng cường khả năng tiếp cận, thụ hưởng và năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý về văn hóa cho người dân (chú ý trong lĩnh vực sản xuất, bảo tồn, bảo hộ, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, sưu tập, bảo vệ quyền sở hữu các di sản văn hóa,...).

- Tập huấn, truyền đạt kiến thức trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực văn hóa cho đội ngũ cán bộ cấp thôn (trưởng thôn, trưởng ban, trưởng ấp, già làng...), tổ chức chi hội đoàn thể, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, nhất là tại các khu vực miền núi để có khả năng thông tin giới thiệu người thuộc diện trợ giúp pháp

lý đến các Trung tâm trợ trợ giúp pháp lý khi gặp khó khăn, vướng mắc pháp luật về văn hóa.

### **1.3. Phát triển thể chất và kỹ năng xã hội để phát triển con người toàn diện**

- Triển khai chương trình phát triển thể dục thể thao phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam. Tăng cường giáo dục thể chất gắn với giáo dục tri thức tại nhà trường. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao của quần chúng.

- Xây dựng, phổ biến tới cộng đồng để bị tổn thương các kỹ năng ứng phó với thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa môi trường, dịch bệnh.

- Tăng cường giáo dục kỹ năng xã hội cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

### **1.4. Phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới**

- Xây dựng và phát triển Hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới.

- Hoàn thiện và triển khai Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; Bộ chỉ số về gia đình hạnh phúc.

- Xây dựng dữ liệu số quốc gia về gia đình.

- Nghiên cứu xây dựng và triển khai các dịch vụ công lĩnh vực gia đình, đặc biệt là các dịch vụ thiết yếu hỗ trợ cho người bị bạo lực gia đình.

- Trợ giúp pháp lý về gia đình: Tăng cường khả năng tiếp cận, thụ hưởng và thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình; nâng cao năng lực thực hiện, sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình.

- Phổ biến thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu thương, truyền thống dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình cho các hộ gia đình; đặc biệt quan tâm hộ gia đình chính sách, hộ nghèo và cận nghèo, gia đình dân tộc thiểu số.

- Tuyên truyền, giáo dục về truyền thống dân tộc, truyền thống văn hóa, truyền thống gia đình và tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị tốt đẹp của gia đình hiện đại.

- Xây dựng các mô hình về truyền thông, giáo dục xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cơ sở; mô hình can thiệp, phòng ngừa và ứng phó

bạo lực gia đình nhằm giảm tác hại của bạo lực gia đình, đặc biệt với phụ nữ, người yếu thế và trẻ em.

- Tăng cường giáo dục, tư vấn về hôn nhân gia đình, kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc cho đối tượng nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn.

### **1.5. Tăng cường năng lực về hoạch định chính sách, xây dựng, thực thi pháp luật về văn hóa**

- Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa.

- rà soát, hoạch định chính sách, hoàn thiện hệ thống pháp luật về văn hóa.

- Tăng cường năng lực về thực thi pháp luật về văn hóa.

#### **c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 1.1.

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 1.2.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 1.3, 1.4, 1.5.

#### **d) Đối tượng thụ hưởng**

Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

#### **đ) Nguồn vốn thực hiện**

Vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

## **2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả**

### **a) Mục tiêu**

- 100% thành phố trực thuộc Trung ương có tối thiểu 01 công trình văn hóa tiêu biểu (Nhà hát, Tượng đài, Bảo tàng, Thư viện, Trung tâm chiếu phim hoặc Trung tâm Triển lãm) mang đậm nét giá trị văn hóa của thành phố cấp châu lục và quốc tế.

- 100% các đoàn nghệ thuật công lập Trung ương/quốc gia có cơ sở nghệ thuật biểu diễn riêng để tập luyện và biểu diễn, trong đó, ít nhất 50% nhà hát có quy mô tối thiểu 1.200 chỗ ngồi. 100% các đoàn nghệ thuật công lập trên cả nước có cơ sở nghệ thuật biểu diễn lâu dài (sở hữu hoặc thuê).

- 100% các cơ sở nghệ thuật biểu diễn công lập có các trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến, công nghệ hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng phục vụ, đa dạng các loại hình dịch vụ phục vụ cộng đồng, tăng khả năng kinh doanh, bảo đảm hoạt động bền vững của công trình, đồng thời đáp ứng nhu cầu văn hóa nghệ thuật của nhân dân.

- 100% các không gian triển lãm nghệ thuật công lập Trung ương/quốc gia có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại. 100% tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố trực thuộc đơn vị hành chính cấp tỉnh trên cả nước có không gian triển lãm nghệ thuật có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.

- Thành phố Hà Nội và thành phố Đà Nẵng có các Tổ hợp Trung tâm Nghệ thuật biểu diễn quốc gia với trang thiết bị hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế, có thể trình diễn các loại hình nghệ thuật trong nước và quốc tế, trở thành thương hiệu quốc gia và làm nền tảng phát triển công nghiệp văn hóa. Quy mô công trình tối thiểu đáp ứng quy mô của nhà hát, rạp xiếc cấp đặc biệt theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng với tổng sức chứa trên 3.000 chỗ ngồi.

- 100% các vùng văn hóa đại diện, tiêu biểu có các công trình nhà hát chuyên biệt dành cho loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của địa phương gồm cải lương, đờn ca tài tử, tuồng, dân ca, kịch dân ca, chèo, các loại hình nghệ thuật vùng Tây Bắc,... phù hợp quy hoạch. 100% đô thị loại 1 trở lên, đô thị có tiềm năng du lịch có các Trung tâm nghệ thuật biểu diễn gắn kết với du lịch, từng bước tạo dựng các thương hiệu quốc gia.

- Thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh có các Trung tâm chiếu phim quốc gia hiện đại với quy mô công trình cấp đặc biệt với sức chứa trên 3.000 người, tổ chức các liên hoan phim quốc tế. 100% các đô thị loại 3 trở lên có rạp, phòng chiếu phim với trang thiết bị hiện đại.

- 100% các bảo tàng chuyên ngành công lập cấp quốc gia và của địa phương có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với quy mô công trình đạt công trình theo quy định của Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021.

- Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam có cơ sở hạ tầng, dịch vụ đồng bộ để trở thành điểm đến “An toàn - Thân thiện - Chất lượng - Hấp dẫn” với lượng khách đạt trung bình khoảng 0,5-0,8 triệu lượt khách/năm.

- 100% các đơn vị hành chính cấp tỉnh, khu kinh tế, khu công nghiệp có Trung tâm Văn hóa đạt chuẩn. 100% các đơn vị hành chính cấp huyện có Trung tâm Văn hóa-Thể thao đạt chuẩn. 100% các đơn vị hành chính cấp xã có Trung tâm Văn hóa-Thể thao, trong đó có 70% đạt chuẩn. 100% các thôn, làng, ấp, bản (và tương đương), khu đô thị mới có Nhà văn hóa-Khu thể thao, trong đó 70% đạt chuẩn.

- 100% các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở các cấp được hỗ trợ trang thiết bị hoạt động, phương tiện chuyên dụng. 100% các Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn (và tương đương) được hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động.

- 100% các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở các cấp có nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao thường xuyên, đáp ứng nhu cầu người dân trên địa bàn.

- 100% các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai có cơ sở vật chất, biện pháp kết hợp chức năng sơ tán, tránh trú nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.

- 100% các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các khu vực đồng bào dân tộc thiểu số có biện pháp về cảnh quan, không gian, kiến trúc mang bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo tính gần gũi, thân thuộc, phù hợp lối sống, sinh hoạt, phong tục tập quán địa phương.

- 100% đơn vị hành chính cấp xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao dành cho thanh niên, trẻ em và người cao tuổi. Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em. 80% các đơn vị hành chính cấp huyện tại vùng đồng bằng có Nhà Thiếu nhi.

- 100% các mô hình văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đã thí điểm thành công được nhân rộng và tiếp tục phát huy.

- Định kỳ tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh 5 năm/lần cấp Trung ương (2 năm/lần cấp tỉnh, cấp huyện) với các điển hình tiên tiến của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, 80% người dân các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được nâng cao mức hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

- 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, 80% người dân các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được nghe, xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình của quốc gia và địa phương, tiếp cận thông tin qua các xuất bản phẩm và trên internet.

- 90% số xã ở vùng đồng bằng có tối thiểu 80% thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đáp ứng tiêu chuẩn văn hoá theo quy định. 90% số xã ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, biên giới có tối thiểu 60% thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đáp ứng tiêu chuẩn văn hoá theo quy định.

- 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có mô hình điểm về thực hiện nếp sống văn minh trong tổ chức lễ hội; mô hình Câu lạc bộ dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống, sinh hoạt văn hóa cơ sở. 60% thôn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, biên giới có đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa dân gian, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng. 80% thôn ở vùng đồng bằng có đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa dân gian, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- 40% phường, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, biên giới đạt chuẩn văn minh đô thị. 60% phường, thị trấn ở vùng đồng bằng đạt chuẩn văn minh đô thị, tiêu biểu.

- Thư viện Quốc gia Việt Nam có quy mô công trình đạt cấp I; có không gian đọc, phục vụ người sử dụng tiện nghi, hiện đại; không gian lưu trữ đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo quản tài nguyên thông tin; ít nhất 01 mô hình không gian đa phương tiện và trải nghiệm với sách. 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thư viện cấp tỉnh với trụ sở độc lập với quy mô công trình đạt cấp II và bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Thư viện, có không gian đa phương tiện hoặc trải nghiệm với sách phục vụ cộng đồng tại thư viện, triển khai được mô hình thư viện lưu động đa phương tiện với trang thiết bị và phương tiện hiện đại phục vụ hoạt động thư viện lưu động và luân chuyển tài nguyên thông tin. 100% các huyện có thư viện cấp huyện với quy mô công trình đạt cấp III. 100% các xã có thư viện cấp xã với quy mô công trình đạt cấp III hoặc tổ chức mô hình thư viện cộng đồng hoặc hỗ trợ hoạt động cho không gian



đọc, phòng đọc cơ sở, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng theo quy định của Luật Thư viện.

- 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các tác phẩm mỹ thuật công cộng có giá trị thẩm mỹ cao, phát huy thành tựu mỹ thuật thế giới và bản sắc địa phương. 70% các huyện có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao, tác phẩm mỹ thuật công cộng. 60% các điểm cộng đồng trên địa bàn xã ở miền núi, hải đảo được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời. 80% các điểm cộng đồng trên địa bàn xã ở khu vực đồng bằng được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

## **b) Nội dung nhiệm vụ cụ thể**

### **2.1. Phát triển hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hóa nghệ thuật chất lượng cao, hướng đến đẳng cấp quốc tế**

- Xây dựng các tổ hợp Nhà hát nghệ thuật quốc gia Việt Nam tiêu chuẩn quốc tế, nhà hát nghệ thuật tiêu biểu tại các đô thị lớn, trở thành thương hiệu quốc gia và làm nền tảng phát triển công nghiệp văn hóa; phát triển, nâng cấp hệ thống các nhà hát đặc thù mang tính biểu tượng để làm nổi bật giá trị văn hóa truyền thống vật thể, phi vật thể tiêu biểu, đặc sắc.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, trang bị kỹ thuật, thiết bị hiện đại cho hệ thống không gian triển lãm nghệ thuật ở Trung ương và địa phương (trong đó có không gian triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh).

- Xây dựng Trung tâm chiếu phim quốc gia hiện đại tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng và phát triển, nâng cấp hệ thống rạp chiếu phim tại các địa phương.

- Đẩy mạnh phát triển công chúng văn hoá, nghệ thuật tại các thiết chế văn hoá - nghệ thuật công lập.

### **2.2. Nâng cao năng lực cơ sở hạ tầng và giáo dục văn hóa nghệ thuật trong hệ thống thiết chế bảo tàng**

- Đầu tư xây dựng Bảo tàng Nghệ thuật đương đại Việt Nam.

- Đầu tư xây dựng Bảo tàng Nhiếp ảnh Quốc gia Việt Nam.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam: Tăng cường hoạt động truyền dạy, hưởng thụ văn hoá, thể thao, văn hoá đọc của cộng đồng các dân tộc tại Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt

Nam; Nâng cao cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị, chất lượng tổ chức các hoạt động giới thiệu văn hoá truyền thống.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp các bảo tàng chuyên ngành cấp quốc gia.

### **2.3. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, nâng cao năng lực vận hành của các thiết chế văn hóa cơ sở**

- Đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện, Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn (và tương đương).

- Hỗ trợ trang thiết bị hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động, khai thác thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở các cấp.

- Phát triển cơ chế hợp tác, chia sẻ tài nguyên giữa các thiết chế văn hóa thuộc các loại hình khác nhau nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

- Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội tự nguyện trong việc xây dựng, vận hành các thiết chế văn hóa và tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật phi lợi nhuận.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vui chơi, giải trí và hỗ trợ trang thiết bị hoạt động dành cho trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo.

- Thí điểm xây dựng các thiết chế văn hóa phù hợp với đặc trưng văn hóa từng địa phương, đồng bộ với hạ tầng nhà ở xã hội, công trình y tế, giáo dục trong các khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung để góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động.

### **2.4. Thúc đẩy vai trò của trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực văn hóa, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tuân thủ pháp luật**

- Nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý về văn hóa, cải thiện sinh kế cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tập huấn, truyền đạt kiến thức trợ giúp pháp lý trong đó chú trọng về trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực văn hóa cho đội ngũ cán bộ cấp thôn (trưởng thôn, trưởng ban, trưởng ấp, già làng...), tổ chức chi hội đoàn thể, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, nhất là tại các khu vực miền núi để có khả năng thông tin giới thiệu người thuộc diện trợ giúp pháp lý đến các Trung tâm trợ giúp pháp lý khi gặp khó khăn, vướng mắc pháp luật về văn hóa.

- Tập huấn về các kỹ năng phối hợp, giới thiệu thông tin, vụ việc trợ giúp pháp lý về văn hóa cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý như Đoàn biên phòng, cảnh sát biên, cơ quan tiến hành tố tụng, người làm công tác liên quan đến văn hóa, công chức Phòng Tư pháp, cán bộ cấp xã (cán hộ tư pháp hộ tịch, văn hóa, công an xã, công chức cấp xã khác và những người có liên quan.

- Xây dựng tổ chức thực hiện các chương trình thông tin, truyền thông, các đợt truyền thông trực tiếp hoặc luân phiên theo địa bàn chính sách pháp luật trợ giúp pháp lý về văn hóa, xây dựng, phát hành phóng sự, tiểu phẩm, chương trình, bài viết và các hoạt động truyền thông khác về trợ giúp pháp lý điển hình, thành công về văn hóa.

### **2.5. Xây dựng đời sống văn hóa, phát huy giá trị văn hóa truyền thống để phát triển sinh kế của các cộng đồng dân tộc thiểu số và miền núi**

- Xây dựng và khai thác các mô hình văn hoá cộng đồng ở các dân tộc thiểu số nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế, xã hội như: mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hoá đặc thù, bảo tồn giá trị văn hoá phi vật thể; mô hình di sản văn hóa gắn với các hành trình du lịch di sản văn hóa phát triển cộng đồng; các tác phẩm mới lấy cảm hứng từ văn hóa dân tộc thiểu số.

- Bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ, sáng tạo văn hoá của mỗi cộng đồng đặc biệt là thế hệ trẻ của đồng bào dân tộc thiểu số qua các lớp học, chương trình giáo dục (truyền dạy văn hoá phi vật thể, phổ biến sinh hoạt văn hoá, bồi dưỡng người kế cận trong nhóm cộng đồng, khuyến khích sáng tạo tác phẩm mới được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan lấy cảm hứng từ văn hóa truyền thống).

### **2.6. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân hướng tới phát triển bền vững, bao trùm**

- Hỗ trợ, đầu tư chi phí tổ chức hoạt động lễ hội truyền thống tại các địa phương.

- Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống, sinh hoạt văn hóa cơ sở.

- Xây dựng và nhân rộng một số mô hình điểm về xây dựng môi trường văn hóa cơ sở; mô hình Câu lạc bộ dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống, sinh hoạt văn hóa cơ sở, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế, du lịch, nâng cao mức hưởng thụ, sáng tạo văn hóa nhân dân.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vùng, miền; nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng; những tấm gương tiêu biểu trong xã hội trên các phương tiện truyền thông.

- Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp văn hoá xanh, bền vững, các sản phẩm, dịch vụ văn hoá thân thiện với môi trường.

- Đầu tư trang thiết bị chiếu phim kỹ thuật số phù hợp cho đội chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo.

- Triển khai Đề án “Trung tâm (kênh) phát hành và phổ biến phim trực tuyến”.

- Tăng cường khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ văn hoá có chất lượng và thúc đẩy tinh thần kinh doanh sáng tạo thông qua trên không gian mạng cũng như tại địa phương thông qua việc sử dụng hợp lý các thiết chế văn hóa, giáo dục cơ sở để cung cấp không gian làm việc giá rẻ, các nền tảng kết nối mạng, hệ thống liên kết với các nhà đầu tư thiên thần.

### **2.7. Hỗ trợ phát triển văn hóa đọc gắn với các thiết chế thư viện**

- Hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải tạo Thư viện Quốc gia Việt Nam; bố trí và đầu tư xây dựng thư viện cấp tỉnh tại những nơi chưa có trụ sở thư viện độc lập hoặc có trụ sở nhưng chưa đảm bảo tiêu chí theo Luật Thư viện mà không còn khả năng cải tạo, nâng cấp; cải tạo, nâng cấp bảo đảm điều kiện hoạt động của các thư viện công cộng theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng mô hình không gian đa phương tiện và trải nghiệm với sách tại Thư viện Quốc gia Việt Nam và nhân rộng trong các thư viện công cộng cấp tỉnh.

- Xây dựng và phát triển mô hình thư viện lưu động đa phương tiện phục vụ phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng: hỗ trợ phát triển tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện kho tài liệu luân chuyển của cấp tỉnh; hỗ trợ xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện và các trang thiết bị chuyên dùng.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm thư viện cộng đồng tại những địa phương chưa có thư viện công cộng cấp xã.

## **2.8. Phát triển hệ thống không gian văn hóa sáng tạo công cộng nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, giáo dục thẩm mỹ của người dân, đặc biệt là giới trẻ**

- Đầu tư mới, cải tạo các tác phẩm mỹ thuật công cộng (điều khắc, sắp đặt, tranh) tại các địa điểm công cộng (vườn hoa, công viên, quảng trường, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, sân vận động,...) và các công trình mỹ thuật biểu tượng văn hóa quốc gia Việt Nam.

- Hoàn thiện cơ chế hợp tác công - tư trong xây dựng, vận hành và quản lý các không gian văn hóa, không gian sáng tạo; Xây dựng chương trình và hỗ trợ hoạt động kết nối mạng lưới giữa các không gian sáng tạo, không gian văn hóa ở Việt Nam.

- Hỗ trợ nhằm thúc đẩy, gắn trách nhiệm của nhà đầu tư cơ sở hạ tầng đối với phát triển văn hóa.

## **2.9. Xây dựng, phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa trong các cơ sở giáo dục, đào tạo**

- Tăng cường đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa; duy tu, nâng cấp chất lượng, thiết bị, tài nguyên thông tin các thiết chế văn hóa đã có để đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục (phòng truyền thông, thư viện, nhà văn hóa đa năng, sân chơi, bãi tập, phòng tập....).

- Xây dựng không gian văn hóa truyền thống trong các cơ sở giáo dục, đào tạo để giáo dục, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể đặc trưng, các loại hình nghệ thuật đặc sắc tiêu biểu của các dân tộc.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp, tăng cường trang thiết bị thư viện trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; liên thông các thư viện cộng đồng, phát triển văn hóa đọc trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; Xây dựng mô hình thư viện hiện đại, công nghiệp văn hóa trong các nhà trường.

- Nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền trong trường học.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật trong hệ thống giáo dục phổ thông.

### **c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện**

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 2.1, 2.2, 2.6, 2.7.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 2.3.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 2.8.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 2.9.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 2.5.

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 2.4.

#### **d) Đối tượng thụ hưởng**

Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

#### **đ) Nguồn vốn thực hiện**

Vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

### **3. Nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền và giáo dục văn hóa**

#### **a) Mục tiêu**

- 100% Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh được đầu tư phương tiện vận chuyển, xe ô tô chuyên dụng và trang thiết bị hoạt động. 100% Đội Tuyên truyền lưu động cấp huyện được đầu tư phương tiện vận chuyển, xe ô tô chuyên dụng và trang thiết bị hoạt động.

#### **b) Nội dung nhiệm vụ cụ thể**

##### **3.1. Đa dạng hóa các hình thức, phương thức và nội dung tuyên truyền, giáo dục về văn hóa**

- Sản xuất các chương trình giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc trên các phương tiện truyền thông và nền tảng số.

- Tập trung xây dựng và phát triển các kênh thông tin, truyền thông mới về văn hóa, nghệ thuật trên nền tảng số.

- Phát huy hiệu quả vai trò của hệ thống truyền thông trong việc nâng cao nhận thức về hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, con người Việt Nam; Tăng cường tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống, văn hóa ứng xử trong gia đình; Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, khơi dậy khát vọng cống hiến cho đất nước.

- Đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thông bằng tiếng nước ngoài nhằm quảng bá, lan toả giá trị văn hoá truyền thống, tinh hoa văn hoá thế giới đến đông đảo công chúng trong và ngoài nước góp phần thúc đẩy thứ hạng hình ảnh Việt Nam trên bảng đánh giá xếp hạng hình ảnh quốc gia trên thế giới.

- Tuyên truyền và ngăn chặn, phản bác các thông tin xấu độc, thù địch về văn hóa, con người Việt Nam, thông tin trái thuần phong, mỹ tục, văn hoá Việt Nam trên không gian mạng, các nền tảng số, trên các phương tiện truyền thông trong và ngoài nước.

- Tăng cường đặt hàng báo chí phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại trên báo chí trong nước, báo chí Việt Nam xuất bản bằng tiếng nước ngoài nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

- Biên tập, xuất bản các ấn phẩm phổ biến về tri thức, về văn hóa. Phát triển văn hóa đọc, tuyên truyền, quảng bá sâu rộng vai trò, tầm quan trọng của việc đọc sách trong việc bồi dưỡng, nâng cao tri thức, trí tuệ của người dân, gắn kết chặt chẽ với hoạt động học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

- Tăng cường các hoạt động quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hoá bằng nhiều phương thức (tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, thuyết minh di sản văn hoá, tôn vinh những điểm tu bổ di tích tốt, nắm giữ di sản, quảng bá trên các nền tảng xã hội...).

- Sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thông số và đổi mới trong tuyên truyền phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển văn hóa.

### **3.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật, di sản văn hóa trong hệ thống giáo dục phổ thông**

- Xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục nghệ thuật tích hợp vào Chương trình giáo dục phổ thông như Đề án Sân khấu học đường (đưa các loại hình nghệ thuật sân khấu giảng dạy cho các em học sinh).

- Hợp tác với các cơ quan, đơn vị truyền thông, xuất bản, các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục đại học tổ chức hoạt động tuyên truyền về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Xây dựng và triển khai các hoạt động giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho thanh, thiếu niên Việt Nam ngoài nhà trường.

- Xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục di sản văn hóa tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, chú trọng kết hợp với hệ thống cơ sở giáo dục các cấp.

### **3.3. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở, đặc biệt là các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số**

- Hỗ trợ ô tô chuyên dụng và trang thiết bị hoạt động cho Đội Tuyên truyền lưu động của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh và Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện.

- Hỗ trợ trang thiết bị, sản phẩm văn hóa và tổ chức Liên hoan Đội tuyên truyền văn hóa tuyên biên giới, hải đảo cho các đồn biên phòng và Đội tuyên truyền văn hóa bộ đội biên phòng.

### **3.4. Phát huy vai trò của cơ quan truyền thông, báo chí nhằm quảng bá, lan tỏa giá trị văn hóa tốt đẹp, phản bác, đấu tranh với các thông tin sai trái, thù địch, xấu độc**

- Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thông bằng tiếng nước ngoài nhằm quảng bá, lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống, tinh hoa văn hóa thế giới đến đông đảo công chúng trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy thứ hạng hình ảnh Việt Nam trên bảng đánh giá, xếp hạng hình ảnh quốc gia trên thế giới.

- Tăng cường đặt hàng báo chí phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại trên báo chí trong nước, báo chí Việt Nam xuất bản bằng tiếng nước ngoài nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đồng thời có chính sách đầu tư phát triển hệ thống thông tin cơ sở.

- Tuyên truyền phản bác, đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch về văn hóa, con người Việt Nam trên báo chí



trong và ngoài nước, các nền tảng số và ngăn chặn thông tin xấu độc, trái thuần phong, mỹ tục, văn hóa Việt Nam trên không gian mạng.

### **c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện**

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 3.1, 3.4.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 3.2.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 3.3.

### **d) Đối tượng thụ hưởng**

Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

### **đ) Nguồn vốn thực hiện**

Vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

## **4. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc**

### **a) Mục tiêu**

- 100% di tích được xếp hạng hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- 100% các di sản đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) ghi danh trên địa bàn tỉnh hoàn thành việc: lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi; kế hoạch quản lý di sản thế giới; quy chế bảo vệ di sản thế giới. 50% số huyện có các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả. 50% số xã có di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Ít nhất 95% di tích quốc gia đặc biệt được tu bổ, tôn tạo bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước kết hợp các nguồn vốn huy động hợp pháp khác đáp ứng quy định của Luật Di sản văn hóa. Khoảng 70% di tích quốc gia được tu bổ, tôn tạo đáp ứng quy định của Luật Di sản văn hóa.

- Ít nhất 03/08 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, khoảng 40 di tích quốc gia đặc biệt, khoảng 200 di tích cách mạng - kháng chiến quan trọng, di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ cấp quốc gia có giá trị đang bị xuống cấp nghiêm trọng, di tích tại các xã, vùng An toàn khu (ATK) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là xã, vùng An toàn khu (ATK) được ưu tiên đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo. Khoảng 600 di tích quốc gia đang bị xuống cấp nghiêm trọng được ưu tiên hỗ trợ chống xuống cấp, tu bổ cấp thiết.

- Có thêm ít nhất 02 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh vào Danh mục Di sản thế giới.

- 15 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và di tích quốc gia đặc biệt có tiềm năng phát triển du lịch được ưu tiên đẩy mạnh đầu tư phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm tạo động lực đột phá phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- 100% các khu di tích gắn với phát triển du lịch không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học.

- Hoàn thành việc xây dựng hệ thống bản đồ cảnh báo nguy cơ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các danh lam thắng cảnh được xếp hạng; danh mục phân loại mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với danh lam thắng cảnh theo từng vùng để đầu tư, tu bổ theo thứ tự ưu tiên. 100% các danh lam thắng cảnh được xếp hạng, UNESCO ghi danh được điều tra thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu với danh lam thắng cảnh và đề xuất nhu cầu thích ứng, biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

- Thực hiện 100% cam kết của Chính phủ và xây dựng, triển khai các đề án, dự án, chương trình bảo vệ và phát huy giá trị đối với các di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Có thêm 01-03 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể và 01 di sản văn hóa đa quốc gia đề nghị UNESCO ghi danh. Có thêm khoảng 126 di sản văn hóa phi vật thể đưa vào Danh mục quốc gia

- Khoảng 70% số di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn tỉnh được xây dựng đề án, chương trình bảo vệ và phát huy giá trị.

- 100% các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số có các dự án bảo vệ và phát huy giá trị tiêu biểu các loại hình tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một.

- 100% các tỉnh có di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia có dự án, biện pháp tạo lập không gian, công cụ, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất để nghệ nhân, người thực hành có điều kiện thực hành, trình diễn, giới thiệu và trao truyền di sản văn hóa phi vật thể.

- 100% các tỉnh nghiên cứu, tổ chức thí điểm mô hình bảo tàng sinh thái (nếu khả thi) tại các địa phương có giá trị văn hóa đặc trưng để bảo vệ, phát huy toàn bộ đời sống văn hóa cộng đồng trong khu vực nơi cộng đồng sinh sống gắn với phát triển cộng đồng, phát triển du lịch bền vững và tăng trưởng xanh.

- 100% các huyện có di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tổ chức các lớp truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng, sử dụng lực lượng nòng cốt là nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú hoặc người thực hành để truyền dạy cho thế hệ trẻ trong và ngoài cộng đồng.

- Hoàn thành 100% việc xây dựng và tổ chức Dàn nhạc dân tộc quốc gia Việt Nam góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

- Hoàn thành 100% việc tổng kiểm kê quốc gia, xây dựng danh mục các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu theo địa giới hành chính và theo tộc người. 100% di sản tư liệu đã được UNESCO ghi danh được triển khai các dự án bảo vệ và phát huy giá trị.

- Có thêm 04 di sản tư liệu được UNESCO ghi danh. Có thêm khoảng 100 di sản tư liệu được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu.

- Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Bảo tàng Hồ Chí Minh có cơ sở vật chất tiêu chuẩn quốc tế, trang thiết bị hiện đại, nội dung trưng bày phong phú, hấp dẫn, thu hút khách tham quan và học tập. 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có bảo tàng cấp tỉnh với cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn, trang thiết bị hiện đại, nội dung trưng bày phong phú, hấp dẫn, thu hút khách tham quan và học tập.

- Trung tâm bảo quản hiện vật quốc gia tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia được hoàn thiện có thiết bị, hệ thống cơ sở vật chất hiện đại để bảo quản và phục hồi hiện vật.

- 100% bảo vật quốc gia được bảo quản theo chế độ đặc biệt.

## **b) Nội dung nhiệm vụ cụ thể**

### **4.1. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh**

- Tổng kiểm kê quốc gia về di sản văn hóa vật thể.
- Xác định giá trị, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học các di tích quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Việt Nam đề nghị UNESCO ghi danh.
- Hoàn thành việc lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt (theo danh mục di tích quốc gia đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ), di sản được UNESCO ghi danh và một số cụm di tích quốc gia.
- Đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ được UNESCO ghi danh, cấp quốc gia đặc biệt và quốc gia.
- Hỗ trợ chống xuống cấp các di tích di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ cấp quốc gia; di tích tại các xã, vùng An toàn khu (ATK) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là xã, vùng An toàn khu (ATK) có giá trị đang bị xuống cấp nghiêm trọng.
- Đầu tư bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất cho Viện Bảo tồn di tích nhằm nâng cao năng lực bảo tồn, phục hồi di sản văn hóa.
- Tập trung đầu tư trọng điểm, tổng thể một số địa điểm vùng đất cổ, di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới và di tích quốc gia đặc biệt để bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa kết hợp với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học hướng đến tạo động lực, nguồn lực đột phá phát triển kinh tế - xã hội địa phương.
- Nâng cao năng lực của các cộng đồng - chủ nhân sáng tạo và cộng đồng - chủ nhân sở hữu của các di sản văn hóa trong việc bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể kết hợp với khai thác các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

### **4.2. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể**

- Tổng kiểm kê quốc gia danh mục di sản văn hóa phi vật thể.
- Xây dựng Hồ sơ khoa học các di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và đề nghị UNESCO

đưa vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại; Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và các di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- Xây dựng và thực hiện chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được UNESCO ghi danh gắn với phát triển bền vững, chú trọng các di sản văn hoá có phạm vi phân bố liên vùng (liên quốc gia, liên tỉnh, liên huyện, liên xã) gắn với liên kết phát triển bền vững.

- Nghiên cứu phục hồi, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu thuộc các loại hình di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một, các giá trị di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp (đặc biệt là các di sản văn hóa thuộc loại hình tiếng nói, chữ viết), góp phần ổn định tình hình an ninh, chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

- Hỗ trợ hoạt động câu lạc bộ văn nghệ quần chúng về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh; tổ chức, hỗ trợ các lớp truyền dạy thực hành di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng và thực hiện đầu tư khôi phục, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của xã, thôn, bản có 100% đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ổn định, lâu dài.

- Tăng cường vai trò hiệu quả của Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam trong bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của 54 dân tộc Việt Nam: Khôi phục, bảo tồn, tổ chức các lễ hội, trình diễn di sản văn hoá...; Tổ chức Ngày văn hoá, Tuần văn hoá địa phương nhằm bảo tồn, quảng bá giới thiệu nét đẹp văn hoá truyền thống địa phương; Phục dựng tái hiện không gian chợ phiên vùng cao; Hỗ trợ đời sống sinh hoạt đồng bào các dân tộc hoạt động hàng ngày.

- Xây dựng và vận hành Dân nhạc Dân tộc quốc gia Việt Nam nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

### **4.3. Bảo tồn, phát huy giá trị di sản tư liệu, cổ vật, bảo vật quốc gia**

- Tổng kiểm kê quốc gia danh mục di sản tư liệu.

- Nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Thực hiện dự án bảo vệ, bảo quản bảo vật quốc gia theo chế độ đặc biệt.

- Xác định giá trị, lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

- Hỗ trợ tìm kiếm, sưu tầm, đưa di vật, cổ vật, tài sản văn hoá - nghệ thuật, có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước.

- Xây dựng Hồ sơ khoa học các di sản tư liệu có giá trị tiêu biểu đề nghị UNESCO đưa vào Danh sách di sản Tư liệu thế giới và khu vực Châu Á Thái Bình Dương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu.

- Triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án, đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu Việt Nam; sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị của tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa khoa học; tài liệu địa chí, tác phẩm văn hóa nghệ thuật dân gian.

- Tăng cường triển khai Công ước 1970 của UNESCO về các biện pháp ngăn cấm xuất, nhập và chuyển giao trái phép quyền sở hữu tài sản văn hóa để bảo vệ và thu hồi các bảo vật, di sản văn hóa, trong đó có các cổ vật.

#### **4.4. Nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả của hệ thống bảo tàng lịch sử**

- Nâng cấp, mở rộng Bảo tàng Lịch sử quốc gia; đầu tư nâng cấp, cải tạo Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam; xây dựng trung tâm bảo quản hiện vật cấp quốc gia.

- Đầu tư xây dựng các bảo tàng cấp tỉnh tại các địa phương chưa có bảo tàng; Chính lý, cải tạo công trình bảo tàng và cải tạo, nâng cấp hệ thống trưng bày và kho bảo quản hiện vật của các bảo tàng cấp tỉnh bị xuống cấp, không bảo đảm yêu cầu để hoạt động.

- Hỗ trợ phát triển nội dung trưng bày bảo tàng quốc gia, bảo tàng cấp tỉnh phong phú, đa dạng, thu hút khách tham quan, học tập.

- Đầu tư các trang thiết bị phục vụ công tác bảo quản hiện vật, trưng bày, giáo dục và truyền thông của các bảo tàng.

#### **4.5. Tăng cường trợ giúp pháp lý về bảo vệ và phát huy di sản văn hóa**

- Nâng cao hiểu biết của người dân trong việc sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý để thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp trong việc bảo tồn, bảo quản, sưu tập các di vật, cổ vật, di sản văn hóa.

- Nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có di vật văn hóa bị cá nhân, tổ chức khác chiếm đoạt, xâm phạm, năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp

pháp của người dân trong vụ việc có yếu tố văn hóa như bị lợi dụng các phong tục, tập quán, tín ngưỡng để thực hiện các hành vi trục lợi hoặc ngăn cản thực hiện quyền của người dân về văn hóa).

### **c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện**

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 4.1, 4.4.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 4.2.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 4.3.

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 4.5.

### **d) Đối tượng thụ hưởng**

Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

### **đ) Nguồn vốn thực hiện**

Vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

## **5. Thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật**

### **a) Mục tiêu**

- Hàng năm có 10-15 công trình nghiên cứu lý luận phê bình văn hóa, nghệ thuật chất lượng được công bố

- 100% các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp công lập trên cả nước có trụ sở làm việc, cơ sở tập luyện riêng đảm bảo các trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến, công nghệ hiện đại, kho chứa phục trang, vật tư sản xuất đạo cụ, phong cảnh,...

- Hàng năm có 02 tác giả đạt giải thưởng văn học ASEAN.

- Xây dựng Chương trình sáng tác, nghiên cứu về văn hóa - nghệ thuật Việt Nam trong 100 năm (1930 - 2030) dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Hàng năm có 01-02 tác phẩm, công trình mỹ thuật điêu khắc; 02-03 tác phẩm, công trình mỹ thuật, nhiếp ảnh; 05-07 tác phẩm nghệ thuật biểu diễn mang tầm quốc gia về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước. Hàng năm 100% các tỉnh có 01-02 tác phẩm, công trình

mỹ thuật điêu khắc; 02-03 tác phẩm, công trình mỹ thuật, nhiếp ảnh; 01-02 tác phẩm nghệ thuật biểu diễn về lịch sử dân tộc, lịch sử đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước.

- Trung tâm Giám định và Triển lãm tác phẩm mỹ thuật và nhiếp ảnh quốc gia được nâng cao năng lực với trang thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu.

- Hàng năm có 02-03 tác phẩm, chương trình nghệ thuật đặc sắc, có giá trị tư tưởng, văn hóa tiêu biểu của Việt Nam và thế giới mang tầm quốc gia. Hàng năm 100% các tỉnh có ít nhất 01-02 tác phẩm, chương trình nghệ thuật đặc sắc, có giá trị tư tưởng, văn hóa tiêu biểu của địa phương, Việt Nam và thế giới được biểu diễn tại địa phương.

- Hàng năm có 03-05 sản phẩm nghệ thuật biểu diễn (tác phẩm, công trình) thể nghiệm mang tầm quốc gia kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại. Hàng năm 100% các tỉnh có 01-03 sản phẩm nghệ thuật biểu diễn (tác phẩm, công trình) thể nghiệm kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại.

- Hàng năm, số lượng phim sản xuất do Bộ VHTTDL giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sử dụng ngân sách Nhà nước: phim truyện điện ảnh đạt 25 phim; phim tài liệu - khoa học đạt 40 phim và phim hoạt hình đạt 25 phim. Hàng năm, số lượng phim sản xuất do cơ quan thuộc tỉnh giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sử dụng ngân sách Nhà nước đạt ít nhất 01-02 phim. UBND tỉnh quy định cụ thể thể loại và số lượng phim theo nhu cầu thực tế của địa phương.

- Tỷ lệ phim Việt Nam: Đạt ít nhất 55% số buổi chiếu phim truyện Việt Nam trên tổng số buổi chiếu phim tại rạp, trên truyền hình; 40% phim truyện Việt Nam chiếu tại rạp trên tổng số phim phát hành.

- Định kỳ hàng năm hoặc hai năm một lần, Bộ VHTTDL và 100% các tỉnh tổ chức các hội thi, hội diễn, chương trình nghệ thuật cấp quốc gia và các cấp trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học để tạo sân chơi, thể hiện tài năng cho độ ngũ văn nghệ sỹ.

## **b) Nội dung nhiệm vụ cụ thể**

### **5.1. Hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật**

- Khuyến khích nghệ sỹ sáng tạo và phát triển nghệ thuật qua các chương trình, dự án hỗ trợ kinh phí để thực tập, cư trú ở các địa phương, khu vực và quốc tế.



- Hỗ trợ, khuyến khích các nghệ sĩ khai thác và ứng dụng những giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống vào các tác phẩm hiện đại dựa trên cơ sở dữ liệu lưu trữ tại các đơn vị thuộc Bộ VH-TT-DL và các tỉnh, thành phố.

- Tổ chức định kỳ các trại sáng tác nghệ thuật và chương trình nghệ thuật quốc tế ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu và nghệ sĩ giao lưu, học hỏi kinh nghiệm của thế giới.

- Hỗ trợ việc sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ bao gồm việc cấp các ưu đãi cho sự phát triển các dự án của các nghệ sĩ chuyên nghiệp và mới nổi; hỗ trợ các hình thức sáng tạo, sản xuất và lưu hành trong mọi lĩnh vực và trong các bối cảnh sáng tạo khác nhau.

- Xây dựng hệ sinh thái phát triển nghệ thuật với các tổ chức giảng dạy, không gian nghệ thuật, nhà ở nghệ thuật và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân bằng các khoản trợ cấp, học bổng nghệ thuật.

- Nâng cao năng lực xử lý vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan; thù lao, nhuận bút đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

## **5.2. Phát triển hoạt động phê bình, lý luận, giám định, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật**

- Hỗ trợ các hoạt động lý luận, phê bình văn học nghệ thuật.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản, tổng kết lý luận, thực tiễn, dự báo xu thế phát triển văn hóa cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, quản lý văn hóa nghệ thuật, phục vụ nhiệm vụ hoạch định, tư vấn đường lối, chính sách, chiến lược phát triển ngành.

- Rà soát, bổ sung và xây dựng Kho dữ liệu về nghệ thuật Việt Nam (các tài liệu ghi chép, bộ sưu tập tài liệu, hồ sơ nghệ sĩ, thông tin về hoạt động nghệ thuật, tác phẩm nghệ thuật,...) để phục vụ công việc nghiên cứu, sáng tác, giảng dạy và học tập nghệ thuật.

## **5.3. Hỗ trợ cơ sở vật chất hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển văn học, nghệ thuật**

- Đầu tư xây dựng Bảo tàng Nghệ thuật biểu diễn Việt Nam.

- Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật của các đoàn nghệ thuật công lập.

- Hỗ trợ, đầu tư xây mới, cải tạo các trung tâm hỗ trợ, phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại.

- Đầu tư trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất hiện đại đạt tiêu chuẩn phục vụ thẩm định, giám định tác phẩm mỹ thuật và nhiếp ảnh.

#### **5.4. Đầu tư có trọng điểm các công trình, tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao của Việt Nam**

- Đầu tư sản xuất các tác phẩm phim ảnh có chất lượng nghệ thuật cao, mang tính nhân văn, hướng thiện và giàu bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ chính trị và đời sống tinh thần của người dân, gồm: phim truyện, phim tài liệu, khoa học, phim hoạt hình.

- Đầu tư đặt hàng sáng tác, sưu tầm, trình diễn các tác phẩm nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh đỉnh cao gồm: tác phẩm mang giá trị tư tưởng, văn hóa tiêu biểu của Việt Nam và thế giới; tác phẩm thể nghiệm kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại; tác phẩm về đề tài lịch sử dân tộc, đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước.

- Tăng cường và phát triển các tác phẩm văn học nghệ thuật đỉnh cao và đương đại.

- Phát triển, nâng cao giá trị, chất lượng, uy tín các giải thưởng quốc gia về văn hóa nghệ thuật.

#### **5.5. Hỗ trợ quảng bá, phổ biến tác phẩm, thành tựu văn học nghệ thuật có chất lượng cao đến đông đảo nhân dân**

- Tăng cường quảng bá, phổ biến các tác phẩm văn hóa nghệ thuật xuất sắc, chất lượng cao đã được giải thưởng hoặc công nhận trong nước và quốc tế cho quần chúng nhân dân được tiếp cận, hưởng thụ.

- Phát triển hệ thống không gian nghệ thuật công cộng, cộng đồng thông qua hợp tác công - tư nhằm tạo cơ hội cho các nghệ sĩ trình bày tác phẩm của họ, đồng thời nâng cao tính thẩm mỹ của địa phương.

- Đăng cai tổ chức các sự kiện quốc gia, quốc tế có quy mô lớn trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và các loại hình nghệ thuật thị giác đương đại; tạo điều kiện cho sự kết nối, giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, quốc tế.

- Hỗ trợ tăng tỷ lệ buổi chiếu phim Việt Nam tại rạp; Hỗ trợ hoạt động phổ biến phim phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo.

### **c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện**

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 5.1.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 5.2, 5.3, 5.4.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 5.5.

### **d) Đối tượng thụ hưởng**

Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

### **đ) Nguồn vốn thực hiện**

Vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

## **6. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa**

### **a) Mục tiêu**

- Trường quay Cổ Loa được nâng cấp, mở rộng thành trường quay tầm cỡ khu vực và thế giới. Thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh có trường quay với trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu phục vụ khâu kỹ thuật tiền kỳ, hậu kỳ trong sản xuất phim theo công nghệ hiện đại.

- Phấn đấu có thêm từ 01-03 thành phố sáng tạo thuộc mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO ở các lĩnh vực thiết kế, ẩm thực, thủ công và nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thông nghe nhìn, điện ảnh, văn học, âm nhạc.

- Thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh trở thành 03 trung tâm công nghiệp văn hóa tầm khu vực.

- 100% các tỉnh có di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới trên địa bàn nghiên cứu, phát triển hướng tới trở thành trung tâm công nghiệp văn hóa gắn với phát triển du lịch văn hóa.

- Công cụ ứng dụng khoa học và công nghệ để hỗ trợ phát hiện xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường số, mạng internet nhằm bảo hộ

và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa được phát triển và triển khai hiệu quả.

- 03 sàn giao dịch thương mại các sản phẩm và dịch vụ văn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng được hình thành và vận hành nhằm khuyến khích sáng tạo, phát triển thị trường; bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ và sáng tạo của công chúng.

- Phần đầu giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 7% GDP. Phần đầu các ngành công nghiệp văn hóa gồm các ngành điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, quảng cáo có mức tăng trưởng giá trị gia tăng hàng năm trung bình đạt 7%.

- Đóng góp doanh thu của ngành công nghiệp điện ảnh đạt khoảng 250 triệu USD; ngành nghệ thuật biểu diễn đạt khoảng 31 triệu USD; ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm đạt khoảng 125 triệu USD; ngành quảng cáo đạt khoảng 3.200 triệu USD; ngành du lịch văn hóa chiếm 15 - 20% trong tổng số khoảng 40.000 triệu USD doanh thu từ khách du lịch.

- Xuất khẩu đạt 30% số lượng phim truyện sản xuất hàng năm. Số phim của nước ngoài sản xuất sử dụng bối cảnh tại Việt Nam tăng 25%/năm.

- Thương hiệu quốc gia sản phẩm công nghiệp văn hóa Việt Nam uy tín được hỗ trợ xây dựng, phát triển hướng tới tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu.

- Các phim truyện, phim hoạt hình sản xuất trong nước đặc sắc, có chất lượng cao được hỗ trợ phát triển, phân phối các sản phẩm, dịch vụ đi kèm (đồ chơi, đồ lưu niệm, hàng tiêu dùng...).

- Hàng năm ít nhất 02-03 chương trình, sự kiện xúc tiến, quảng bá, hỗ trợ xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp, thương hiệu của một số ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế được tổ chức.

- Hàng năm 01 tuần lễ trung bày, triển lãm thành tựu công nghiệp văn hóa được tổ chức để các doanh nghiệp tiêu biểu giới thiệu và xúc tiến thương mại các sản phẩm công nghiệp văn hóa.

- Ít nhất 03-05 doanh nghiệp vừa và nhỏ; 05-10 làng nghề; các nghệ nhân, người thực hành tiêu biểu được hỗ trợ để phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa: thủ công mỹ nghệ, quà tặng lưu niệm, thiết kế,... 100% các tỉnh thực

hiện hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, làng nghề, các nghệ nhân, người thực hành để phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa: thủ công mỹ nghệ, quà tặng lưu niệm, thiết kế,...

## **b) Nội dung nhiệm vụ cụ thể**

### **6.1. Hình thành các trung tâm công nghiệp văn hóa**

- Hình thành mạng lưới các thành phố sáng tạo Việt Nam nằm trong mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO. Trong đó, tập trung vào các lĩnh vực văn học, âm nhạc, thủ công mỹ nghệ và nghệ thuật dân gian, ẩm thực, điện ảnh, thiết kế, nghệ thuật truyền thông.

- Phát triển, củng cố và mở rộng cơ sở hạ tầng các khu, trung tâm công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo tại các đô thị có tiềm năng và lợi thế nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Trong đó, giai đoạn đầu chú trọng triển khai thí điểm mô hình tại TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội (tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam), thành phố Hạ Long...

- Hỗ trợ phát triển hệ thống các không gian văn hóa sáng tạo trên cả nước, tạo mạng lưới giữa các khu, trung tâm công nghiệp văn hóa, các không gian sáng tạo và kết nối với các mạng lưới sáng tạo quốc tế. Xây dựng hệ sinh thái để liên kết giữa các nghệ sĩ và người thực hành sáng tạo, các không gian văn hóa và doanh nghiệp, tạo thị trường cho các ngành công nghiệp văn hóa phát triển.

- Nâng cao năng lực hệ thống các không gian văn hóa sáng tạo trên cả nước để thu hút đầu tư nước ngoài, đầu tư tư nhân; hỗ trợ các làng nghề chuyển đổi, phát triển theo định hướng công nghiệp văn hóa sáng tạo.

- Xây dựng cơ sở vật chất cho lĩnh vực điện ảnh: Mở rộng, nâng cấp Trường quay Cổ Loa thành trường quay quốc gia tầm cỡ khu vực, thế giới. Nâng cấp Trung tâm kỹ thuật điện ảnh Việt Nam trở thành trung tâm hàng đầu cung cấp các hoạt động dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất phim theo công nghệ hiện đại.

### **6.2. Nâng cao hiệu quả bảo hộ bản quyền tác giả trong việc phát triển công nghiệp văn hóa**

- Hình thành thị trường, sàn giao dịch quyền tác giả, quyền liên quan của các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học nhằm khuyến khích sáng tạo, bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ và sáng tạo của công chúng tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng.

- Xây dựng công cụ để hỗ trợ phát hiện xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường số, mạng internet nhằm bảo hộ và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

### **6.3. Phát triển doanh nghiệp công nghiệp văn hóa và thị trường sản phẩm công nghiệp văn hóa có năng lực cạnh tranh cao**

- Tổ chức các chương trình, sự kiện nhằm xây thương hiệu của doanh nghiệp, thương hiệu của một số ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế.

- Tổ chức tuần lễ trưng bày, triển lãm để các doanh nghiệp tiêu biểu giới thiệu và xúc tiến thương mại các sản phẩm công nghiệp văn hóa. Đẩy mạnh việc quảng bá, phổ biến các tác phẩm điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn học của Việt Nam ra thị trường quốc tế.

- Lựa chọn, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, làng nghề, nghệ nhân, người thực hành phát triển, sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa như thủ công truyền thống, mỹ nghệ, quà tặng lưu niệm từ các sản phẩm đặc trưng, tiêu bản hình ảnh của di sản văn hóa Việt Nam (di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, âm thực truyền thống, trang phục truyền thống...), thiết kế; quảng bá, xúc tiến các dự án văn hóa nghệ thuật có giá trị cao về nghệ thuật và tư tưởng.

- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu quốc gia, thương hiệu doanh nghiệp văn hóa Việt Nam, đại sứ thương hiệu văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, hình thành các sản phẩm chủ lực cho ngành công nghiệp văn hóa, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế.

- Xây dựng chương trình hỗ trợ tín dụng, bảo trợ, vốn môi qua các khoản tạm ứng và các chương trình tín dụng, các khoản vay lãi suất thấp cho các nghệ sĩ, dự án, các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa.

- Xây dựng cơ chế quản lý việc gây quỹ cộng đồng, cơ chế quỹ đối ứng công - tư cho các hoạt động, chương trình, dự án về văn hóa, nghệ thuật và sáng tạo dành cho các không gian sáng tạo, các doanh nghiệp sáng tạo nhỏ và vừa.

- Thúc đẩy phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại, đầu tư xây dựng các tác phẩm nghệ thuật mang tính biểu tượng truyền thống Việt Nam, các tác phẩm mỹ thuật thị giác.

- Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên về các dự án liên quan đến ngành công nghiệp văn hóa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển hệ thống không gian sáng tạo văn hóa, nghệ thuật trong học sinh, sinh viên không giới hạn.

- Hỗ trợ, đầu tư phát triển thị trường văn học, nghệ thuật trong nước.

- Truyền thông nâng cao nhận thức, quảng bá về các ngành công nghiệp văn hóa.

### **c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện**

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 6.1.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 6.2.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 6.3.

### **d) Đối tượng thụ hưởng**

Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

### **đ) Nguồn vốn thực hiện**

Vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

## **7. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực văn hóa**

### **a) Mục tiêu**

- Ít nhất 60% số thư viện trong cả nước được kiểm tra, quản lý thông qua hệ thống quản lý thông tin của cơ quan quản lý.

- Phấn đấu tin học hóa 100% các đơn vị thực hiện hoạt động văn hóa, nhất là các đơn vị quản lý Nhà nước về văn hóa nghệ thuật, thực hành, trình diễn văn hóa nghệ thuật.

- 100% các cơ sở đào tạo lĩnh vực văn hóa nghệ thuật triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số về quản lý và đào tạo.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu nhân lực ngành văn hóa được xây dựng thống nhất, có khả năng tổ chức thống kê, báo cáo định kỳ, kết nối từ Trung ương tới các địa phương.

- 100% Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài ứng dụng khoa học công nghệ, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nghiên cứu triển khai văn hóa số trong các hoạt động văn hóa đối ngoại tại địa bàn phụ trách.

- 70% tài liệu cổ, quý hiếm và bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học do các thư viện thu thập và quản lý được số hóa; 70% tài liệu nội sinh, các công trình nghiên cứu khoa học do các thư viện chuyên ngành, thư viện đại học thu thập và quản lý được số hóa.

- Các bộ cơ sở dữ liệu lớn (big data) về các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam được thiết lập, cập nhật thường xuyên, tạo thành tài nguyên dùng chung, hình thành dịch vụ cung cấp dữ liệu mở và chia sẻ dữ liệu số hóa cho cộng đồng.

- Đối với vùng đồng bằng 70% thư viện, bảo tàng cấp tỉnh thực hiện số hóa tư liệu, hiện vật; Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, biên giới 60% thư viện, bảo tàng cấp tỉnh thực hiện số hóa tư liệu, hiện vật.

- 100% các cơ sở dữ liệu văn hóa nghệ thuật, di sản văn hóa quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, di sản văn hóa phải được quản lý, lưu trữ ở các trung tâm dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu vùng, địa phương đạt tiêu chuẩn và kết nối đồng bộ thông suốt với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, công dữ liệu quốc gia.

- Bản đồ số về vùng văn hóa nghệ thuật biểu diễn Việt Nam được hình thành, phát triển phục vụ công tác xây dựng chính sách pháp luật và công tác nghiên cứu, phát triển nguồn lực nghệ thuật biểu diễn.

- 100% các sưu tập đặc biệt quý hiếm tại 04 bảo tàng quốc gia được hoàn thành kiểm kê, sưu tầm, số hóa.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa trên nền tảng công nghệ số được xây dựng thống nhất, phục vụ công tác lưu trữ, quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, quảng bá di sản, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững;



bảo đảm tích hợp được vào khung kiến trúc Chính phủ điện tử và Hệ tri thức Việt số hóa.

- Hệ thống 08 bộ tiêu chí chuyển đổi số cho các thông tin dữ liệu ứng dụng trên phần mềm lưu trữ, bản đồ số và liên kết, khai thác dữ liệu đa chiều về di sản văn hóa được ban hành và triển khai thống nhất trên toàn quốc.

- Nền tảng kỹ thuật số chung về quản lý, bảo tồn các dữ liệu trong lĩnh vực di sản văn hóa được xây dựng tại Bộ VH-TT-DL, có khả năng mở rộng để các địa phương, tổ chức kết nối và tích hợp với các hệ thống thông tin khác của Chính phủ, địa phương và các tổ chức liên quan.

- Hoàn thành 100% việc thống kê, số hóa, xây dựng mục lục và xuất bản Tổng danh mục Di sản văn hóa Việt Nam, công khai trên mạng Internet.

- 100% các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu được UNESCO ghi danh và các di tích quốc gia đặc biệt được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số.

- 100% các bảo vật quốc gia, các di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số; ưu tiên số hóa theo nhu cầu sử dụng của xã hội các di tích quốc gia và các hiện vật, nhóm hiện vật tại các bảo tàng, ban quản lý di tích.

- 50% bảo tàng cấp tỉnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, biên giới thực hiện số hóa tư liệu, hiện vật. 60% bảo tàng cấp tỉnh ở vùng đồng bằng thực hiện số hóa tư liệu, hiện vật.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia về các ngành công nghiệp văn hóa được xây dựng và triển khai .

- 100% thư viện công lập có vai trò quan trọng, thư viện bộ ngành, thư viện đại học hoàn thiện và phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, triển khai liên thông, chia sẻ tài nguyên và sản phẩm thông tin thư viện theo chức năng, nhiệm vụ, văn bản hợp tác.

- Thư viện Quốc gia Việt Nam trở thành Thư viện số quốc gia là đầu mối tích hợp, chia sẻ dữ liệu số mang tính tập trung với một số thư viện công cộng cấp tỉnh và thư viện có vai trò quan trọng. 80% thư viện cấp tỉnh có khả năng kết nối dữ liệu với Thư viện Quốc gia Việt Nam . 70% thư viện cấp huyện có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và có khả năng kết nối, liên thông với thư viện cấp tỉnh trong cung ứng sản phẩm và dịch vụ phục vụ người sử dụng.

- 80% thư viện chuyên ngành và thư viện đại học khác, 60% thư viện cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác có trang thông tin điện tử có khả năng cung cấp dịch vụ trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập (trừ các dịch vụ thuộc phạm vi bí mật nhà nước và dịch vụ đọc hạn chế).

- 100 đề tài độc lập cấp Bộ, 25 tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; 10 sản phẩm, dịch vụ chủ lực văn hóa, thể thao và du lịch. Hàng năm, 100% các tỉnh có ít nhất 01 đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa.

- Bộ chỉ số văn hóa quốc gia vì sự phát triển bền vững được triển khai thống nhất trên cả nước làm cơ sở để đánh giá và đề xuất thể chế, chính sách, khuôn khổ pháp lý cho ngành văn hóa.

- Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 được xây dựng và triển khai.

## **b) Nội dung nhiệm vụ cụ thể**

### **7.1. Quản lý văn hóa trên môi trường số, xây dựng chính phủ số**

- Phát triển công cụ sử dụng các công nghệ mới để quản lý Nhà nước hiệu quả đối với hoạt động phổ biến bản ghi âm, ghi hình, nội dung nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, đặc biệt trên môi trường số.

- Nghiên cứu, đề xuất quản lý thị trường sản phẩm văn hóa nghệ thuật NFT.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nhân lực ngành văn hóa, có tính thống nhất, được tổ chức thống kê, báo cáo định kỳ, kết nối từ Trung ương tới các địa phương.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số về quản lý và đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế.

- Đầu tư xây dựng hệ thống quản lý các thư viện Việt Nam.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để nâng cao năng lực quản lý Nhà nước đối với hoạt động nghệ thuật biểu diễn, dữ liệu nguồn lực biểu diễn nghệ thuật.

## **7.2. Số hóa dữ liệu, xây dựng, bảo vệ cơ sở dữ liệu văn hóa quốc gia trên môi trường số**

- Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ, các phần mềm, phần cứng chuyên dụng, xây dựng thư viện số cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và thư viện công cộng cấp tỉnh, thực hiện tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu số giữa các thư viện.

- Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu số tại Thư viện Quốc gia Việt Nam trở thành trung tâm bảo quản số, dữ liệu số tập trung và cơ sở dữ liệu số của các thư viện cấp tỉnh.

- Đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu số về văn hóa, nghệ thuật Việt Nam (Cơ sở dữ liệu Big Data về văn hóa).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu mỹ thuật, nhiếp ảnh, tiến tới xây dựng ngân hàng dữ liệu về mỹ thuật, nhiếp ảnh.

- Lập bản đồ số về vùng văn hóa nghệ thuật biểu diễn Việt Nam; dữ liệu loại hình nghệ thuật biểu diễn trên toàn quốc phục vụ công tác xây dựng chính sách pháp luật và công tác nghiên cứu, phát triển nguồn lực nghệ thuật biểu diễn.

- Đầu tư các trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số, xây dựng nền tảng bảo tàng số, xây dựng cơ sở dữ liệu cho các bảo tàng công lập quốc gia về di sản tư liệu.

- Số hóa và xây dựng phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu Kho tàng hoa văn trang phục và nhà cửa, dân ca, dân vũ các dân tộc thiểu số Việt Nam.

- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tổng hợp, cập nhật, rà soát dữ liệu quản lý Nhà nước đối với hoạt động nghệ thuật biểu diễn; dữ liệu nguồn lực biểu diễn nghệ thuật; dữ liệu loại hình nghệ thuật biểu diễn trên toàn quốc phục vụ công tác xây dựng chính sách pháp luật, cấp phép và nghiên cứu, phát triển nguồn lực nghệ thuật biểu diễn.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chuẩn hóa, số hóa dữ liệu và Cổng dữ liệu mở để đảm bảo các dữ liệu lưu trữ sẽ được khai thác chung cho các hệ thống ứng dụng liên quan theo mô hình kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ VHTTDL được phê duyệt.

### **7.3. Ứng dụng khoa học công nghệ và thông tin trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và các điều kiện vật chất phục vụ cho việc ứng dụng khoa học công nghệ bảo đảm cho việc chuyển đổi số thống nhất trong ngành di sản văn hoá.

- Tư liệu hoá, số hóa, lưu trữ, quản lý hệ thống khai thác và xây dựng sơ sở dữ liệu quốc gia, kho cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hoá.

- Nghiên cứu, triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác chuyên môn và quản lý ở các lĩnh vực bảo tàng, di tích, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu, cụ thể:

- Triển khai số hóa hệ thống di tích và dữ liệu về di tích (di sản văn hoá thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia), số hóa hiện vật quý hiếm, cổ vật, bảo vật quốc gia; số hóa các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu phục vụ công tác lưu giữ, bảo quản, tu bổ, phục hồi, nghiên cứu, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo vệ và phát huy giá trị.

- Phát triển các ứng dụng công nghệ số, nền tảng số nhằm hỗ trợ nâng cao trải nghiệm của khách tham quan tại các di tích, bảo tàng, điểm du lịch và việc tiếp cận di sản tư liệu được dễ dàng, thuận tiện và đầy đủ mọi lúc, mọi nơi.

- Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng, cảnh báo nguy cơ xâm nhập và khắc phục sự cố trong việc lưu giữ, chia sẻ, sao lưu, khai thác dữ liệu chung trong toàn hệ thống.

- Xây dựng bản đồ số hóa di sản văn hóa ở các lĩnh vực di tích, phi vật thể, di sản tư liệu, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và bảo tàng.

- Ứng dụng công nghệ số xây dựng các phim, clip, tài liệu quảng bá cho các di sản thế giới của Việt Nam được UNESCO công nhận, ghi danh bằng nhiều thứ tiếng trên các nền tảng xã hội và các xuất bản phẩm điện tử liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam.

- Kiểm kê, số hóa tư liệu di sản văn hoá truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam, khai thác xây dựng sản phẩm phục vụ du lịch.

- Xây dựng kho dữ liệu về di tích (lịch sử, văn hoá, kiến trúc,... dữ liệu gốc của di tích) phục vụ công tác nghiên cứu, tu bổ, tôn tạo làm cơ sở đối chiếu giữa di tích ban đầu và di tích đã được trùng tu.

#### **7.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các ngành công nghiệp văn hóa**

- Xây dựng, ban hành và số hóa Bộ chỉ số thống kê về các ngành công nghiệp văn hóa, làm cơ sở đưa vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Điều tra, thống kê thường niên đánh giá sự đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa vào GDP, lao động và xuất nhập khẩu nhằm đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp, hiệu quả phát triển công nghiệp văn hóa.

- Lập bản đồ số về các ngành công nghiệp văn hóa nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước, phục vụ lập quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội và các nhu cầu của xã hội.

#### **7.5. Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên không gian số, thúc đẩy thị trường văn hóa trên môi trường số**

- Kiểm kê, số hóa tư liệu di sản văn hoá truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam, khai thác xây dựng sản phẩm phục vụ du lịch.

- Tăng cường đầu tư cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa nghệ thuật trên môi trường số.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ của một số viện nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật theo mô hình tiên tiến thế giới để thực hiện nhiệm vụ tư vấn chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành văn hóa.

- Đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, triển khai số hóa trong đào tạo, xây dựng hệ thống Học liệu số về văn hóa nghệ thuật.

#### **7.6. Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, nghiên cứu cơ bản để phát triển văn hóa**

- Xây dựng và triển khai Chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước về phát triển các ngành công nghiệp văn hoá Việt Nam gắn với phát triển bền vững đất nước.

- Xây dựng và triển khai Bộ chỉ số văn hóa quốc gia vì sự phát triển bền vững.

#### **c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện**

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6.

**d) Đối tượng thụ hưởng**

Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

**e) Nguồn vốn thực hiện**

Vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

**8. Phát triển nguồn nhân lực văn hóa****a) Mục tiêu**

- 100% cán bộ nghiệp vụ và người tổ chức hoạt động của thiết chế cơ sở văn hóa, thể thao các cấp được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- 100% cán bộ, công chức làm việc tại các Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài được trải qua chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về văn hóa đối ngoại.

- Khoảng 80% công chức, viên chức lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, văn nghệ sĩ thuộc các đơn vị nghệ thuật công lập được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn, bao gồm cả ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, ngoại ngữ.

- 100% cán bộ phụ trách công tác di sản văn hóa được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- 100% người làm công tác thư viện được đào tạo lại, cập nhật các kiến thức, kỹ năng vận hành thư viện hiện đại.

- 100% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn chuyên sâu, nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Khoảng 3.000 tài năng trên cả nước được đào tạo ở trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học ở trong nước hoặc liên kết, phối hợp đào tạo giữa các trường đại học ở nước ngoài.

- Có 150 thạc sĩ, 35 tiến sĩ trên cả nước được lựa chọn và cử đi đào tạo ở nước ngoài. Ưu tiên đào tạo các ngành/chuyên ngành trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc đào tạo nhưng chất lượng chưa cao; chú trọng đào tạo các chuyên ngành thuộc lĩnh vực di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa. 100% các tỉnh đưa lĩnh vực văn hóa.

nghệ thuật, công nghiệp văn hóa vào các chương trình, đề án của địa phương về đào tạo nhân lực chất lượng cao tại các cơ sở nước ngoài (nếu có).

- Định kỳ 2 năm/lần, tổ chức các Hội thi tài năng trẻ học sinh, sinh viên trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật trong nước và quốc tế tại Việt Nam nhằm đánh giá chất lượng đào tạo, tạo môi trường giao lưu, học hỏi, phát triển tài năng trẻ trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển tài năng, góp phần cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho lĩnh vực nghệ thuật và là cơ sở để các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật nâng cao chất lượng đào tạo.

- 80% các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật được trang bị đầy đủ, đồng bộ cơ sở vật chất, nhạc cụ, trang thiết bị thiết yếu phục vụ nhu cầu đào tạo.

- Hàng năm có từ 4-5 tài năng thuộc mỗi lĩnh vực, ngành đào tạo được hỗ trợ, cử tham dự và đoạt giải thưởng các cuộc thi, hội diễn, triển lãm nghệ thuật quốc tế hoặc được Hội đồng chuyên môn đánh giá cao, được công chúng đón nhận.

- Hàng năm trung bình hỗ trợ, cử khoảng 05 tài năng thuộc mỗi lĩnh vực, ngành đào tạo đi thực tập ngắn hạn tại các cơ sở đào tạo, đơn vị nghệ thuật có uy tín ở nước ngoài. 100% các tỉnh hỗ trợ, cử tài năng thuộc các lĩnh vực, ngành đào tạo đi thực tập ngắn hạn tại các cơ sở đào tạo, đơn vị nghệ thuật có uy tín ở trong nước, nước ngoài.

- 300 người hoạt động trong lĩnh vực biên kịch sân khấu, điện ảnh; phê bình văn học nghệ thuật; giám tuyển, giám định trong các lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, di sản văn hóa được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn ở trong nước và nước ngoài.

- 100% các già làng, trưởng bản, nghệ nhân, trí thức người dân tộc sinh hoạt tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam được đào tạo, bồi dưỡng.

- 100% các chuyên ngành về quản lý, sản xuất, phân phối, kỹ thuật, công nghệ của các ngành công nghiệp văn hóa ban hành được chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và được tổ chức tuyển sinh, đào tạo.

- 100-200 nhân sự tài năng thuộc các chuyên ngành về quản lý, sản xuất, phân phối, kỹ thuật, công nghệ của các ngành công nghiệp văn hóa được hỗ trợ, cử đi thực tập, đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở công nghiệp văn hóa ở các nước có ngành công nghiệp văn hóa phát triển.

- Ít nhất 1.000 nhân sự tài năng thuộc các chuyên ngành về quản lý, sản xuất, phân phối, kỹ thuật, công nghệ của các ngành công nghiệp văn hóa được hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao năng lực ở trong nước.

- Hàng năm, 500 giảng viên, giáo viên, nhà nghiên cứu, chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được lựa chọn và hỗ trợ, cử tham dự các cuộc hội thảo, giao lưu, trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm chuyên môn ở trong và ngoài nước.

- Hàng năm, 100 giảng viên, giáo viên, nhà nghiên cứu, chuyên gia lĩnh vực văn hóa nghệ thuật ở trong nước được bồi dưỡng ngắn hạn trên cơ sở mời các chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; 50 giảng viên, giáo viên, nhà nghiên cứu, chuyên gia lĩnh vực văn hóa nghệ thuật được hỗ trợ, cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài.

- 100% các viện nghiên cứu văn hóa nghệ thuật cấp quốc gia có hệ thống thư viện công nghệ số.

- Có ít nhất 01 viện hàn lâm văn hóa nghệ thuật ngang tầm viện nghiên cứu tiên tiến của các nước trong khu vực. Có 03 trường đại học trọng điểm và 01 Viện nghiên cứu được tập trung đầu tư trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm quốc gia trong các lĩnh vực: Âm nhạc, Mỹ thuật, Sân khấu - Điện ảnh và Văn hóa, ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới

- 100% các ngành đào tạo lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật ban hành được chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, trong đó có khoảng 40% ngành trọng điểm đạt chuẩn khu vực và quốc tế. 100% các chương trình, giáo trình đào tạo lĩnh vực văn hóa nghệ thuật được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đào tạo.

- Khoảng 50% các chương trình đào tạo lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; 100% các chương trình đào tạo các ngành/ngành trọng điểm đạt chuẩn kiểm định chất lượng.

- 80% các giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục lĩnh vực văn hóa được bồi dưỡng, đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo

- 100% các địa phương có di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tổ chức tập huấn cho cán bộ và cộng đồng về phương pháp cộng đồng tự kể các câu chuyện văn hóa và tự ghi, thu hình ảnh, âm thanh (phương pháp photovoice) để xây dựng mạng lưới cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa phi vật thể.



- 100% các địa phương có di sản văn hóa phi vật thể thuộc mạng lưới di sản văn hóa tương đồng tổ chức giới thiệu, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể trong và ngoài cộng đồng.

- 100% các cơ sở nghiên cứu, đào tạo nhân lực văn hóa nghệ thuật công lập có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- 100% cán bộ chuyên trách quản lý thực hiện Chương trình các cấp, 100% cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia chỉ đạo thực hiện Chương trình được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối thực hiện Chương trình các cấp.

## **b) Nội dung nhiệm vụ**

### **8.1. Phát triển nguồn nhân lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa**

- Nâng cao năng lực đội ngũ các nhà quản lý, hoạch định chính sách (đào tạo dài hạn, ngắn hạn chuyên gia từng lĩnh vực, đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ).

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác công tác, phục vụ trong ngành văn hóa từ Trung ương đến địa phương.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, nghiệp vụ tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa cơ sở các cấp cho cán bộ làm công tác văn hóa cơ sở và người không hưởng lương nhằm nâng cao chất lượng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; sinh hoạt văn hóa cộng đồng tại làng (thôn, ấp, bản, tổ dân phố...)

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa đối ngoại và ngoại ngữ cho đội ngũ nguồn nhân lực phục vụ công tác văn hóa đối ngoại, ngoại giao văn hóa tại Trung ương và địa phương.

### **8.2. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa**

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức về văn hóa, lịch sử, ngoại ngữ và các kỹ năng khác phù hợp với vị trí việc làm cho đội ngũ văn nghệ sĩ và nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

- Tập trung đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật trên cơ sở tiếp tục triển khai Đề án Đào tạo tài năng văn hóa nghệ thuật trong nước đến năm 2026, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 1341/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên đào tạo tài năng đối với các ngành nghệ thuật truyền thống, dân tộc. Sau năm 2030, tiếp tục đề xuất Thủ tướng Chính phủ gia hạn triển khai đề án đến năm 2035.

- Tổ chức lựa chọn, cử học sinh, sinh viên và văn nghệ sĩ tài năng, trí thức trẻ có năng lực, khả năng sáng tạo đi đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng ngắn hạn ở trong và ngoài nước đối với các ngành/lĩnh vực trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc đào tạo nhưng chất lượng chưa cao thực hiện theo kế hoạch của Đề án đào tạo nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 19/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Sau năm 2030, tiếp tục đề xuất Thủ tướng Chính phủ gia hạn triển khai đề án đến năm 2035.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật, lý luận, phê bình, giám tuyển, giám định, phục chế trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học.

- Đào tạo, phát triển đội ngũ diễn viên, nhạc công thuộc các loại hình nghệ thuật truyền thống để cung cấp cho các đơn vị nghệ thuật truyền thống ở Trung ương và địa phương.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ, đội ngũ sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật về công nghệ thông tin và kỹ năng số.

- Lựa chọn, hỗ trợ và cử văn nghệ sĩ, trí thức, tài năng, giảng viên, giáo viên hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật tham dự các cuộc hội thảo, giao lưu, cuộc thi, sáng tạo nghệ thuật, trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm ở trong và ngoài nước.

- Tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn cho chuyên gia lĩnh vực văn hóa nghệ thuật ở trong nước trên cơ sở mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời hằng năm hỗ trợ, cử chuyên gia đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài.

- rà soát, bổ sung ngành, nghề đào tạo thí điểm đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với xu thế khu vực và thế giới, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Chú trọng việc nghiên cứu, đầu tư các nguồn lực để mở các ngành/chuyên ngành đào tạo thí điểm giai đoạn 2026-2030,

đưa vào sử dụng chính thức giai đoạn sau 2031. Phát triển chuyên ngành mỹ học trong các trường khối nhân văn, xã hội nhằm xây dựng, khẳng định các định hướng trong sáng tạo văn hóa nghệ thuật.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đặc thù phục vụ cho lĩnh vực tu bổ, phục hồi di tích, quản lý phát huy giá trị di sản văn hoá ở trong nước và nước ngoài tại những quốc gia có thế mạnh về di sản văn hoá.

### **8.3. Tạo môi trường để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội, tài năng lĩnh vực văn hóa nghệ thuật được sáng tạo, cống hiến, rèn luyện phát triển tài năng**

- Tổ chức các hội thi, hội diễn, chương trình nghệ thuật trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học để tạo sân chơi, thể hiện tài năng cho độ ngũ văn nghệ sỹ.

- Tổ chức các Hội thi tài năng trẻ học sinh, sinh viên trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật trong nước và quốc tế tại Việt Nam nhằm đánh giá chất lượng đào tạo, tạo môi trường giao lưu, học hỏi, phát triển tài năng trẻ trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển tài năng, góp phần cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho lĩnh vực nghệ thuật và là cơ sở để các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật nâng cao chất lượng đào tạo.

### **8.4. Phát triển nguồn nhân lực các ngành công nghiệp văn hóa**

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ các nhà biên kịch, đạo diễn, quản lý, sản xuất, phát hành, kỹ thuật, công nghệ,...trong các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn,....

- Liên kết, phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức giáo dục uy tín ở nước ngoài tổ chức đào tạo thí điểm các ngành/chuyên ngành phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa.

- Xây dựng chương trình, phát triển nội dung chuyên ngành đào tạo về công nghiệp văn hóa trong các trường văn hóa nghệ thuật, chú trọng đào tạo về kinh tế, kỹ thuật, công nghệ trong công nghiệp văn hóa.

### **8.5. Nâng cao năng lực các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật**

- Tập trung nguồn lực, hỗ trợ, thu hút, trọng dụng, tuyển dụng nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, văn nghệ sĩ tài năng, nghệ nhân các ngành, nghề

truyền thống tham gia công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở trong và ngoài nước.

- Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; Mời chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên và nghệ sĩ tài năng ở nước ngoài tham gia giảng dạy, trao đổi, hướng dẫn chuyên môn tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ; trang thiết bị và các loại nhạc cụ, dụng cụ nghiên cứu, học tập thiết yếu cho các loại hình nghệ thuật phục vụ công tác đào tạo.

- Tập trung đầu tư các nguồn lực cho lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo văn hóa nghệ thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Chú trọng, tập trung đầu tư đồng bộ, tổng thể một số trường đại học, viện nghiên cứu trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm quốc gia trong các lĩnh vực: Âm nhạc, Mỹ thuật, Sân khấu - Điện ảnh và Văn hóa ngang tầm với các nước tiên tiến trọng khu vực và thế giới, có vai trò đào tạo chủ chốt đội ngũ nhân lực vượt trội, chủ lực đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đặt ra.

### **c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện**

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 8.1.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 8.2, 8.3, 8.4, 8.5.

### **d) Đối tượng thụ hưởng**

Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

### **e) Nguồn vốn thực hiện**

Vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

## **9. Hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới**

### **a) Mục tiêu**

- Các Trung tâm văn hóa Việt Nam tại Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga được thành lập trên cơ sở nhu cầu, quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa giữa Việt Nam với các nước và phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam.

- Các Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài được nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động.

- Hàng năm, có ít nhất 05 sự kiện quốc tế lớn về văn hóa nghệ thuật tại nước ngoài có sự tham gia chính thức của Việt Nam. Trong đó, có 100% các Triển lãm Thế giới (EXPO).

Hàng năm, có ít nhất 05 sự kiện văn hóa nghệ thuật (festival, lễ hội, cuộc thi, giải thưởng, chương trình biểu diễn nghệ thuật, lưu trú nghệ thuật...) tầm quốc tế, có chất lượng, uy tín được tổ chức tại Việt Nam nhằm chủ động tiếp thu, giới thiệu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, ưu tiên gắn với hệ thống các thành phố sáng tạo của Việt Nam. 100% các thành phố sáng tạo của Việt Nam đăng cai ít nhất 01 sự kiện văn hóa nghệ thuật (festival, lễ hội, cuộc thi, giải thưởng, chương trình biểu diễn nghệ thuật, lưu trú nghệ thuật...) tầm quốc tế, có chất lượng, uy tín nhằm chủ động tiếp thu, giới thiệu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

- 08-15 thương hiệu sự kiện văn hóa nghệ thuật (festival, lễ hội, cuộc thi, giải thưởng, chương trình lưu trú nghệ thuật, liên hoan phim...) tầm quốc tế được xây dựng, phát triển, tổ chức định kỳ tại Việt Nam. 100% các thành phố sáng tạo của Việt Nam xây dựng, phát triển, tổ chức định kỳ ít nhất 01 thương hiệu sự kiện văn hóa nghệ thuật (festival, lễ hội, cuộc thi, giải thưởng, chương trình lưu trú nghệ thuật, liên hoan phim...) tầm quốc tế tại địa phương

- Hàng năm, khoảng 10 chương trình Ngày/Tuần Văn hóa, Lễ hội Văn hóa Du lịch Việt Nam tại nước ngoài được tổ chức. Ưu tiên các địa bàn truyền thống và hướng tới các địa bàn có khoảng cách địa lý xa như khu vực Nam Mỹ, Trung Đông, châu Phi.

- 100% các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài tổ chức dạy tiếng Việt, văn hóa Việt Nam và tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật đặc sắc phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

- Hàng năm, ít nhất 05 đoàn biểu diễn nghệ thuật được cử đi phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở các quốc gia có đông người Việt Nam sinh sống.

## **b) Nội dung nhiệm vụ cụ thể**

### **9.1. Phát huy vai trò các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài**

- Thành lập, xây mới các trung tâm văn hóa Việt Nam tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc, Trung Quốc.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài gắn với công tác văn hóa đối ngoại và công tác cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; đầu tư trang thiết bị, nội thất cho Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp, Lào (thư viện, máy tính, bàn ghế,...).

### **9.2. Quảng bá văn hóa Việt Nam tại các sự kiện quốc tế lớn tại nước ngoài**

- Quảng bá văn hóa Việt Nam tại các sự kiện quốc tế lớn tại nước ngoài như các triển lãm, trưng bày quốc tế (Venice Biennale, London Design Biennale...), các không gian văn hóa, điện ảnh Việt Nam tại các Liên hoan phim Cannes, Berlin, Tokyo, Busan..., giới thiệu sách, văn học Việt Nam tại các sự kiện văn học, hội chợ sách quốc tế, không gian quảng bá Việt Nam tại các hội nghị, sự kiện quốc tế lớn (Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu -COP), hỗ trợ nghệ sỹ Việt Nam tham dự các sự kiện tại nước ngoài.

- Chủ động tham gia tích cực các sáng kiến, sự kiện xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (Thành phố văn hóa ASEAN, Tinh hoa nghệ thuật trình diễn ASEAN, Hệ thống dữ liệu số về di sản văn hóa ASEAN, Trung tâm/Nhà văn hóa ASEAN tại các nước thành viên và các nước đối tác, các chương trình trao đổi văn hóa, tăng cường năng lực, phát triển kinh tế sáng tạo giữa ASEAN).

### **9.3. Tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam**

- Đăng cai, tổ chức các sự kiện quốc tế có quy mô, uy tín, phát triển các thương hiệu festival, lễ hội, cuộc thi, sự kiện văn hóa nghệ thuật chất lượng, giải thưởng âm nhạc,... tại Việt Nam nhằm chủ động tiếp thu, giới thiệu có chọn lọc

ting hoa văn hóa nhân loại, ưu tiên gắn với hệ thống các thành phố sáng tạo của Việt Nam.

- Phát triển các thương hiệu festival, lễ hội, cuộc thi, sự kiện văn hóa nghệ thuật chất lượng, quy mô quốc tế tại Việt Nam như Liên hoan sáng tạo Việt Nam, Tuần lễ Thiết kế Việt Nam.

#### **9.4. Giới thiệu, truyền thông tinh hoa văn hóa Việt nam ra nước ngoài theo các hình thức khác nhau**

- Tổ chức dịch, giới thiệu, xuất bản văn học Việt Nam và các chuyên san, ấn phẩm, các công trình nghiên cứu khoa học có chất lượng về văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

- Sản xuất, phổ biến các nội dung sáng tạo nhằm quảng bá văn hóa Việt Nam trên nền tảng mạng xã hội, kênh truyền hình quốc tế, trên các bảng điện tử công cộng, sân bay trong nước và quốc tế...

- Xây dựng trung tâm dịch thuật để quảng bá, xuất bản trên môi trường mạng các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị của Việt Nam.

- Mời các đoàn phóng viên, báo chí, các đoàn làm phim quốc tế vào Việt Nam.

- Hỗ trợ các địa phương, tổ chức chính trị-xã hội, doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa, thể mạnh của các địa phương với bạn bè quốc tế, xúc tiến, xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ văn hoá và sáng tạo Việt Nam ra nước ngoài.

- Hỗ trợ các cộng đồng người Việt Nam tại nước ngoài truyền bá, lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam tại các quốc gia sinh sống và các quốc gia khác trên thế giới.

- Đầu tư sản xuất phim quảng bá bản sắc văn hóa Việt Nam tại nước ngoài.

#### **9.5. Tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế về văn hóa nghệ thuật và hỗ trợ phát triển sáng tạo nghệ thuật thông qua giao lưu văn hóa**

- Đẩy mạnh hoạt động trao đổi, hợp tác cán bộ về văn hóa, cử cán bộ trẻ, có năng lực tham gia thực tập sinh, ứng cử, làm việc tại các cơ quan, hiệp hội, tổ chức quốc tế về văn hóa nghệ thuật ở khu vực và quốc tế, làm Tham tán Văn hóa, Tùy viên văn hóa tại nước ngoài, làm công tác đối ngoại tại cơ quan quản lý nhà nước Trung ương và Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại nước ngoài.

- Xây dựng các chương trình lưu trú nghệ thuật, trại sáng tác nghệ thuật, chương trình trao đổi nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam dành cho các nghệ sĩ nước ngoài và Việt Nam và hỗ trợ nghệ sĩ Việt Nam tham gia các chương trình lưu trú nghệ thuật tại nước ngoài.

#### **9.6. Phát triển văn hóa trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài**

- Tổ chức các chương trình, hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hoặc lồng ghép vào các sự kiện ngoại giao, đối ngoại khác.

- Thực hiện các chương trình phát huy các giá trị truyền thống Việt Nam tại các gia đình đa văn hóa, các chương trình dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài.

- Mời chuyên gia về văn hóa nghệ thuật là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài về Việt Nam để làm việc và chia sẻ kinh nghiệm phát triển văn hóa nghệ thuật.

#### **c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện**

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 9.1, 9.2, 9.5, 9.6.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 9.3.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan hướng dẫn nội dung 9.4.

#### **d) Đối tượng thụ hưởng**

Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

#### **e) Nguồn vốn thực hiện**

Vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

### **XI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đồng thời phổ biến, truyền thông nâng cao nhận thức về Chương trình**

Thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức chính trị xã hội và cộng đồng cần xác định xây dựng và



phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Toàn bộ hệ thống chính trị tập trung đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền phổ biến sâu rộng về mục tiêu của Chương trình đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư, đội ngũ những người làm văn hóa nghệ thuật nhằm làm thay đổi và chuyển biến nhận thức, xác định vai trò của từng chủ thể trong thực hiện Chương trình một cách hiệu quả.

Tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế về văn hóa nhằm đưa tinh hoa Việt Nam ra thế giới, góp phần bổ sung tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo tinh hoa văn hóa thế giới để làm phong phú thêm văn hóa Việt Nam.

## **2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để phát huy hiệu quả các hoạt động văn hóa nghệ thuật và thúc đẩy sự sáng tạo để phát triển ngành văn hóa, các thiết chế văn hóa cơ sở phát huy hiệu quả nhằm kích lệ khát vọng sáng tạo và tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân**

- Hoàn thiện các cơ chế chính sách, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản pháp luật, quản lý hiện hành có liên quan đến phát triển văn hóa nhằm hoàn thiện hệ thống thể chế văn hóa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tạo môi trường, khuôn khổ thuận lợi, khuyến khích sáng tạo, quản lý hiệu quả, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và phù hợp với cam kết quốc tế.

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý về huy động hiệu quả nguồn lực, sự tham gia của khu vực ngoài Nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế; chỉ đạo các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động gồm: cơ chế chính sách xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế tự chủ đặc thù đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; hợp tác công - tư trong sản xuất sản phẩm văn hóa và đầu tư xây dựng, khai thác công trình văn hóa; cải cách chính sách thuế, phí, lệ phí để thu hút đầu tư nước ngoài, đầu tư tư nhân, đặc biệt là các hỗ trợ, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân khi tài trợ, hiến tặng; cơ chế quản lý việc gây quỹ cộng đồng, quỹ đối ứng công - tư; chính sách gắn trách nhiệm của nhà đầu tư đối với phát triển văn hóa.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách về phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa: cơ chế, chế độ đãi ngộ tiền lương, tiền công, phụ cấp, bồi dưỡng đặc thù đối với văn nghệ sĩ, người thực hành văn hóa; chính sách tuổi nghỉ hưu và tuổi hưởng lương hưu, hỗ trợ đào tạo, sắp xếp việc làm phù hợp khi hết tuổi biểu diễn; cơ chế đặc thù về thu hút, tuyển dụng tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực nghệ thuật chuyên nghiệp, đặc biệt là nghệ thuật truyền thống; chính sách hỗ trợ nhà ở, cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường học tập và làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn hóa nghệ thuật; chính sách hỗ trợ cho các nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân Nhân dân, các nghệ nhân chưa được phong tặng danh hiệu nhưng nắm giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương.

- Hoàn thiện hệ thống chính sách về quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật: hoạt động phổ biến, giao dịch bản ghi âm, ghi hình, nội dung nghệ thuật biểu diễn (bao gồm cả ca khúc), điện ảnh, sản phẩm mỹ thuật, đặc biệt trên môi trường số; quy định về mức chi giải thưởng, bồi dưỡng tổ chức các cuộc thi, liên hoan thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; Luật Nghệ thuật biểu diễn, Luật Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm, Luật độc lập về bản quyền tác giả, Nghị định về công tác văn học.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển thị trường công nghiệp văn hóa: văn bản quy phạm pháp luật về chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hóa; các quy định ưu đãi (vốn, thuế, đất đai) cho các nhà đầu tư trong phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa chủ chốt, có tiềm năng, lợi thế (điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa); các quy định cơ chế đặc thù về đầu tư nguồn lực Nhà nước nhằm hỗ trợ sự phát triển và hoạt động của các không gian văn hóa sáng tạo; cơ chế, quỹ, giải thưởng khuyến khích các cá nhân, tổ chức có những sản phẩm nghệ thuật, sáng tạo đạt giải cao, có sức lan tỏa lớn được thế giới công nhận.

### **3. Tập trung nguồn lực và có cơ chế huy động nguồn lực thực hiện Chương trình**

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định; căn cứ vào tình hình thực tế, Chính phủ tiếp tục cân đối ngân sách Trung ương để ưu tiên bổ sung cho Chương trình, các địa phương phải có trách nhiệm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình.

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Các tỉnh, thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước được phân bổ đầu tư cho các địa bàn khó khăn để góp phần thu hẹp khoảng cách về phát triển văn hóa giữa các vùng, miền, đặc biệt là giữa nông thôn và đô thị. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, huyện từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung phát triển văn hóa toàn diện. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ phát triển văn hóa toàn diện.

- Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho các ngành công nghiệp văn hóa; nghiên cứu, rà soát, sửa đổi bổ sung nội dung, đối tượng hỗ trợ cho vay phát triển Chương trình Thương hiệu Văn hóa Việt Nam, hỗ trợ áp dụng công nghệ số trong sản xuất, sáng tạo sản phẩm công nghiệp văn hóa trong các chương trình tín dụng chính sách hiện có, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội.

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ các địa phương (huyện, xã) thực hiện phát triển văn hóa toàn diện; vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp phát triển văn hóa toàn diện theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách Nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định. Nhà nước cần tập trung nguồn lực từ ngân sách Nhà nước để thực hiện các dự án đề xuất trong Chương trình đảm bảo thực hiện được các nhiệm vụ trọng tâm trọng điểm, có tính chất định hướng, đồng thời có cơ chế huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, từ xã hội tham gia thực hiện Chương trình. Tăng cường các hoạt động vận động các nhà tài trợ quốc tế, các Tổ chức phi chính phủ (NGOs) hỗ trợ nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện các nội dung liên quan đến những vấn đề cấp thiết của Chương trình và phù hợp với xu thế phát triển chung của các nước khác trên thế giới; đồng thời, tranh thủ các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại... để tăng thêm nguồn lực đầu tư cho Chương trình.

- Tăng cường huy động các nguồn lực khác như nguồn lực đất đai, nguồn nhân lực. Thu hút đầu tư nước ngoài (từ các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp nước ngoài...) và các nhà đầu tư tiềm năng trong nước, đặc biệt trong việc đầu tư xây

dựng, phát triển cơ sở hạ tầng các khu trung tâm văn hóa, tổ hợp trung tâm biểu diễn nghệ thuật, trung tâm chiếu phim, dịch vụ giải trí văn hóa... để gia tăng nguồn kinh phí thực hiện, giảm áp lực cho ngân sách Nhà nước.

#### **4. Xây dựng cơ chế, phân cấp, phân quyền cụ thể trong triển khai Chương trình**

Thực hiện phân cấp, phân quyền cho địa phương trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện của từng địa phương gắn với lợi thế, bản sắc văn hóa, đảm bảo hiệu quả của Chương trình.

Việc phân cấp quản lý, thực hiện Chương trình theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, phân rõ trách nhiệm của địa phương và các Bộ, cơ quan ngang Bộ tham gia thực hiện Chương trình.

#### **5. Tổ chức bộ máy thực hiện Chương trình**

Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với các quy định hiện hành, đảm bảo Chương trình được triển khai phù hợp, hiệu quả và thống nhất, đồng bộ trong toàn hệ thống. Giao một cơ quan đầu mối chung, điều phối thực hiện Chương trình nhằm tạo ra sự chủ động ở cấp thực hiện và thống nhất trong quá trình triển khai đạt được mục tiêu đề ra của Chương trình.

#### **6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát Chương trình**

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, hiệu quả việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình để điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả thực hiện Chương trình.

## **XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình, có trách nhiệm:

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình; có trách nhiệm quản lý và giám sát tổng thể về kết quả thực hiện Chương trình của tất cả các địa phương trên cả nước.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và địa phương xây dựng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định. Ban hành theo thẩm quyền hoặc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và địa phương xây dựng quy định về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp (tỉnh, huyện, xã) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, bền vững) giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tổng hợp nhu cầu vốn ngân sách Trung ương cần bổ sung thêm cho Chương trình giai đoạn 2026-2030 và hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chủ trì nội dung dự án thành phần thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm, giai đoạn 05 năm dự kiến giao cho từng Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao các địa phương thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan chủ trì nội dung dự án thành phần thông báo tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của chương trình; thông báo mức vốn sự nghiệp hàng năm và hai năm tiếp theo cho các Bộ, cơ quan chủ trì nội dung dự án thành phần theo quy định của cấp có thẩm quyền về cơ chế phân bổ vốn ngân sách trung ương của chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan chủ trì nội dung dự án thành phần xây dựng phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm chi tiết theo từng dự án thành phần; đề xuất cân đối và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương; dự toán kinh phí sự nghiệp hàng năm nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình và hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, ban hành chính sách tín dụng đầu tư, bảo hiểm cho các ngành công nghiệp văn hóa thực hiện theo đúng chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và cơ chế huy động vốn tín dụng của Chính phủ về chính sách tín dụng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Trung ương và các văn bản khác có liên quan.

- Chủ trì, rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ để triển khai hiệu quả Chương trình.

- Chủ trì xây dựng hướng dẫn các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch hàng năm sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì xây dựng hệ thống đánh giá giám sát Chương trình và văn bản hướng dẫn các cơ quan thực hiện Chương trình quy trình đánh giá, giám sát Chương trình theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp kiến nghị và đề xuất xử lý các vướng mắc về cơ chế, chính sách, cơ chế quản lý, giám sát, cơ chế huy động và quản lý các nguồn lực xã hội hoá trong quá trình thực hiện Chương trình.

- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo tăng cường sự phối hợp của các Bộ, ngành và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung được phân công, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương theo quy định.

- Bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn, phổ biến thông tin, tuyên truyền dưới các hình thức, sản phẩm phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ quản lý, thực hiện Chương trình.

## **2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

- Thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và địa phương xây dựng trình Chính phủ ban hành quy định về quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, hàng năm, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình trên cơ sở đề xuất của chủ chương trình để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cân đối, ưu tiên bổ sung nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển) cho Chương trình giai đoạn 2026-2030 và hàng năm theo yêu cầu của Quốc hội, phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công và khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất cân đối, ưu tiên vốn sự nghiệp nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình giai đoạn 2026-2030; thông báo số kiểm tra kinh phí sự nghiệp hàng năm và hai năm tiếp theo, chi tiết theo dự án thành phần; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền dự toán ngân sách trung ương của Chương trình trên cơ sở đề xuất của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan thẩm định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công của Chương trình theo quy định.

## **3. Bộ Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cân đối, ưu tiên bổ sung nguồn vốn ngân sách Trung ương (kinh phí sự nghiệp) cho Chương trình giai đoạn 2026-2030 và hàng năm theo yêu cầu của Quốc hội, phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn và khả năng cân đối của ngân sách nhà Nước.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan xây dựng, ban hành hướng dẫn về định mức chi tiêu, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

#### **4. Các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan**

- Các Bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Chính phủ giao phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Tổng hợp kết quả thực hiện; hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 05 năm và hằng năm giao cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương thực hiện đối với Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành, gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Lập kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 05 năm và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình, dự án, Đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, ngành, địa phương.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao thực hiện rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật để làm căn cứ triển khai thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ



trì theo quy định, gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp.

- Chủ trì, rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành để triển khai hiệu quả Chương trình.

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động thêm nguồn lực để thực hiện các nội dung của các Bộ, ngành. Ban hành các quy định, quy chế tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc theo quy định tại Điều 21, Điều 23, Điều 24 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

#### ***Các nhiệm vụ cụ thể khác:***

##### **4.1. Bộ Công an**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng đời sống văn hóa trong lực lượng công an nhân dân.

##### **4.2. Bộ Công Thương**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về liên kết xúc tiến thương mại với xúc tiến các sản phẩm công nghiệp văn hóa và quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam, phát huy sức mạnh mềm của dân tộc.

##### **4.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, nâng cao chất lượng, lồng ghép giáo dục nghệ thuật, giáo dục kỹ năng xã hội vào chương trình giáo dục phổ thông các cấp.

#### **4.4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về: nâng cao đời sống văn hóa cho người lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất; lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

#### **4.5. Bộ Ngoại giao**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về ngoại giao văn hóa, tăng cường sự tham gia của Việt Nam trong UNESCO và các tổ chức quốc tế đa phương và song phương khác.

#### **4.6. Bộ Quốc phòng**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng đời sống văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

#### **4.7. Bộ Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về: phát triển phát thanh, truyền hình trở thành ngành công nghiệp văn hóa mũi nhọn; tăng cường vai trò của báo chí và truyền thông trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; phát triển hệ thống thông tin cơ sở; xây dựng các biện pháp kỹ thuật nhằm quản lý, đảm bảo an toàn thông tin và bảo hộ bản quyền trên môi trường mạng.

Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc ngăn chặn cung cấp sản phẩm văn hóa vi phạm quy định pháp luật Việt Nam; Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền sản phẩm văn hóa có giá trị.

#### **4.8. Bộ Tư pháp**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về trợ giúp pháp lý, xây dựng văn hóa sống và làm việc theo pháp luật.

#### **4.9. Bộ Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về: xây dựng nhà ở cho người lao động, đặc biệt là trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế đảm bảo trong quy hoạch xây dựng đã bao gồm các thiết chế văn hóa.

#### **4.10. Bộ Y tế**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về nâng cao sức khỏe, cải thiện dinh dưỡng, điều kiện y tế người dân, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ đang mang thai hướng tới xây dựng con người Việt Nam toàn diện.

#### **4.11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ về: xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình; kiểm tra, giám sát các ngân hàng thương mại trong việc thực hiện chính sách tín dụng thực hiện Chương trình.

### **5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ thuộc mục tiêu của Chương trình có trách nhiệm:

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi cơ quan chủ Chương trình, cơ quan chủ trì nội dung thành phần và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định rõ ràng và cụ thể nhu cầu về diện tích và vị trí đất dành cho xây dựng công trình văn hóa, dành quỹ đất hợp lý tại các vị trí thuận lợi để đầu tư mới các công trình văn hóa trong khuôn khổ Chương trình. Trong quá trình quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới, ưu tiên bố trí diện tích và vị trí đất cho xây dựng các công trình văn hóa trong khuôn khổ Chương trình.

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng cấp và các Sở, Ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao; ban hành quy định về lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ để thực hiện Chương trình trên địa bàn, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, phân đầu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt.

- Thành lập Ban Chỉ đạo chung cho các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 ở địa phương theo quy định. Thực hiện kiện toàn bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp thống nhất, đồng bộ theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí của Chương trình đúng mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng có hiệu quả, không để thất thoát và chịu trách nhiệm về việc không thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn.

- Chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng địa phương phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn để phù hợp với kế hoạch chung của tỉnh.

- Chủ động cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định, cũng như có giải pháp huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để đầu tư phát triển văn hóa toàn diện; khuyến khích cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện các nội dung của Chương trình, trong đó ưu tiên hỗ trợ triển khai Chương trình Thương hiệu Văn hóa Việt Nam, hỗ trợ áp dụng công nghệ số trong sản xuất và sáng tạo nội dung đảm bảo thực hiện theo đúng chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về cơ chế huy động vốn tín dụng của Chính phủ về chính sách tín dụng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, về quản lý vốn tín dụng chính sách và phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách Trung ương và các văn bản khác có liên quan.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, nghiên cứu, ban hành cơ chế khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ phát triển văn hóa toàn diện đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư.

- Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ địa phương (huyện, xã) thực hiện phát triển văn hóa toàn diện.

- Tăng cường vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp phát triển văn hóa toàn diện theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản của Chương trình.

- Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh định kỳ, đột xuất theo quy định, kịp thời xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp để thất thoát kinh phí của Chương trình.

#### **6. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội**

Trân trọng đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung được phân công, để hướng dẫn các địa phương thực hiện; chủ động, tích cực tham gia vào thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chương trình.

### **XIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Đề nghị Quốc hội xem xét, bố trí đủ vốn ngân sách Trung ương (khoảng 108.000 tỷ đồng) và quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (dự kiến khoảng 36.000 tỷ đồng) cho Chương trình giai đoạn 2026-2030, để đảm bảo bố trí đủ nguồn lực hỗ trợ hoàn thành được các mục tiêu của Chương trình.

- Đề nghị Quốc hội giao Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn để thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2026-2030.

Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026-2030./.